

Giáo án môn Toán lớp 1 bộ sách Cánh Diều cả năm**Bài 1. TRÊN - DƯỚI, PHẢI - TRÁI****TRƯỚC – SAU. Ở GIỮA****I. Mục tiêu:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Xác định được các vị trí: trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa trong tình huống cụ thể và có thể diễn đạt được bằng ngôn ngữ.
- Thực hành trải nghiệm sử dụng các từ ngữ: trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa để mô tả vị trí các đối tượng cụ thể trong các tình huống thực tế.
- Bước đầu rèn luyện kỹ năng quan sát, phát triển các năng lực toán học.

II. Chuẩn bị

- Tranh tình huống.
- Bộ đồ dùng Toán 1.

III. Các hoạt động dạy học:**A. Hoạt động khởi động**

- GV giới thiệu: Học toán lớp 1, chúng ta sẽ được học số, học các phép tính, các hình đơn giản và thực hành lắp ghép, đo độ dài, xem đồng hồ, xem lịch HS làm quen với bộ đồ dùng để học toán.
- GV hướng dẫn HS các hoạt động cá nhân, nhóm, cặp, cách phát biểu,...
- HS xem tranh khởi động, chia sẻ theo nhóm bàn về những gì các em nhìn thấy.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

- HS quan sát tranh trong khung kiến thức và trao đổi thảo luận theo nhóm bàn.
- HS sử dụng các từ: *trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* để nói về vị trí của các sự vật trong bức tranh theo cách quan sát và cách diễn đạt của các em.

Ví dụ: Bạn gái *đứng sau* cây, ...

GV chỉ vào từng bức tranh nhỏ trong khung kiến thức và nhấn mạnh các thuật ngữ: *trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa*.

Lưu ý: Để HS hứng thú, sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên, GV có thể kể chuyện hoặc tạo bối cảnh cho tình huống bức tranh. Vì quan hệ vị trí có tính tương đối nên khi mô tả vị trí của đồ vật, sự vật, cần xác định rõ vị trí của đối tượng nào so với đối tượng nào.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS quan sát tranh và trao đổi thảo luận theo nhóm bàn.

- HS sử dụng các từ: *trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* để nói về vị trí của các đồ vật trong bức tranh. Chẳng hạn: Hộp bút *ở trên* mặt bàn, ...

GV có thể đặt thêm các câu hỏi liên quan đến bức tranh:

+ Kể tên những vật ở dưới gầm bàn.

+ Kể tên những vật ở trên mặt bàn.

+ Trên bàn có vật nào ở bên tay trái bạn gái?

+ Trên bàn có vật nào ở bên tay phải bạn gái?

- GV có thể hướng dẫn để HS thao tác: Lấy bút chì, tẩy, hộp bút rồi đặt chúng sao cho bút chì ở giữa, hộp bút ở bên phải bút chì, tẩy ở bên trái bút chì,...

Bài 2. HS quan sát tranh và trao đổi thảo luận theo nhóm bàn.

- HS sử dụng các từ: *bên phải, bên trái* để nói chỉ dẫn cho bạn nhỏ trong bức tranh muốn đến trường học thì rẽ sang bên nào, muốn đến bưu điện thì rẽ sang bên nào.

- GV đặt câu hỏi giúp HS sử dụng các từ “phải, trái” để định hướng không gian. Ví dụ: Nếu muốn đi bộ về nhà, khi ra khỏi cổng trường em rẽ sang bên nào?

Bài 3

HS thực hiện lần lượt các động tác theo yêu cầu của bài toán dưới sự chỉ dẫn của GV.

HS trả lời câu hỏi: Phía trước, phía sau, bên trái, bên phải em là bạn nào?

Lưu ý: GV có thể tổ chức thành trò chơi “Làm theo tôi nói, không làm theo tôi làm” cho HS hoạt động. Chẳng hạn: GV (hoặc chủ trò) giơ tay *phải* nhưng hô thành: “Các em hãy giơ tay *trái*.”, HS giơ tay *trái* theo lời GV (hoặc chủ trò) nói, ai làm sai thì bị phạt.

D. Hoạt động vận dụng

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

- Khi tham gia giao thông em đi đường bên nào?

- Khi lên xuống cầu thang em đi bên nào?

- Sự khác nhau của hai biển báo giao thông này là gì?



E. Củng cố, dặn dò

Có rất nhiều quy tắc trong cuộc sống được xây dựng liên quan đến “phải - trái”, khi mọi người làm việc theo các quy tắc thì cuộc sống trở nên có trật tự. Về nhà, các em tìm hiểu thêm những quy định liên quan đến “phải - trái”.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc quan sát tranh và sử dụng các từ: *trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* để nói về vị trí của các sự vật trong bức tranh; thảo luận, đặt câu hỏi cho nhau về vị trí của những đồ vật, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc thao tác: lấy bút chì, tẩy, hộp bút rồi đặt chúng sao cho bút chì ở giữa, hộp bút ở bên phải bút chì, tẩy ở bên trái bút chì,...; liên hệ những quy tắc trong cuộc sống liên quan đến “phải - trái”,..., HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học.

Bài 2. HÌNH VUÔNG - HÌNH TRÒN HÌNH TAM GIÁC - HÌNH CHỮ NHẬT

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. Gọi đúng tên các hình đó.
- Nhận ra hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật từ các vật thật.
- Ghép được các hình đã biết thành hình mới.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Các thẻ hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật có kích thước, màu sắc khác nhau.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

A. Hoạt động khởi động

HS xem tranh khởi động chia sẻ theo cặp đôi về hình dạng của những đồ vật trong bức tranh. Chẳng hạn: mặt đồng hồ có dạng hình tròn, lá cờ có dạng hình tam giác.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. GV yêu cầu HS thực hiện các hoạt động sau:

- HS lấy ra một nhóm các đồ vật có hình dạng và màu sắc khác nhau: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
- GV hướng dẫn HS quan sát lần lượt từng tấm bìa hình vuông (có màu sắc, kích thước khác nhau) và nói: “Hình vuông”.
- HS lấy ra một số hình vuông khác có trong bộ đồ dùng, nói: “Hình vuông”.
- Thực hiện tương tự với hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

2. HS thảo luận nhóm: Kể tên các đồ vật trong thực tế có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. Sau đó, các nhóm chia sẻ trước lớp.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện theo cặp:

- HS xem hình vẽ và nói cho bạn nghe đồ vật nào có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
- GV hướng dẫn HS cách nói đủ câu, cách nói cho bạn nghe và lắng nghe bạn nói.

Bài 2. HS thực hiện theo cặp:

- HS quan sát hình vẽ, chỉ vào hình vẽ và nói: hình tam giác có màu vàng, hình vuông có màu xanh, hình tròn và hình chữ nhật có màu đỏ, ...
- GV khuyến khích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của các em; rèn cho HS cách đặt câu hỏi, cách trả lời, cách quan sát và phân loại hình theo màu sắc, theo hình dạng.

Bài 3. HS thực hiện theo nhóm:

- Các nhóm HS suy nghĩ, sử dụng các hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật để ghép thành các hình như gợi ý hoặc các hình theo ý thích.
- HS chia sẻ với bạn hình mới ghép được và ý tưởng ghép hình của mình. GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS quan sát xung quanh lớp học, chỉ ra các đồ vật có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc quan sát, nhận dạng và phân loại hình, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc lắp ghép tạo hình mới từ các hình đã học, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.
- Thông qua việc trình bày ý tưởng, đặt câu hỏi và trả lời về các hình đã học, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

Bài 3. CÁC SỐ 1, 2, 3**I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 3. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 1, 2, 3.
- Đọc, viết được các số 1, 2, 3.
- Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 1, 2, 3.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Tranh tình huống.

- Một số chấm tròn; thẻ số 1, 2, 3 (trong bộ đồ dùng Toán 1).
- Một số đồ vật quen thuộc với HS: 1 bút chì, 3 que tính, 2 quyển vở, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**A. Hoạt động khởi động**

HS *quan sát* tranh khởi động, nói cho bạn nghe những gì mình quan sát được.

HS chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hình thành các số 1, 2, 3

a) HS *quan sát* khung kiến thức:

- HS *đếm số* con vật và số chấm tròn tương ứng.
- HS *nói*, chẳng hạn: “Có 1 con mèo. Có 1 chấm tròn.Số 1”.

Tương tự với các số 2, 3.

b) HS tự *lấy ra* các đồ vật (chấm tròn hoặc que tính, ...) rồi đếm (1, 2, 3 đồ vật).

- HS *giơ ngón tay* hoặc *lấy ra* các chấm tròn đúng số lượng GV yêu cầu.
- HS *lấy đúng thẻ số* phù hợp với tiếng vỗ tay của GV (ví dụ: GV vỗ tay 3 cái, HS lấy thẻ số 3).

2. Viết các số 1, 2, 3

- HS nghe GV hướng dẫn cách viết số 1 rồi thực hành viết số 1 vào bảng con.
- Tương tự với các số 2, 3.

Lưu ý: GV nên đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở HS tránh những lỗi sai đó.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Đếm số lượng các con vật, đọc số tương ứng.
- Trao đổi, nói với bạn về số lượng các con vật vừa đếm được. Chẳng hạn: HS chỉ vào hai con mèo rồi nói: “Có 2 con mèo”; đặt thẻ số 2.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát hình vẽ bên trái có 1 chấm tròn và ở dưới ghi số 1.
- Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng chấm tròn cần lấy cho phù hợp.
- Lấy số chấm tròn cho đủ số lượng, đếm để kiểm tra lại.
- Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả.

Bài 3

- HS đếm các khối lập phương, rồi đọc số tương ứng.
- HS đếm tiếp từ 1 đến 3 và tập đếm lùi từ 3 đến 1.

D. Hoạt động vận dụng

- Mỗi HS quan sát tranh, suy nghĩ, nói cho bạn nghe số lượng đồ vật theo

mỗi tình huống yêu cầu. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS cách đếm và dùng mẫu câu khi nói. Chẳng hạn: *Có 3 quyển vở.*

- GV khuyến khích HS đếm các đồ dùng học tập trên bàn của mình, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp. Chẳng hạn: Trên bàn có mấy quyển vở?

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động: quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng; đọc số, xác định số lượng hình cần lấy, HS có cơ hội được phát triển một số NL: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về số lượng đồ vật, sự vật trong từng tình huống, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

LƯU Ý

Đây là bài đầu tiên trong chuỗi bài về các số trong phạm vi **10**. Vì vậy, bên cạnh các nội dung kiến thức, GV cần chú ý rèn cho HS các kĩ năng học tập môn Toán như: làm việc nhóm đôi, quan sát tranh khởi động thảo luận với bạn, cách đếm số lượng của sự vật trong tranh. GV cũng cần chú ý khai thác những kinh nghiệm, trải nghiệm về số lượng mà HS đã biết khi học ở Mẫu giáo và trong cuộc sống.

Bài 4. CÁC SỐ 4, 5, 6

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 4, 5, 6.
- Đọc, viết được các số 4, 5, 6.
- Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 4, 5, 6.

- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh tình huống.
- Một số chấm tròn, hình vuông; các thẻ số từ 1 đến 6, ... (trong bộ đồ dùng Toán 1).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS *quan sát* tranh khởi động, nói cho bạn nghe những gì mình quan sát được.

HS chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hình thành các số 4, 5, 6

a) HS *quan sát* khung kiến thức:

- HS *đếm* số bông hoa và số chấm tròn.
- HS *nói*, chẳng hạn: “Có 4 bông hoa. Có 4 chấm tròn, số 4”.

Tương tự với các số 5, 6.

b) HS tự *lấy ra* các đồ vật (chấm tròn hoặc que tính, ...) rồi *đếm* (4, 5, 6 đồ vật).

- HS giơ ngón tay hoặc lấy ra các chấm tròn đúng số lượng GV yêu cầu.
- HS lấy đúng thẻ số phù hợp với tiếng vỗ tay của GV (ví dụ: GV vỗ tay 4 cái,

HS lấy thẻ số 4).

2. Viết các số 4, 5, 6

- HS nghe GV hướng dẫn cách viết số 4 rồi thực hành viết số 4 vào bảng con.
- Tương tự với các số 5, 6.

Lưu ý: GV nên đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc HS tránh những lỗi sai đó.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Đếm số lượng mỗi loại quả, đọc số tương ứng.

Trao đổi, nói với bạn về số lượng mỗi loại quả vừa đếm được. Chẳng hạn: Chỉ

- vào 6 củ cà rốt, nói: “Có 6 củ cà rốt”; đặt thẻ số 6.

Lưu ý: GV tạo cơ hội cho HS nói về cách các em nhận biết số lượng, cách đếm, cách đọc kết quả sau khi đếm.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

Quan sát hình vẽ, đếm số hình vuông có trong mẫu.

- Đọc số ghi dưới mỗi hình, lấy ra hình vuông cho đủ số lượng.
- Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe cách làm và kết quả.

Lưu ý: Khi chữa bài GV nên đặt câu hỏi để HS nói cách nghĩ, cách làm bài.

Bài 3. HS thực hiện theo cặp:

Đếm các số theo thứ tự từ 1 đến 6, rồi đọc số còn thiếu trong các bông hoa.

Đếm tiếp từ 1 đến 6, đếm lùi từ 6 về 1.

Đếm tiếp, đếm lùi từ một số nào đó. Chẳng hạn đếm tiếp từ 3 đến 6.

Lưu ý: GV có thể cho HS xếp các thẻ số từ 1 đến 6 theo thứ tự rồi đếm tiếp từ 1 đến 6, đếm lùi từ 6 đến 1.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và nói cho bạn nghe số lượng đồ vật theo mỗi tình huống yêu cầu. Chia sẻ kết quả trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS cách đếm và dùng mẫu câu khi nói. Chẳng hạn: Có 5 chiếc cốc.

- GV khuyến khích HS quan sát tranh, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp về số lượng của những đồ vật khác có trong tranh. Chẳng hạn hỏi: Có mấy chiếc tủ lạnh?
Trả lời: Có 1 chiếc tủ lạnh.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Lấy ví dụ sử dụng các số đã học để nói về số lượng đồ vật, sự vật xung quanh em.

- Về nhà, em hãy tìm thêm các ví dụ sử dụng các số đã học trong cuộc sống để

hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động: quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng; đọc số, lấy số hình phù hợp, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về số lượng đồ vật, sự vật trong từng tình huống và sử dụng từ ngữ toán học để diễn đạt cách làm của mình, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học.

Bài 5. CÁC SỐ 7, 8, 9

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 9. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 7, 8, 9.
- Đọc, viết được các số 7, 8, 9.
- Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 7, 8, 9.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh tình huống.
- Một số que tính, chấm tròn, hình tam giác; thẻ số từ 1 đến 9, ... (trong bộ đồ dùng Toán 1).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS *quan sát* tranh khởi động, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì. Chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hình thành các số 7, 8, 9

- HS *quan sát* khung kiến thức:
 - HS *đếm* số chiếc trống và số chấm tròn.

- HS nói, chẳng hạn: “Có 7 chiếc trống. Có 7 chấm tròn, số 7”.

Tương tự với các số 8, 9.

- b) HS tự lấy ra các đồ vật (chấm tròn hoặc que tính, ...) rồi đếm (7, 8, 9 đồ vật).

- HS giơ ngón tay hoặc lấy ra các đồ vật đúng số lượng GV yêu cầu.

- HS lấy đúng thẻ số phù hợp với số lần vỗ tay của GV (ví dụ: GV vỗ tay 8 lần, HS lấy thẻ số 8).

2. Viết các số 7, 8, 9

- HS nghe GV hướng dẫn cách viết số 7 rồi thực hành viết số 7 vào bảng con.
- Tương tự với các số 8, 9.

Lưu ý: GV nên đưa ra một số trường hợp viết số sai, ngược để nhắc HS tránh những lỗi sai đó.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Đếm số lượng mỗi loại đồ vật rồi đọc số tương ứng.
- Trao đổi, nói với bạn về số lượng mỗi loại đồ vật vừa đếm được. Chẳng hạn: Chỉ vào 8 con gấu, nói: “Có 8 con gấu”; đặt thẻ số 8.

Lưu ý: GV đặt câu hỏi để tìm hiểu cách HS đếm. Chú ý rèn cho HS cách đếm, chỉ vào từng đối tượng cần đếm tránh đếm lặp, khi nói kết quả đếm có thể làm động tác khoanh vào tất cả đối tượng cần đếm, nói: Có tất cả 8 con gấu.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

Quan sát mẫu, đếm số hình tam giác có trong mẫu.

- Đọc số ghi dưới mỗi hình.
- Lấy ra các hình tam giác cho đủ số lượng, đếm để kiểm tra lại.
- Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe cách làm và kết quả.

Lưu ý: GV có thể tổ chức theo nhóm, theo cặp hoặc tổ chức thành trò chơi. GV cũng có thể thay đổi vật liệu và số lượng để hoạt động phong phú hơn. Chẳng hạn:

Lấy cho đủ 8 hình vuông hoặc vẽ cho đủ 9 chấm tròn, ...

Bài 3. HS thực hiện các thao tác:

- Đếm các số theo thứ tự từ 1 đến 9, rồi đọc số còn thiếu trong các ô.
- Đếm tiếp từ 1 đến 9, đếm lùi từ 9 đến 1.

- Đếm tiếp, đếm lùi từ một số nào đó. Chẳng hạn đếm tiếp từ 7 đến 9.

Lưu ý: GV có thể cho HS xếp các thẻ số từ 1 đến 9 theo thứ tự rồi đếm tiếp từ 1 đến 9, đếm lùi từ 9 đến 1.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và nói cho bạn nghe số lượng đồ vật theo mỗi tình huống yêu cầu. Chia sẻ kết quả trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS cách đếm và dùng mẫu câu khi nói. Chẳng hạn: có 8 hộp quà.

- GV khuyến khích HS quan sát tranh, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp về số lượng của những đồ vật khác có trong tranh. Chẳng hạn hỏi: Có mấy quả bóng? Trả lời: Có 9 quả bóng.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Lấy ví dụ sử dụng các số đã học nói về số lượng đồ vật, sự vật xung quanh em.
- Về nhà, em hãy tìm thêm các ví dụ sử dụng các số đã học trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động: quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng; đọc số, lấy số hình cho phù hợp, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách lấy cho đủ số lượng, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học

LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

- Khi đếm số người hoặc những đồ vật có nhiều hơn 3, GV nên tạo cơ hội cho HS nói về cách nhận biết số lượng, đếm trước lớp để cả lớp có thể đánh giá cách đếm có đúng không.

- Chú ý dạy HS cách đếm, đếm tiếp, đếm lùi, đếm từ một số bất kì.

Bài 6. SỐ 0**I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Bước đầu hiểu ý nghĩa của số 0.
- Đọc, viết số 0.
- Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 đến 9.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh tình huống.
- Các thẻ số từ 0 đến 9.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**A. Hoạt động khởi động**

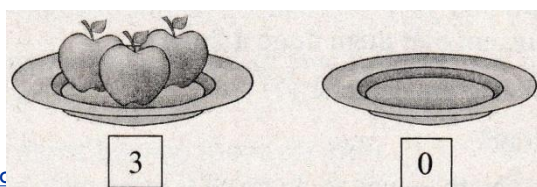
- HS *quan sát* tranh khởi động, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.
- HS *đếm số cá trong xô của mỗi bạn mèo trong bức tranh và nói*. Chẳng hạn: “Bạn mèo thứ nhất có 3 con cá, bạn mèo thứ hai có 2 con cá, bạn mèo thứ ba có 1 con cá, bạn mèo thứ tư B.

B. Hoạt động hình thành kiến thức**1. Hình thành số 0**

- a) HS *quan sát* khung kiến thức:
- HS *đếm số cá trong mỗi xô và đọc số tương ứng*.
 - HS *nói*. Chẳng hạn: “Xô màu xanh nước biển có 3 con cá. Ta có số 3”.
 - “Xô màu hồng có 2 con cá. Ta có số 2”.
 - “Xô màu xanh lá cây có 1 con cá. Ta có số 1”.
 - “Xô màu cam không con cá nào. Ta có số 0”.

HS lấy các thẻ số tương ứng với số cá của mỗi bạn mèo.

- HS *quan sát thêm một số tình huống xuất hiện số 0*: Ví dụ: Quan sát tranh hai đĩa táo. Trả lời câu hỏi: Mỗi đĩa có mấy quả táo?



HS đếm số quả táo trên các đĩa, nói: “Đĩa thứ nhất có 3 quả táo. Ta có số 3; Đĩa thứ hai *không* có quả táo nào. Ta có số 0”.

b) Tương tự với một chiếc lọ có 5 chiếc kẹo, một chiếc lọ không có chiếc kẹo nào. Chơi trò chơi “Tập tầm vông, tay không tay có”. *Cách chơi:* Chủ trò (GV) dùng một vật nhỏ lén bỏ vào lòng một bàn tay rồi nắm lại và quay hai tay tròn trước ngực. Chủ trò vừa quay vừa đọc: “Tập tầm vông, tay không, tay có. Tập tầm vó, tay có tay không. Tay nào có, tay nào không? Tay nào không, tay nào có?”. Hết câu ai đoán đúng sẽ được thưởng.

2. Viết số 0

- HS nghe GV hướng dẫn cách viết số 0.
- HS thực hành viết số 0 vào bảng con.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- a) Đếm xem mỗi rổ có mấy con rồi đặt các thẻ số tương ứng vào mỗi rổ đó.
- b) Đếm xem mỗi hộp có mấy chiếc bút rồi đặt các thẻ số tương ứng vào mỗi hộp đó.

Chia sẻ, nói kết quả với bạn cùng bàn.

Bài 2

- HS đếm tiếp các số theo thứ tự từ 0 đến 9, rồi đọc số còn thiếu trong các ô.
- HS đếm lùi các số theo thứ tự từ 9 về 0, rồi đọc số còn thiếu trong các ô.
- HS đếm tiếp, đếm lùi từ một số nào đó. Chẳng hạn: đếm tiếp từ 5 đến 9.

Lưu ý: GV có thể cho HS xếp các thẻ số từ 0 đến 9 theo thứ tự rồi đếm tiếp từ 0 đến 9, đếm lùi từ 9 về 0.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 3. HS thực hiện các thao tác sau theo nhóm hoặc theo cặp:

- Tìm số 0 ở các đồ vật trong bài 3. Kể tên những đồ vật, sự vật có số 0 mà em biết xung quanh mình. Chẳng hạn: số 0 trên quạt điện, số 0 trên máy tính, số 0 trong bộ đồ dùng học toán của em, ...

- Thảo luận: Người ta dùng số 0 trong các tình huống trên có ý nghĩa gì?

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Số 0 giống hình gì?
- Về nhà, em hãy tìm thêm các ví dụ có số 0 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động: quan sát tranh, đếm số lượng, nhận biết số 0 trong các tình huống thực tiễn, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc sử dụng số 0 để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn các ví dụ về số 0 trong thực tiễn, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học.

Bài 7. SỐ 10

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 10. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về số 10.

- Đọc, viết được số 10.
- Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật.
- Nhận biết vị trí số 10 trong dãy các số từ 0 đến 10.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh tình huống.
- Một số chấm tròn, que tính, hình vuông, hình tam giác (trong bộ đồ dùng Toán 1).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS quan sát tranh khởi động, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.
- HS đếm số quả mỗi loại có trong cửa hàng và nói. Chẳng hạn: “Có 5 quả xoài”, “Có 6 quả cam”,...

Chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hình thành số 10

- HS quan sát khung kiến thức:
 - HS đếm số quả táo và số chấm tròn.
 - HS nói: “Có 10 quả táo. Có 10 chấm tròn, số 10”.
- HS lấy thẻ số trong bộ đồ dùng học toán gài số 10 lên thanh gài.
- HS tự lấy ra 10 đồ vật (chấm tròn hoặc que tính, ...) rồi đếm.

2. Viết số 10

- HS nghe GV giới thiệu số 10, GV hướng dẫn cách viết số 10.
- HS thực hành viết số 10 vào bảng con.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

a) Đếm số lượng mỗi loại quả, đọc số tương ứng.

b) Trao đổi, nói với bạn về số lượng mỗi loại quả đếm được. Chẳng hạn: Chỉ vào hình vẽ bên phải nói: Có mười quả xoài, chọn số 10.

Lưu ý: GV chú ý rèn cho HS cách đếm, chỉ vào từng đối tượng cần đếm để tránh đếm lặp, khi nói kết quả đếm có thể làm động tác khoanh vào tất cả đối tượng cần đếm, nói: Có tất cả 10 quả xoài.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát hình vẽ, đếm số hình vuông có trong mẫu.
- Đọc số ghi dưới mỗi hình.
- Lấy hình cho đủ số lượng, đếm để kiểm tra lại.
- Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe cách làm và kết quả.

Lưu ý: GV có thể tổ chức theo nhóm, theo cặp hoặc tổ chức thành trò chơi. GV cũng có thể thay đổi vật liệu và số lượng để hoạt động phong phú hơn. Chẳng hạn: Lấy cho đủ 10 hình tam giác hoặc vẽ cho đủ 10 hình tròn, ...

Bài 3

- HS đếm tiếp các số theo thứ tự từ 0 đến 10, rồi đọc số còn thiếu trong các ô.
- HS đếm lùi các số theo thứ tự từ 10 về 0, rồi đọc số còn thiếu trong các ô.
- Đếm tiếp từ 0 đến 10 và đếm lùi từ 10 về 0.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS thực hiện đếm và chỉ ra đủ 10 bông hoa mỗi loại.

Lưu ý:

- GV có thể tổ chức thành trò chơi: tô màu vào 10 bông hoa, khoanh vào 10 chữ cái hoặc lấy cho đủ 10 que tính.
- Lấy ví dụ số 10 để nói về số lượng đồ vật, sự vật xung quanh em. Chẳng hạn: Có 10 ngón tay, có 10 ngón chân; Trong hộp có 10 chiếc bút, ...

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

- Về nhà, em hãy tìm thêm các ví dụ sử dụng các số đã học trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.



B

Bài 8. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được số lượng trong phạm vi 10; biết đọc, viết, các số trong phạm vi 10, thứ tự vị trí của mỗi số trong dãy số từ 0 đến 10.
- Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật.
- Nhận dạng và gọi đúng tên hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng Toán 1.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Tôi cần, tôi cần”: Với mỗi lượt chơi, chủ trò nêu yêu cầu, chẳng hạn: “Tôi cần 5 cái bút”. Nhóm nào lấy đủ 5 chiếc bút nhanh nhất được 2 điểm. Nhóm được 10 điểm trước sẽ thắng cuộc.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Đếm và nói cho bạn nghe về số bông hoa vừa đếm được, chẳng hạn: Chỉ vào chậu hoa màu hồng, nói: “Có mười bông hoa”; đặt thẻ số 10.

Bài 2. HS thực hiện theo nhóm hoặc theo cặp:

- Một HS viết số ra nháp hoặc ra bảng con, yêu cầu nhóm hoặc cặp lấy ra số hình tương ứng với số bạn vừa viết. Chẳng hạn: Bạn A: Viết số 4. Bạn B: Lấy tương ứng 4 hình tam giác (hoặc hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật). Hai bạn cùng đọc kết quả: Có 4 hình tam giác, số 4.
- Đổi vai cùng thực hiện.

Bài 3

- HS đếm để tìm số còn thiếu trong mỗi ô trống, chẳng hạn:
 - + Đếm 3, 4, 5.
 - + Gắn thẻ số 4 vào ô ?
- Đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách tìm số còn thiếu.

C. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS quan sát hình vẽ các con vật, đếm số chân của mỗi con vật.

GV có thể tổ chức thành trò chơi “Đố bạn”: Con gì có 2 chân? Con gì có 4 chân? Con gì có 6 chân? Con gì có 8 chân? Con gì có 0 chân? (không có chân).

Bài 5. HS quan sát dãy các hình, tìm hình còn thiếu rồi chia sẻ với bạn cách làm.

Lưu ý: GV có thể cho HS dùng các hình trong bộ đồ dùng học Toán 1 để xếp thành chuỗi các hình theo quy luật trên. GV khuyến khích HS xếp tiếp các hình theo quy luật đó.

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động: đếm số lượng nêu số tương ứng hoặc với mỗi số lấy tương ứng số lượng đồ vật, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.
- Thông qua việc tìm quy luật xếp hình đơn giản, liên hệ thực tế tìm những con vật có 2 chân, 4 chân,... HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

Bài 9. NHIỀU HƠN - ÍT HƠN – BẰNG NHAU

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật.
- Biết sử dụng các từ: *nhiều hơn*, *ít hơn*, *bằng nhau* khi so sánh về số lượng.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ bìa: 7 cái cốc, 6 cái đĩa, 5 cái thìa, 6 cái bát; thẻ đúng, thẻ sai.
- Một số tình huống đơn giản liên quan đến: *nhiều hơn*, *ít hơn*, *bằng nhau*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh.
Chẳng hạn: Bức tranh vẽ 6 bạn gấu đang ngồi ở bàn ăn, trên bàn có 6 cái bát, có 7 cái cốc, ...

- HS nhận xét về số bạn gấu so với số bát, số cốc hay số thìa có trên bàn.

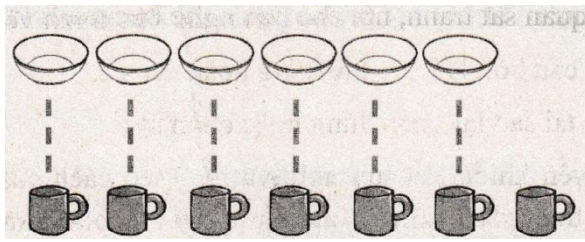
Lưu ý: GV khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em. HS có thể đưa ra những nhận xét trực giác như: số cốc nhiều hơn số gấu, số thìa ít hơn số bát, ... GV dẫn dắt: Nhưng làm thế nào để biết được điều đó, chúng ta tìm hiểu bài hôm nay.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:

- Quan sát hình vẽ, rồi nói:
 - + Có một số bát (GV gắn các thẻ bát lên bảng, HS đặt các thẻ bát trước mặt).
 - + Có một số chiếc cốc (GV gắn các thẻ cốc lên bảng, HS đặt các thẻ cốc trước mặt).
- HS trao đổi theo cặp, nói cho nhau nghe số bát nhiều hơn hay số cốc nhiều hơn.
- Nghe GV hướng dẫn cách xác định số cốc nhiều hơn (GV vẽ đường nối

tương ứng thẻ bát và cốc, HS làm tương tự).



- GV nhận xét: Thừa ra một chiếc cốc. Vậy: số cốc *nhiều hơn* số bát; số bát *ít hơn* số cốc.

- HS nhắc lại: số cốc *nhiều hơn* số bát; số bát *ít hơn* số cốc.

- HS thực hiện tương tự với số bát và số thìa, số bát và số đĩa. Qua đó rút ra nhận xét:

+ Số thìa *ít hơn* số bát; số bát *nhiều hơn* số thìa.

+ Số bát *bằng* số đĩa; số đĩa và số bát *bằng nhau*.

2. Tương tự như trên, HS thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm với các bát và thìa. Đặt tương ứng mỗi bát với một thìa, rút ra nhận xét: số bát *nhiều hơn* số thìa hay số thìa *ít hơn* số bát.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Quan sát tranh, sử dụng các từ: *nhiều hơn*, *ít hơn*, *bằng nhau* để nói về bức tranh. Chẳng hạn: Số cốc *ít hơn* số thìa; số thìa và số đĩa *bằng nhau*, ...

- HS đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau nghe nhận xét về số cốc, số thìa, số đĩa trong bức tranh rồi chia sẻ kết quả trước lớp.

Bài 2. Cá nhân HS tự làm bài 2: Quan sát tranh, nói và chỉ vào cây có nhiều quả hơn.

GV khuyến khích HS nói, diễn đạt cách các em xác định cây bên nào có nhiều quả hơn.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?

- GV đọc từng câu hỏi, HS giơ thẻ đúng hoặc thẻ sai.
- HS giải thích tại sao lại chọn đúng hoặc chọn sai.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. Khuyến khích HS quan sát tranh đặt các câu hỏi liên quan đến bức tranh sử dụng các từ: *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* rồi mời bạn khác trả lời.

E. **Củng cố, dặn dò**

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến so sánh số lượng sử dụng các từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) **Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

- Thông qua việc đặt tương ứng 1 - 1 để so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc quan sát tranh tình huống, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến, sử dụng các từ ngữ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* để mô tả, diễn đạt so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

LƯU Ý

- Nếu còn thời gian, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”.

Cách chơi: Chọn một số bạn, một số ghế (số người nhiều hơn số ghế). Cả lớp hát một bài, trong khi 4 bạn đi vòng quanh ghế. Khi hát hết bài, chủ trò ra hiệu mỗi bạn phai ngồi vào một ghế. Ai nhanh (có ghế ngồi) sẽ được khen,...

- GV nêu nhận xét: Một bạn không có ghế ngồi vì số ghế ít hơn số người. Như vậy, chúng ta có thể so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật bằng cách ghép tương ứng mỗi đồ vật của nhóm này với một và chỉ một đồ vật của nhóm kia.

Bài 10. LỚN HƠN, DẤU >**BÉ HƠN, DẤU <****BẰNG NHAU, DẤU =****I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ (*lớn hơn, bé hơn, bằng nhau*) và các dấu (>, <, =) để so sánh các số.
- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Các thẻ số và các thẻ dấu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**A. Hoạt động khởi động**

- HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh. Chẳng hạn: Bức tranh vẽ 3 bạn nhỏ đang chơi với các quả bóng, bạn thứ nhất tay phải cầm 4 quả bóng xanh, tay trái cầm 1 quả bóng đỏ, ...
- HS nhận xét về số quả bóng ở tay phải và số quả bóng ở tay trái của mỗi bạn.

B. Hoạt động hình thành kiến thức**1. Nhận biết quan hệ lớn hơn, dấu >**

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:

- Quan sát hình vẽ thứ nhất và nhận xét: “Bên trái có 4 quả bóng. Bên phải có 1 quả bóng, số bóng bên trái *nhiều hơn* số bóng bên phải”.
- Nghe GV giới thiệu: “4 quả bóng nhiều hơn 1 quả bóng”, ta nói: “4 *lớn hơn* 1”, viết $4 > 1$. Dấu > đọc là “lớn hơn”.
- HS lấy thẻ dấu > trong bộ đồ dùng, gài vào thanh gài $4 > 1$, đọc “4 *lớn hơn* 1”
- Thực hiện tương tự, GV gắn bên trái có 5 quả bóng, bên phải có 3 quả bóng. HS nhận xét: “5 quả bóng nhiều hơn 3 quả bóng”, ta nói: “5 *lớn hơn* 3”, viết $5 > 3$.

2. Nhận biết quan hệ bé hơn, dấu <

- GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ thứ hai và nhận xét: “Bên trái có 2

quả bóng. Bên phải có 5 quả bóng, số bóng bên trái *ít hơn* số bóng bên phải. 2 quả bóng *ít hơn* 5 quả bóng”, ta nói: “2 *bé hơn* 5”, viết $2 < 5$. Dấu $<$ đọc là “bé hơn”.

- HS lấy thẻ dấu $<$ trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài $2 < 5$, đọc “2 *bé hơn* 5”.

3. Nhận biết quan hệ bằng nhau, dấu $=$

- GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ thứ ba và nhận xét: “Bên trái có 3 quả bóng. Bên phải có 3 quả bóng, số bóng bên trái và số bóng bên phải *bằng nhau*”.

Ta nói: “3 *bằng* 3”, viết $3 = 3$. Dấu “ $=$ ” đọc là “bằng”.

- HS lấy thẻ dấu $=$ trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài $3 = 3$, đọc “3 *bằng* 3”.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái với số lượng khối lập phương bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phương bên trái với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “3 khối lập phương nhiều hơn 1 khối lập phương”. Ta có: “3 lớn hơn 1 viết $3 > 1$ ”.

- HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và viết kết quả vào vở theo thứ tự: $2 < 5$; $4 = 4$; $4 > 3$.

- Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.

Bài 2

- HS quan sát hình vẽ thứ nhất, lập tương ứng mỗi chiếc xẻng với một chiếc xô. Nhận xét: “Mỗi chiếc xẻng tương ứng với một chiếc xô, thừa ra một chiếc xô. Vậy số xẻng *ít hơn* số xô”. Ta có: “2 *bé hơn* 3”, viết $2 < 3$.”

- HS thực hiện tương tự với các hình vẽ tiếp theo rồi viết kết quả vào vở: $3 > 2$; $2 = 2$.

- Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.

- Khuyến khích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của các em sử dụng các từ ngữ: *nhiều hơn, ít hơn, lớn hơn, bé hơn, bằng nhau*.

Bài 3

a) HS tập viết các dấu ($>$, $<$, $=$) vào bảng con.

b) Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và viết kết quả vào vở. Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.

Lưu ý: Khi đặt dấu ($>$, $<$) vào giữa hai số, bao giờ đầu nhọn cũng chỉ vào số bé hơn.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?
- HS chọn đồ vật có ghi số lớn hơn, rồi chia sẻ với bạn cách làm.
- Tìm các ví dụ xung quanh lớp học, trong gia đình về so sánh số lượng rồi chia sẻ với các bạn.

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
 - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? Kí hiệu toán học nào em cần nắm chắc?
- Để không nhầm lẫn khi sử dụng các kí hiệu đó em nhớ bạn điều gì?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ *lớn hơn*, *bé hơn*, *bằng nhau* và các kí hiệu ($>$, $<$, $=$), HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL

- tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

Thông qua việc sử dụng các thẻ số, thẻ dấu ($>$, $<$, $=$) để thể hiện quan hệ *lớn hơn*, *bé hơn*, *bằng nhau*, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và

- phương tiện học toán.

LƯU Ý

- Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS của lớp mình, GV có thể ngắt tiết cho phù hợp. Chẳng hạn, tiết 1 có thể kết thúc khi hết hoạt động hình thành kiến thức, cũng có thể kết thúc khi hết bài 1.

- Nếu còn thời gian, GV có thể đưa thêm các ví dụ về so sánh hai số cho HS thực hành.

Bài 11. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) để so sánh các số trong phạm vi 10.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

2 bộ thẻ số từ 1 đến 5, 1 thẻ số 8 và 2 bộ thẻ các dấu ($>$, $<$, $=$).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- Chơi trò chơi “Ghép thẻ” theo nhóm. Mỗi nhóm dùng 2 bộ thẻ các số từ 1 đến 5 và 2 bộ thẻ các dấu ($>$, $<$, $=$) để ghép thành các mệnh đề đúng. Chẳng hạn: $1 < 5$; $4 = 4$; $3 > 2$; ...
- Các nhóm kiểm tra chéo kết quả của nhau, nhóm nào lập được nhiều mệnh đề đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.
- HS rút ra nhận xét qua trò chơi: Để so sánh đúng hai số cần lưu ý điều gì?

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái với bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phương bên trái với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “5 khối lập phương nhiều hơn 3 khối lập phương”, ta có: “5 lớn hơn 3”, viết $5 > 3$.
- HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và viết kết quả vào vở: $4 < 6$; $7 = 7$.
- Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.

Bài 2

- Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và viết kết quả vào vở.
- Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.

Bài 3. HS lấy các thẻ số 4, 8, 5. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé.

Có thể thay bằng các thẻ số khác hoặc lấy ra 3 thẻ số bất kì (trong các số từ 0 đến 10) và thực hiện tương tự như trên.

C. Hoạt động vận dụng

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?
- HS đếm và chỉ ra bạn có ít viên bi nhất, bạn có nhiều viên bi nhất.
- GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huống bức tranh.

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Để có thể so sánh chính xác hai số, em nhắn bạn điều gì?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ *lớn hơn, bé hơn, bằng nhau* và các kí hiệu ($>$, $<$, $=$), HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
- Thông qua việc đặt câu hỏi và trả lời liên quan đến các tình huống có quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

Nếu còn thời gian, GV có thể đưa thêm các ví dụ về so sánh hai số cho HS thực hành.

Bài 12. EMÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- củng cố kỹ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10.
- Bước đầu biết tách số (7 gồm 2 và 5, 8 gồm 5 và 3, ...).
- củng cố kỹ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Các thẻ số từ 0 đến 10; Bộ đồ dùng học Toán.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Bài 1

- HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?
- HS đặt câu hỏi cho bạn về số lượng người và mỗi loại đồ vật có trong bức tranh. HS đếm và nói số lượng, chẳng hạn: có 8 bạn nhỏ, có 3 bạn đội mũ, có 1 chiếc bánh sinh nhật, có 6 cây nến, ...
- HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh số lượng liên quan đến tình huống bức tranh.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 2. HS thực hiện theo nhóm hoặc theo cặp:

- Quan sát hình vẽ, đếm và gọi tên 9 đồ vật trong hình.
- Lấy từ bộ đồ dùng học tập 7 đồ vật.

Lưu ý: Để HS được luyện tập nhiều hơn, GV có thể gợi ý cho HS chỉ ra các đồ vật với số lượng khác nhau, chẳng hạn: chỉ ra 5 đồ vật, chỉ ra 7 đồ vật, ... Hoặc lấy ra những đồ vật có số lượng khác nhau, chẳng hạn: Lấy ra 8 đồ vật, ... GV cũng có thể tổ chức thành trò chơi theo nhóm hoặc theo cặp. HS tự đưa ra yêu cầu để bạn cùng nhóm, cùng cặp thực hiện.

Bài 3. HS thực hiện các hoạt động sau:

- Đếm số quả bóng, số kẹo, số vòng tay, số ngón tay rồi nêu số thích hợp.
- Quan sát hình vẽ, nhận xét: “Có 5 quả bóng, 3 quả bóng vàng đỏ, 2 quả bóngvàng xanh”. GV hướng dẫn HS nói: “5 gồm 3 và 2 hoặc 5 gồm 2 và 3”. Thực hiện tương tự với các trường hợp khác.

Lưu ý: Nếu có thời gian, GV có thể hướng dẫn HS thao tác trên các ngón tay và nói, chẳng hạn: HS giơ 7 ngón tay (tay trái giơ 5 ngón, tay phải giơ 2 ngón); HS nói: “7 gồm 5 và 2 hoặc 7 gồm 2 và 5”.

Bài 4. Thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm bàn:

- HS lấy các thẻ số từ 0 đến 10: a) Tìm các thẻ ghi số bé hơn 5; b) Tìm các thẻ ghi số lớn hơn 7; c) Lấy ra các thẻ số 6, 3, 7, 2 rồi sắp xếp các thẻ số đó theo thứ tự từ bé đến lớn.
- HS có thể tự đặt các yêu cầu tương tự để thực hành trong nhóm.

Bài 5

- Cá nhân HS quan sát tranh, đếm từng loại hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật trong tranh rồi ghi kết quả vào vở.
- HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: Có tất cả 4 hình vuông, 10 hình chữ nhật, 6 hình tam giác và 4 hình tròn.

Lưu ý: HS có thể sử dụng ngón tay hoặc các đồ vật trực quan để hỗ trợ tìm số lượng mỗi loại hình.

C. Hoạt động vận dụng**Bài 6**

- Cá nhân HS quan sát tranh, đếm số cánh hoa của mỗi bông hoa.
- HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả.
- GV giới thiệu cho HS các loại hoa có 3, 4, 5, 6, 8, 10 cánh trong hình vẽ lần lượt là: hoa duyên linh, hoa mẫu đơn, hoa mai trắng, hoa dừa cạn, hoa ly, hoa bướm.
- Liên hệ thực tế với những loại hoa mà em biết.
- Khuyến khích HS về nhà quan sát các bông hoa trong tự nhiên, đếm số cánh hoa, tìm hiểu thêm về những bông hoa có 1 cánh, 2 cánh, 3 cánh, ...

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động: đếm số lượng, nêu số tương ứng hoặc với mỗi số lấy tương ứng số lượng đồ vật, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.
- Thông qua các thao tác tách số, nêu cấu tạo mỗi số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

Bài 13. EM VUI HỌC TOÁN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

- Nghe hát, vận động theo nhịp và chơi trò chơi, thông qua đó củng cố kỹ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10.
- Làm các số em thích bằng các vật liệu địa phương, biểu diễn các số bằng nhiều cách khác nhau.
- Củng cố kỹ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn với các biển báo giao thông.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bài hát: Em tập đếm.
- Các vật liệu để có thể biểu diễn số lượng, chẳng hạn: dây, đất nặn, sỏi, que tính,...
- Bút màu, giấy vẽ.
- Một số hình ảnh biển báo giao thông.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động 1. Nghe hát, vận động theo nhịp và giơ ngón tay đúng số lượng

- HS nghe và vận động theo nhịp của bài hát “Em tập đếm”. HS giơ các ngón tay theo các số có trong lời bài hát.
- HS thực hiện theo cặp; đọc số, giơ ngón tay đúng số lượng của số vừa đọc và ngược lại. Khi giơ một số ngón tay, GV yêu cầu HS phải nói đúng số lượng ngón tay vừa giơ.

B. Hoạt động 2. Tạo thành các số em thích

HS thực hiện theo nhóm:

- Làm các số đã học (từ 0 đến 10) bằng các vật liệu khác nhau đã chuẩn bị trước. Chẳng hạn ghép số bằng các viên sỏi, nặn số bằng đất nặn hoặc dùng dây thừng để tạo số, ...

- Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.
- Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.

C. Hoạt động 3. Thể hiện số bằng nhiều cách

HS thực hiện theo nhóm:

- Thể hiện các số đã học bằng nhiều cách: viết, vẽ, tô màu, ...
- Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.
- Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.

D. Hoạt động 4. Tìm hiểu biển báo giao thông

HS thực hiện theo nhóm hoặc thực hiện chung cả lớp:

- Nêu hình dạng của các biển báo giao thông trong hình vẽ. GV giới thiệu cho HS: Trong hình vẽ, thứ tự từ trái qua phải là các biển báo: đường dành cho ô tô, đường dành cho người tàn tật, đường dành cho người đi bộ cắt ngang và đường cấm đi ngược chiều.

- Chia sẻ hiểu biết về các biển báo giao thông. Nhận ra biển cấm thường có màu đỏ.

E. Củng cố, dặn dò

- HS nói cảm xúc sau giờ học.
- HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.

HS nói về hoạt động nào còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động trải nghiệm: làm số bằng các vật liệu, thể hiện số bằng nhiều cách khác nhau, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

- Thông qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua hoạt động nhóm HS có cơ hội phát triển NL hợp tác.

Bài 14. LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác gộp, nhận biết cách sử dụng các dấu (+, =).
- Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa gộp) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (+, =), thanh gài phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa gộp).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:
 - + *Quan sát hai bức tranh trong SGK.*
 - + *Nói với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh, chẳng hạn: Có 3 quả bóng màu xanh; Có 2 quả bóng màu đỏ; Có tất cả 5 quả bóng được ném vào rổ.*
- GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

- Tay phải cầm 3 que tính. Tay trái cầm 2 que tính. *Gộp lại* (cả hai tay) và đếm xem có tất cả bao nhiêu que tính.
- HS nói, chẳng hạn: “Tay phải có 3 que tính. Tay trái có 2 que tính. Có tất cả 5 que tính”.
- 2. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... Có tất cả...*
- 3. Hoạt động cả lớp:

- GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính.
- HS nghe GV giới thiệu phép cộng, dấu +, dấu =: HS nhìn $3 + 2 = 5$ và đọc *bacộng hai bằng năm*.

- GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học $3 + 2 = 5$.

4. Củng cố kiến thức mới:

- GV nêu tình huống khác, HS đặt phép cộng tương ứng rồi giải phép tính vào thanh giải. Chẳng hạn: GV nêu: “Bên trái có 1 chấm tròn, bên phải có 4 chấm tròn, gộp lại có tất cả mấy chấm tròn? Bạn nào nêu được phép cộng?”;

HS giải phép tính $1 + 4 = 5$ vào thanh giải.

- Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép cộng.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn:
 - + Bên trái có 2 quả bóng vàng. Bên phải có 1 quả bóng xanh. Có tất cả bao nhiêu quả bóng?
 - + Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính $2 + 1 = 3$ vào vở.
- Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu khi nói về bức tranh: *Có... Có... Có tất cả...*

Bài 2

- Cá nhân HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm bài.

Bài 3. Cá nhân HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... Có tất cả...*

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa gộp) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: An có 5 cái kẹo. Bình có 1 cái kẹo. Hỏi cả hai bạn có tất cả mấy cái kẹo?

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản nêu lên nhận biết về phép cộng (với nghĩa gộp), cách sử dụng các dấu (+, =), HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc diễn tả tình huống thực tế bằng phép cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học.
- Thông qua việc thao tác với các que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

Bài 14. LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác thêm, củng cố cách sử dụng các dấu (+, =).
- Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa thêm) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa thêm).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:
 - + *Quan sát hai bức tranh trong SGK.*
 - + *Nói với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh, chẳng hạn: Có 4 quả bóng trong rổ. Thêm 1 quả bóng. Có tất cả 5 quả bóng trong rổ.*
- GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ cho HS và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

- GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:
 - HS thao tác trên que tính: Lấy ra 4 que tính. *Lấy thêm* 1 que tính. Đếm xem có tất cả bao nhiêu que tính?
 - HS nói: “Có 4 que tính. Thêm 1 que tính. Có tất cả 5 que tính”.
- GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Thêm... Có tất cả...*
- Hoạt động cả lớp:
 - GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính.
 - HS nhìn $4 + 1 = 5$, đọc *bốn cộng một bằng năm*.

- GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học $4+1=5$.

4. củng cố kiến thức mới:

- GV nêu tình huống khác, HS nêu phép cộng tương ứng rồi gài thẻ phép tính vào thanh gài. Chẳng hạn: “Có 3 ngón tay. Thêm 2 ngón tay. Có tất cả mấy ngón tay? Bạn nào nêu được phép cộng?”. HS gài phép tính $3 + 2 = 5$ vào thanh gài.
- Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép cộng.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn:
 - + Có 1 con ong, thêm 1 con ong bay đến. Có tất cả bao nhiêu con ong?
 - + Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính $1 + 1 = 2$ vào vở.
- Đôi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu: *Có... Thêm... Có tất cả...*

Bài 2

- Cá nhân HS quan sát các tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm bài.

Bài 3. Cá nhân HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Thêm... Có tất cả...*

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa thêm) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: Hà có 5 cái kẹo. Mẹ cho thêm 1 cái kẹo. Hà có tất cả mấy cái kẹo?

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản nêu lên nhận biết về phép cộng (với nghĩa thêm), cách sử dụng các dấu (+, =), HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết Vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc diễn tả tình huống thực tế bằng phép cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học.

- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

Bài 16. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:
 - + *Quan sát* bức tranh trong SGK.
 - + *Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: “Có 4 con chim ở dưới sân. Có 2 con chim đang bay đến. Có tất cả bao nhiêu con chim?”, HS đếm rồi nói: “Có tất cả 6 con chim”.
 - + Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được.
- GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ những gì

các em quan sát được từ bức tranh có liên quan đến phép cộng. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:

- Quan sát hình vẽ “chong chóng” trong khung kiến thức trang 38.
- GV nói: Bạn gái bên trái có 3 chong chóng - Lấy ra 3 chấm tròn;
Bạn gái bên phải có 1 chong chóng - Lấy ra 1 chấm tròn.

Để biết có tất cả bao nhiêu chong chóng (hay chấm tròn) ta thực hiện phép cộng $3 + 1$.

- HS nói: $3 + 1 = 4$.

2. HS thực hiện tương tự với hình vẽ “chim bay” trong khung kiến thức trang 38 và nói kết quả *phép cộng*. $4 + 2 = 6$.

3. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói : *Có... Có... có tất cả...*

4. Củng cố kiến thức mới:

- GV nêu một số tình huống. HS đặt phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng rồi gài kết quả vào thanh gài.
- Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép cộng và tính kết quả.

Lưu ý:

- Ngoài việc dùng các chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính hoặc đồ vật khác để hỗ trợ việc tính ra kết quả.
- Tùy theo đối tượng HS và điều kiện thực tế, GV có thể khuyến khích HS suy nghĩ tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: Không dùng các chấm tròn mà hãy tưởng tượng trong đầu để tìm kết quả, ví dụ:

$$5 + 1 = ?; 2 + 2 = ?; 2 + 1 = ?; \dots$$

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- GV hướng dẫn HS cách làm 1 phép tính.
- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính), rồi ghi phép tính vào vở.

- Đòi hỏi, đặt câu hỏi cho nhau, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.
- GV có thể nêu ra một vài phép tính khác để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính.

Lưu ý: Bài này trọng tâm là GV hướng dẫn HS cách tìm kết quả phép cộng. Ngoài chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính, ... để tìm ra kết quả của phép cộng.

Bài 2

- Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm để tìm kết quả phép tính).

- HS thảo luận với bạn về kết quả tính được, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.

- GV chốt lại cách làm bài.

Lưu ý: Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau (có thể nhẩm, có thể dùng chấm tròn, que tính, ngón tay,...), GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chỉ chú ý đến kết quả của phép tính.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ câu a): Bên trái có 3 chú mèo. Bên phải có 2 chú mèo. Có tất cả bao nhiêu chú mèo? Phép tính tương ứng là: $3 + 2 = 5$.

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng trong phạm vi 6, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc thao tác với các que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

Bài 17. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 6*.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

- Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính; bạn B nêu kết quả phép tính đó (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau).

- *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.

- GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.

- HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6*.

- HS đưa ra *phép cộng* và đổ nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).

- GV tổng kết: Có thể nói:

Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.

Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.

Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.

Dòng thứ tư được coi là Bảng cộng: Một số cộng 4.

Dòng thứ năm được coi là Bảng cộng: Một số cộng 5.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài, rồi viết kết quả vào vở.

- Đôi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Lưu ý: Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính, ... để tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng cộng trong phạm vi 6* để tính nhẩm.

- GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kỹ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $4 + 1$; $1 + 4$; $5 + 1$; $1 + 5$; ...

- Ở câu b), GV nên đặt câu hỏi để HS quan sát và nêu nhận xét các phép tính trong từng cột, chẳng hạn: Khi đổi chỗ hai số trong phép cộng thì kết quả phép cộng không thay đổi. HS lấy thêm ví dụ tương tự: $2 + 3 = 5$; $3 + 2 = 5$; ...

Bài 2. HS tự làm bài 2, nêu phép tính thích hợp cho từng ô còn thiếu. HS trao đổi với bạn và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp. Chia sẻ trước lớp.

Bài 3. HS quan sát phân tích màu rồi vận dụng để tìm kết quả các phép tính cho trong bài.

Lưu ý: GV hướng dẫn HS cách làm các bài có số 0 trong phép cộng (một số cộng với 0 có kết quả bằng chính số đó). GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. GV khuyến khích HS trong lớp lấy thêm ví dụ phép cộng với

số 0.

Bài 4. Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

a) Bên trái có 3 con ong. Bên phải có 3 con ong. Có tất cả bao nhiêu con ong?
Ta có phép cộng $3 + 3 = 6$. Vậy có tất cả 6 con ong.

b) Có 3 bạn đang ngồi đọc sách. Có thêm 2 bạn đi đến. Có tất cả bao nhiêu bạn?
Ta có phép cộng $3 + 2 = 5$. Vậy có tất cả 5 bạn.

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng có kết quả đến 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 6*, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc quan sát tranh, nêu tình huống thích hợp với tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề và NL mô hình hoá toán học.

Bài 18.

LUYỆN TẬP**I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 6.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ phép tính như ở bài 1.
- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**A. Hoạt động khởi động**

HS thực hiện các hoạt động sau:

- Chơi trò chơi “Truyền điện” để ôn tập cộng nhẩm trong phạm vi 6 như sau:
Bạn A đọc phép cộng rồi chỉ bạn B đọc kết quả. Nếu bạn B đọc kết quả đúng thì bạn B đọc tiếp phép cộng khác rồi chỉ bạn C đọc kết quả. Quá trình cứ tiếp tục như vậy, cuộc chơi dừng lại khi đến bạn đọc kết quả sai. Bạn đó thua cuộc.

- Chia sẻ: Cách cộng nhẩm của mình; Để có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì?

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. GV tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm như sau: Một bạn lấy ra một thẻ phép tính đó bạn khác nêu kết quả phép tính và ngược lại. Hoặc cũng có thể chuẩn bị các thẻ trắng để HS tự viết phép tính rồi đó bạn viết kết quả thích hợp.

Bài 2

- Cá nhân HS tự tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng trong phạm vi 6* để tìm kết quả).

- HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm bài. Chú ý, trong phép cộng hai số mà có một số bằng 0 thì kết quả bằng số còn lại.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát các ngôi nhà và số ghi trên mái nhà để nhận ra các phép tính trong ngôi nhà có kết quả là số ghi trên mái nhà. HS lựa chọn số thích hợp trong mỗi ô có dấu ? của từng phép tính sao cho kết quả mỗi phép tính đó là số ghi trên mái nhà, ví dụ ngôi nhà số 5 có các phép tính: $3 + 2$; $2 + 3$; $4 + 1$



- HS chia sẻ với bạn, đặt câu hỏi cho nhau, cùng tìm thêm các phép tính có thể đặt vào mỗi ngôi nhà. Chẳng hạn: Ngôi nhà số 5 còn có thể đặt thêm các phép tính:

$1 + 4$; $5 + 0$; $0 + 5$.

- GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS thực hiện theo nhóm với các ngôi nhà số bằng giấy bìa, HS tự hoàn thiện các phép tính có kết quả tương ứng với kết quả ghi trên mỗi mái nhà, chẳng hạn như hình vẽ bên.

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ câu a): Trên cây có 2 con chim. Có thêm 3 con bay đến. Có tất cả bao nhiêu con chim? Ta có phép cộng $2 + 3 = 5$. Vậy có tất cả 5 con chim.

- HS làm tương tự với các trường hợp còn lại.

C. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

D. củng cố, dặn dò

về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tính cộng trong phạm vi 6, HS có cơ hội được

phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc nhận biết các bài toán bởi các tranh ảnh minh hoạ hoặc tình huống thực tế và việc sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

Bài 19. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10**I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**A. Hoạt động khởi động**

HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:

- *Quan sát* bức tranh trong SGK.
- *Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn:

+ Có 6 con chim trên cây. Có 4 con chim đang bay đến. Để biết có tất cả bao nhiêu con chim, ta thực hiện phép cộng $6 + 4 = 10$. Có tất cả 10 con chim.

+ Có 4 bạn đang chơi bập bênh. Có 4 bạn khác đang đi tới. Để biết có tất cả bao nhiêu bạn, ta thực hiện phép cộng $4 + 4 = 8$. Có tất cả 8 bạn.

- Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS sử dụng các chấm tròn để tìm kết quả phép cộng: $4 + 3$, rồi viết và đọc kết quả $4 + 3 = 7$.

Tương tự HS tìm kết quả các phép cộng còn lại: $6 + 4$; $5 + 4$; $4 + 4$.

2. GV chốt lại cách tìm kết quả một phép cộng (có thể hướng dẫn HS: ngoài chấm tròn có thể sử dụng que tính, ngón tay, ... để tìm kết quả phép tính).

3. Hoạt động cả lớp:

GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện ở trên và nói: $4 + 3 = 7$; $6 + 4 = 10$; $5 + 4 = 9$; $4 + 4 = 8$.

4. Củng cố kiến thức mới:

- GV nêu một số tình huống. HS nêu phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng theo cách vừa học rồi gài phép cộng và kết quả vào thanh gài.

-- HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép cộng (làm theo nhóm bàn).

Lưu ý: Tùy theo đối tượng HS và điều kiện thực tế, GV có thể khuyến khích HS tư duy, chẳng hạn: Để tìm kết quả phép tính, không dùng các chấm tròn mà hãy tưởng tượng trong đầu để tìm kết quả.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính).

- Đối vở, đặt và trả lời câu hỏi về các phép tính vừa thực hiện. Chia sẻ trước lớp.

Lưu ý: Bài này trọng tâm là hướng dẫn cách tìm kết quả phép cộng. Ngoài việc sử dụng chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính, ... để tìm kết quả. GV có thể nêu thêm một số phép cộng khác để HS rèn kỹ năng tìm kết quả phép tính.

Bài 2

- Cá nhân HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài.

- HS đối vở, chữa bài, cùng nhau kiểm tra kết quả các phép tính đã thực hiện.

Lưu ý: Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau (có thể dùng chấm tròn, que tính, ngón tay, ...), GV không nên yêu cầu HS

chỉ điền kết quả mà nên nhấn mạnh vào cách các em tìm kết quả phép tính. GV có thể đưa thêm các phép tính khác để HS rèn kỹ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đồng nhau tìm kết quả phép tính.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm. GV có thể đưa ra một vài ví dụ mẫu khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. GV khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

LƯU Ý

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tùy thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù hợp, chẳng hạn, tiết 1 kết thúc sau khi hoàn thành bài 1. Trọng tâm của bài học là HS biết cách tìm kết quả các phép cộng trong phạm vi 10.

Bài 20. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống thực tế có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS thực hiện các hoạt động sau:

- Chơi trò chơi “Truyền điện” về phép tính cộng trong phạm vi 10.
- Chia sẻ: Cách cộng nhẩm của mình; Để có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì?

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1:
 - + Quan sát tranh minh họa và quan sát các thanh chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.
 - + Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài.
 - + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? .
- HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho cùng phép tính tương ứng.

Bài 2

- Cá nhân HS tự làm bài 2:
 - + Quan sát tranh minh họa các số ghi trên mỗi cái xẻng treo trên giá và các phép tính được nêu trên mặt các xô.
 - + Tìm kết quả các phép cộng nêu trên và chọn số thích hợp ghi trên xẻng.
 - + Thảo luận với bạn về cách làm. Chia sẻ trước lớp.

- GV chốt lại cách làm bài.

Bài 3

- Cá nhân HS tự làm bài 3: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài. Nhận xét kết quả của các phép tính trong mỗi cột và giải thích cho bạn nghe. Chẳng hạn: $7 + 1 = 8$; $1 + 7 = 8$; vậy 7 cộng 1 cũng bằng 1 cộng 7.
- GV chốt lại cách làm bài, khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. Khuyến khích HS tự nêu thêm ví dụ như các phép tính trong từng cột rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính.

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ câu a): Trong hàng rào có 4 con gà. Có 3 con gà đang đi đến. Có tất cả bao nhiêu con gà? Ta có phép cộng: $4 + 3 = 7$. Vậy có tất cả 7 con gà.

Vậy phép tính thích hợp là $4 + 3 = 7$.

- HS làm tương tự trường hợp còn lại.
- GV khuyến khích HS suy nghĩ, nói theo cách của các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

C. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

D. Củng cố, dặn dò

Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tính cộng trong phạm vi 10, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc nhận biết các bài toán dựa vào các tranh ảnh minh họa hoặc tình huống thực tế và thông qua việc sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

Bài 21. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép cộng có kết quả đến 10 (trong phạm vi 10) và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 10*.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 10 đã học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

- Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 10 (thể hiện trên các thẻ phép tính).
Chẳng hạn: $1 + 1 = 2$; $3 + 2 = 5$; $4 + 3 = 7$; $5 + 4 = 9$; $6 + 4 = 10$;...

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính trên đó, đố bạn B nêu kết quả phép tính (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau).

- *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.

- GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 10* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.

- HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 10*.

- HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).
- GV tổng kết: Có thể nói:

Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.

Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.

Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.

.....

Dòng thứ chín được coi là Bảng cộng: Một số cộng 9.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng trong phạm vi 10* để tìm kết quả).
- Đôi vớ, đặt câu hỏi cho nhau; đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Lưu ý: Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính, ... để tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng cộng trong phạm vi 10* để tính nhẩm.

- GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kỹ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $7+1$; $1+7$; $8+2$; $2+8$;...

Bài 2

- Cá nhân HS tự làm bài 2: Thực hiện tính cộng để tìm kết quả rồi chọn ô có số chỉ kết quả tương ứng; Thảo luận với bạn về chọn ô có số chỉ kết quả thích hợp; Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm bài. Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.
 - a) Hai đội chơi kéo co. Bên trái có 5 bạn. Bên phải có 5 bạn. Có tất cả bao nhiêu bạn? Phép tính tương ứng là $5 + 5 = 10$.
 - b) Có 7 bạn đang trồng cây. Thêm 2 bạn cầm bình tưới đi đến. Có tất cả bao nhiêu bạn? Phép tính tương ứng là $7 + 2 = 9$.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ, nói theo cách của các em và khuyến khích

HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng có kết quả đến 10 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 10*, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

IV. LƯU Ý

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tùy thuộc vào trình độ HS mà GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù hợp. Chẳng hạn, tiết 1 có thể kết thúc sau bài 1.

Bài 22. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ phép tính như ở bài 1.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để ôn tập *Bảng cộng trong phạm vi 10*.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính).

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị sẵn các thẻ phép tính, một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác nêu kết quả phép tính và ngược lại. Hoặc cũng có thể chuẩn bị các thẻ trắng để HS tự viết phép tính rồi đố bạn viết kết quả thích hợp.

Bài 2

- Cá nhân HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng cộng trong phạm vi 10* để tính).
- Đôi vờ, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả của mỗi phép tính. Chia sẻ trước lớp.

Lưu ý: Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. GV có thể nêu ra một vài phép tính khác để HS củng cố kỹ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát các ngôi nhà và số ghi trên mỗi mái nhà để nhận ra các phép tính trong ngôi nhà có kết quả là số ghi trên mái nhà. HS lựa chọn số thích hợp trong mỗi dấu ? của từng phép tính sao cho kết quả mỗi phép tính đó là số ghi trên mái nhà, ví dụ ngôi nhà ghi số 7 có các phép tính: $5 + 2$; $4 + 3$; $6 + 1$.

- HS chia sẻ với bạn, đặt câu hỏi cho nhau, cùng tìm thêm các phép tính có thể đặt vào mỗi ngôi nhà.

- GV chốt lại cách làm. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 4. Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. Chia sẻ trong nhóm.

a) Vấn đề đặt ra là: Tìm hai số để khi cộng lại ta được kết quả là 10, nghĩa là: Nếu chọn trước một số thì cần tìm số còn lại sao cho cộng hai số ta được kết quả là 10. Dựa vào *Bảng cộng trong phạm vi 10* để tìm số còn lại. Ví dụ: Nếu chọn số 9 thì số còn lại là 1; nếu chọn số 5 thì số còn lại phải là 5.

Lưu ý: Đây chính là bài toán giúp HS tập dượt thao tác “tạo thành 10” – một thao tác cơ bản trong thực hiện các phép tính cộng, trừ có nhớ (trong phạm vi 20) mà HS sẽ được học ở lớp 2.

b) Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: Trong hộp có 5 chiếc bút màu. Bạn Lan bỏ thêm vào 3 chiếc. Trong hộp có tất cả bao nhiêu chiếc bút màu?

Thực hiện phép cộng $5 + 3 = 8$. Có 8 chiếc bút màu.

Vậy phép tính thích hợp là $5 + 3 = 8$.

C. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

D. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì?
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tính cộng trong phạm vi 10, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc nhận biết các bài toán từ các tranh ảnh minh hoạ hoặc tình huống thực tế và sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

Bài 23. KHỐI HỘP CHỮ NHẬT – KHỐI LẬP PHƯƠNG

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Có biểu tượng về khối hộp chữ nhật, khối lập phương.
- Nhận biết được các đồ vật trong thực tế có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương.
- Một số khối hộp chữ nhật, khối lập phương bằng gỗ hoặc bằng nhựa màu sắc khác nhau.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Thực hiện theo nhóm, HS đặt các đồ vật đã chuẩn bị lên bàn, các bạn trong nhóm cầm đồ vật, chia sẻ hiểu biết về hình dạng của đồ vật đó.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS thực hiện lần lượt các thao tác sau dưới sự hướng dẫn của GV:

HS lấy ra một nhóm các đồ vật có hình dạng và màu sắc khác nhau.

- GV hướng dẫn HS quan sát một khối hộp chữ nhật, xoay, lật, chạm vào các mặt của khối hộp chữ nhật đó và nói: “Khối hộp chữ nhật”.
- HS lấy ra một số khối hộp chữ nhật với màu sắc và kích thước khác, nói: “Khối hộp chữ nhật”.
- HS cầm hộp sữa có dạng khối hộp chữ nhật nói: “Hộp sữa có dạng khối hộp chữ nhật”.

- Thực hiện thao tác tương tự với khối lập phương.

2. HS thực hành theo nhóm yêu cầu: xếp riêng đồ vật thành hai nhóm (các đồ vật dạng khối hộp chữ nhật, các đồ vật có dạng khối lập phương).

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện theo cặp:

HS xem tranh và nói cho bạn nghe đồ vật nào có dạng khối hộp chữ nhật, đồ vật

nào có dạng khối lập phương. Chẳng hạn: Tủ lạnh có dạng khối hộp chữ nhật, con súc sắc có dạng khối lập phương.

HS có thể kể thêm các đồ vật xung quanh lớp học có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

Bài 2

a) Cá nhân HS tự đếm số khối hộp chữ nhật, khối lập phương ở mỗi hình vẽ. Chia sẻ kết quả. Chẳng hạn: Chiếc bàn gồm 5 khối hộp chữ nhật; Con ngựa gồm 10 khối lập phương và 4 khối hộp chữ nhật.

b) Cá nhân HS suy nghĩ, sử dụng các khối hộp chữ nhật, khối lập phương để ghép thành các hình như gợi ý hoặc các hình theo ý thích. Mời bạn xem hình mới ghép được và nói cho bạn nghe ý tưởng ghép hình của mình.

GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 3. Thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm: Kể tên các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương trong thực tế. Chia sẻ trước lớp.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Về nhà, em hãy quan sát xem những đồ vật nào có dạng khối hộp chữ nhật, những đồ vật nào có dạng khối lập phương để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc quan sát, nhận dạng hình, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học.
- Thông qua việc lắp ghép tạo hình mới từ các hình đã học, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.
- Thông qua việc lắp trình bày ý tưởng, đặt câu hỏi và trả lời về các hình đã học, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

Bài 24. LÀM QUEN VỚI PHÉP TRỪ - DẤU TRỪ

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với phép trừ qua các tình huống có thao tác bớt, nhận biết cách sử dụng các dấu ($-$, $=$).
- Nhận biết ý nghĩa của phép trừ (với nghĩa bớt) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu ($-$, $=$), thanh gài phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ (với nghĩa bớt).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau (theo cặp hoặc nhóm bàn):
 - + *Quan sát* bức tranh tình huống.
 - + *Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh, chẳng hạn: Có 5 con chim đậu trên cây. Có 2 con bay đi. Trên cây còn lại bao nhiêu con chim?
- GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

- Lấy ra 5 que tính. *Bớt đi* 2 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính?
- HS nói, chẳng hạn: “Có 5 que tính. Bớt đi 2 que tính. Còn lại 3 que tính”.
- HS làm tương tự với các chấm tròn: Lấy ra 5 chấm tròn. Bớt đi 2 chấm tròn.

Hỏi còn lại bao nhiêu chấm tròn?

2. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Bớt đi... Còn ...*

3. Hoạt động cả lớp:

- GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện.
- HS nghe GV giới thiệu phép trừ, dấu trừ: nhìn $5-2=3$; đọc *năm trừ hai bằng ba*.

- GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học $5-2=3$.

4. củng cố kiến thức mới:

- GV nêu tình huống khác, HS đặt phép trừ tương ứng rồi gài thẻ phép tính vào thanh gài. Chẳng hạn: GV nêu: “Có 5 chấm tròn. Bớt đi 3 chấm tròn. Hỏi còn lại bao nhiêu chấm tròn? Bạn nào nêu được phép tính”. HS gài phép tính $5-3=2$ vào thanh gài.

- Theo nhóm (bàn), HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép trừ.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn:
 - + Có 3 chú ếch đang ngồi trên lá sen, 1 chú ếch nhảy xuống ao. Hỏi còn lại bao nhiêu chú ếch đang ngồi trên lá sen?
 - + Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi ghi phép tính $3-1=2$ vào vở.
- Đôi vở, đặt câu hỏi cho nhau, nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu khi nói về các bức tranh: Có... Bớt đi... Còn...

Bài 2. Cá nhân HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.

GV chốt lại cách làm bài.

Bài 3. Cá nhân HS quan sát các tranh vẽ, nêu phép tính phù hợp với mỗi tranh vẽ dựa trên sơ đồ đã cho, suy nghĩ và kể cho bạn nghe một tình huống theo mỗi tranh vẽ. Chia sẻ trước lớp.

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ (với nghĩa bớt) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: “Hà có 5 cái kẹo. Hà cho bạn 1 cái kẹo. Hỏi Hà còn lại mấy cái kẹo?”.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài hôm nay, các em biết thêm được điều gì?
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ để hôm sau chia

sẽ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản nêu lên nhận biết về phép trừ (với nghĩa bớt) và cách sử dụng các dấu ($-$, $=$), HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc diễn tả tình huống thực tế bằng phép trừ hai số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học.
- Thông qua việc thao tác với các que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính trừ hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

Bài 25. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS thực hiện lần lượt các hoạt động (theo cặp hoặc nhóm bàn):

- *Quan sát* bức tranh trong SGK.
- *Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép trừ.
chẳng hạn:
 - + Có 4 cái bánh. An ăn 1 cái bánh. Còn lại bao nhiêu cái bánh?
Đếm rồi nói: Còn 3 cái bánh.
 - + Ngồi quanh bàn có 5 bạn, 2 bạn đã rời khỏi bàn. Còn lại bao nhiêu bạn?
Đếm rồi nói: Còn lại 3 bạn đang ngồi quanh bàn.
- Làm tương tự với tình huống: Có 5 cốc nước cam. Đã uống hết 3 cốc. Còn lại 2 cốc chưa uống.
- Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép trừ mà mình quan sát được.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:

- HS *quan sát* tranh vẽ “chim bay” trong khung kiến thức.
- HS nói: Có 6 con chim - Lấy ra 6 chấm tròn.

Có 4 con bay đi - Lấy đi 4 chấm tròn.

Để biết còn lại bao nhiêu con chim (hay chấm tròn) ta thực hiện phép trừ $6 - 4$.

HS nói: $6 - 4 = 2$.

2. HS thực hiện tương tự với tình huống “cốc nước cam” và nói kết quả phép trừ $5 - 3 = 2$.

3. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Bay đi... (hoặc đã uống hết) Còn...*

4. Cùng cố kiến thức mới:

- GV nêu một số tình huống khác. HS đặt phép trừ tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép trừ theo cách vừa học rồi gài kết quả vào thanh gài.
- HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép trừ (làm theo nhóm bàn).

Lưu ý: Ngoài việc dùng các chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính hoặc đồ vật khác để hỗ trợ các em tính ra kết quả. Tùy theo đối tượng HS và điều kiện thực tế, GV có thể khuyến khích HS suy nghĩ, chẳng hạn: Để tìm kết quả phép tính, không dùng các chấm tròn mà hãy tưởng tượng trong đầu để tìm kết quả.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).
- Đối vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện. Chia sẻ trước lớp.

Lưu ý: Bài này trọng tâm là hướng dẫn cách tìm kết quả phép trừ. GV có thể nêu ra một vài phép trừ tương tự để HS củng cố kỹ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính.

Bài 2. Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).

Lưu ý: Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau (có thể nhẩm, có thể dùng chấm tròn, que tính, ngón tay, ...), GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chỉ chú ý đến kết quả của phép tính.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: Có 3 miếng bánh. Chú chuột ăn mất 1 miếng bánh. Hỏi còn lại mấy miếng bánh? Phép tính tương ứng là: $3 - 1 = 2$.

HS làm tương tự với các trường hợp còn lại.

- GV khuyến khích HS tập kể chuyện theo mỗi phép tính để thành một câu chuyện.

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép trừ trong phạm vi 6, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề, toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép trừ hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

Bài 26. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- củng cố kỹ năng làm tính trừ trong phạm vi 6.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính và các chấm tròn.
- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS thực hiện các hoạt động sau:
 - + Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 6.
 - + Chia sẻ: Cách trừ của mình; Để có thể tìm nhanh, chính xác kết quả phép tính cần lưu ý điều gì?
- GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1:
 - + Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.
 - + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.
 - + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? .
- HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng.
- GV chốt lại cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính. Gọi một vài cặp HS chia sẻ cách tính nhằm cho cả lớp nghe.

Bài 2. Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).

Lưu ý: Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau (có thể nhẩm, có thể dùng thanh chấm tròn, que tính, ngón tay,...), GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chỉ chú ý đến kết quả của phép tính.

Bài 3

Cá nhân HS tự làm bài 3: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ô có ghi số chỉ kết quả tương ứng.

Thảo luận với bạn về chọn ô có số chỉ kết quả thích hợp, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.

Lưu ý: Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng.

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: a) Trong bến có 6 xe ô tô. Có 3 xe ô tô rời khỏi bến. Còn bao nhiêu xe ô tô đang đậu trong bến? Thực hiện phép trừ $6 - 3 = 3$. Còn 3 xe ô tô đang đậu trong bến.

Vậy phép tính thích hợp là $6 - 3 = 3$.

HS làm tương tự với trường hợp b).

GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

C. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

D. củng cố, dặn dò

về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tính trừ trong phạm vi 6, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc nhận biết các bài toán từ các tranh ảnh minh họa hoặc tình huống thực tế và sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội



Thư viện Đề thi - Trắc nghiệm - Tài liệu học tập miễn phí

được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.



Bài 26. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng trừ trong phạm vi 6*.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 6.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chia sẻ các tình huống có phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 6 đã học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

- Tìm kết quả từng phép trừ trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính), chẳng hạn: $2 - 1 = 1$; $3 - 2 = 1$; $4 - 1 = 3$; $5 - 3 = 2$.

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ; đọc phép tính, đố bạn B nêu kết quả phép tính (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau).

- *Sắp xếp* các thẻ phép trừ theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng trừ như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng trừ trước mặt.

- GV giới thiệu *Bảng trừ trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.

- HS nhận xét về đặc điểm của các phép trừ trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng trừ trong phạm vi 6*.

- HS đưa ra *phép trừ* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).

- GV tổng kết: Có thể nói:
Dòng thứ nhất được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 1.
Dòng thứ hai được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 2.
.....
Dòng thứ sáu được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 6.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.
- Đôi vớ, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Lưu ý: Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính,... để tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng trừ trong phạm vi 6* để tính nhẩm.

- GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kỹ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $4 - 1$; $5 - 1$; $6 - 6$, ...

Bài 2

- Cá nhân HS tự làm bài 2:
 - + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.
 - + Chọn các phép trừ có kết quả là 2.
 - + Thảo luận với bạn, chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm bài.

Bài 3

- HS tự làm bài 3: Căn cứ vào bảng trừ trong phạm vi 6, thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng ô ? , lí giải lí do lựa chọn bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm bài.

Bài 4. GV hướng dẫn HS cách thực hiện phép trừ hai số bằng nhau và phép trừ cho số 0. GV khuyến khích HS lấy thêm các ví dụ về phép trừ có kết quả là 0 và phép trừ cho số 0.

Bài 5

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: Bạn trai tạo được 5 bong bóng. Có 1 bong bóng bị vỡ. Còn lại bao nhiêu bong bóng? Chọn phép trừ $5 - 1 = 4$. Còn lại 4 bong bóng.

HS là tương tự với các trường hợp còn lại.

- GV nên khuyến khích HS tập kể chuyện theo mỗi phép tính để thành một câu chuyện.

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách thực hiện phép trừ có kết quả đến 6 và thành lập *Bảng trừ trong phạm vi 6*, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

Bài 28. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 6.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS chia sẻ các tình huống có phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 6 đã học.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính).

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm: một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác tìm kết quả và ngược lại.

Bài 2

- Cá nhân HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng trừ trong phạm vi 6* để tính).
- HS đổi vở, đặt và trả lời các câu hỏi để kiểm tra kết quả các phép tính vừa thực hiện.

Lưu ý: Bài này yêu cầu tính nhẩm rồi nêu kết quả. GV nhắc HS lưu ý những trường hợp xuất hiện số 0 trong phép trừ. GV cũng có thể nêu ra một vài phép tính trừ để HS củng cố kĩ năng hoặc HS tự nêu phép trừ rồi đố nhau tìm kết quả phép tính.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và lựa chọn số thích hợp vào mỗi ô dấu ?

của từng phép tính tương ứng sao cho các phép tính trong mỗi ngôi nhà có kết quả bằng số ghi trên mái nhà. Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.

- GV chốt lại cách làm, gợi ý HS xem còn phép trừ nào cho kết quả bằng số ghi trên mái nhà nữa không.

Bài 4. HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: Trong lồng có 5 con chim. Có 1 con bay ra khỏi lồng. Còn lại bao nhiêu con chim? Chọn phép trừ $5 - 1 = 4$. Còn lại 4 con chim.

Bài 5

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe mỗi tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: Có 5 con vịt, 1 con đã lên bờ. Còn lại mấy con vịt dưới ao?

Thực hiện phép trừ $5 - 1 = 4$.

HS làm tương tự với các trường hợp còn lại.

- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

C. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

D. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tính trừ trong phạm vi 6, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc nhận biết các bài toán từ các tranh ảnh minh hoạ hoặc tình huống thực tế và sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

Bài 29. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau (theo cặp hoặc nhóm bàn):

- *Quan sát* bức tranh trong SGK.
- *Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép trừ, chẳng hạn:

+ Có 7 bạn, 1 bạn đã rời khỏi bàn. Còn lại bao nhiêu bạn?

+ Đếm rồi nói: Còn lại 6 bạn đang ngồi quanh bàn.

- Làm tương tự với các tình huống còn lại.
- Chia sẻ trước lớp: HS đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép trừ mà mình quan sát được.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS sử dụng các chấm tròn để tìm kết quả phép trừ: $7-1=6$.

Tương tự HS tìm kết quả các phép trừ còn lại: $7-2$; $8-1$; $9-6$.

2. GV chốt lại cách tìm kết quả một phép trừ.

3. Hoạt động cả lớp: GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác “trừ - bớt” mà HS vừa thực hiện ở trên.

4. Cùng cố kiến thức mới:

- GV nêu một số tình huống. HS đặt phép trừ tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép trừ theo cách vừa học rồi gài kết quả vào thanh gài.
- HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép trừ (làm theo nhóm

bàn).

Lưu ý: Ngoài việc dùng các chấm tròn HS có thể dùng ngón tay, que tính hoặc đồ vật khác để hỗ trợ các em tính ra kết quả. Tùy theo đối tượng HS và điều kiện thực tế, GV có thể khuyến khích HS suy nghĩ, chẳng hạn: Để tìm kết quả phép tính, không dùng các chấm tròn mà hãy tưởng tượng trong đầu để tìm kết quả.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn hoặc thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).
- Đôi vờ, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện.
- GV có thể nêu ra một vài phép tính để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố bạn tìm kết quả phép tính.

Bài 2

- HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).
- Đôi vờ, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện.

Lưu ý: Ở bài này, HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau có thể nhẩm, có thể dùng thanh chấm tròn, que tính, ngón tay,...), GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chỉ chú ý đến kết quả của phép tính.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: Có 9 mảnh gỗ cần sơn. Đã sơn được 7 mảnh. Hỏi còn lại mấy mảnh gỗ chưa sơn? Phép tính tương ứng là: $9 - 7 = 2$.

- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. GV khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì? HS có thể xem lại bức tranh khởi động trong sách (hoặc trên bảng) nêu phép trừ tương ứng.
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép trừ trong phạm vi 10, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép trừ hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

Bài 30. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

HS thực hiện các hoạt động sau:

- Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 10.
- Chia sẻ: Cách thực hiện phép trừ của mình; Để có thể tính nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì?

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1:
 - + Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.
 - + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.
 - + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? .
- HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng.

Bài 2

- Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).
- Đối vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện.

Lưu ý: GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chỉ chú ý đến kết quả của phép tính.

Bài 3

- Cá nhân HS tự làm bài 3:
 - a) Thực hiện các phép tính trừ để tìm kết quả, từ đó chỉ ra các phép tính sai. Cụ thể, các phép tính sai là: $10 - 5 = 4$; $10 - 4 = 7$; $7 - 2 = 9$.
 - b) Sửa các phép tính sai cho đúng: $10 - 5 = 5$; $10 - 4 = 6$; $7 - 2 = 5$.
- HS thảo luận với bạn về cách làm bài rồi chia sẻ trước lớp.

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: a) Có 7 chiếc mũ bảo hiểm. Các bạn lấy ra 2 chiếc để đội. Còn lại mấy chiếc mũ bảo hiểm trên bàn? Thực hiện phép trừ $7 - 2 = 5$. Còn 5 chiếc mũ bảo hiểm trên bàn. Vậy phép tính thích hợp là $7 - 2 = 5$.

HS làm tương tự với hai trường hợp b), c).

- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

C. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.

D. Củng cố, dặn dò

Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tính trừ trong phạm vi 10, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc nhận biết các bài toán từ các tranh ảnh minh họa hoặc tình huống thực tế và sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

Bài 31. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 10 và thành lập bảng trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 10.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chia sẻ các tình huống có phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 10 đã học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

- HS tìm kết quả từng phép trừ trong phạm vi 10 (thể hiện trên các thẻ phép tính).
Chẳng hạn:

$$2-1 = 1; 3-2=1; 4-3 = 1; 6-4 = 2; 9-5 = 4;...$$

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính, đố bạn B nêu kết quả phép tính (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau).

- *Sắp xếp* các thẻ phép trừ theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng trừ như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng trừ trước mặt.

- GV giới thiệu *Bảng trừ trong phạm vi 10* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.

- HS nhận xét về đặc điểm của các phép trừ trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng trừ trong phạm vi 10*.

- HS đưa ra *phép trừ* và đố nhau tìm *Kết quả* (làm theo nhóm bàn).
- GV tổng kết: Có thể nói:

Dòng thứ nhất được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 1.

Dòng thứ hai được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 2.

.....

Dòng thứ mười được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 10.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.
- Đôi vớ, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Lưu ý: Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính,... để tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng trừ trong phạm vi 10* để tính nhẩm.

- GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $9 - 1$; $7 - 2$; $8 - 8$; ...

Bài 2

- Cá nhân HS tự làm bài 2: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ô có số chỉ kết quả tương ứng; Thảo luận với bạn về chọn ô có số chỉ kết quả thích hợp; Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm bài, có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.
 - + Tranh bên trái có 10 bạn đi bơi, 1 bạn đang trèo lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: $10 - 1 = 9$.
 - + Tranh bên phải có 9 bạn đi bơi, 2 bạn đang trèo lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: $9 - 2 = 7$.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi

10.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép trừ có kết quả đến 10 và thành lập *Bảng trừ trong phạm vi 10*, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

LƯU Ý : Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tùy thuộc vào trình độ HS mà GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù hợp. Chẳng hạn, tiết 1 có thể kết thúc sau bài tập 1.

Bài 32. LUYỆN TẬP(2 tiết)**I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 10.
- Rèn kĩ năng làm tính cộng, trừ và vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ phép tính như ở bài 1 để HS chơi trò chơi tính nhẩm.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**A. Hoạt động khởi động**

Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đổ bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép tính trong phạm vi 10 đã học.

Bài 3. HS quan sát mẫu, liên hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích hợp, ví dụ: $6 + 3 = 9$; $3 + 6 = 9$; $9 - 3 = 6$; $9 - 6 = 3$; ...

Từ đó HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.

Bài 4

- HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ:

+ Có 5 bạn đang bơi. Có 3 bạn trên bờ. Có tất cả bao nhiêu bạn?

Chọn phép cộng $5 + 3 = 8$ hoặc $3 + 5 = 8$.

+ Có tất cả 8 bạn, trong đó có 3 bạn trên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi?

Chọn phép trừ $8 - 3 = 5$.

+ Có tất cả 8 bạn, trong đó có 5 bạn đang bơi. Còn lại bao nhiêu bạn trên bờ?

Chọn phép trừ $8 - 5 = 3$.

- GV lưu ý HS về quan hệ cộng – trừ. Sử dụng quan hệ cộng - trừ để tính nhẩm thông qua các ví dụ đơn giản.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính).

- GV có thể tổ chức thành trò chơi theo cặp hoặc theo nhóm: một bạn lấy ra một thẻ phép tính đồ bạn khác tìm kết quả và ngược lại.

Bài 2

- Cá nhân HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10* để tính).

- HS đôi vớ, đặt câu hỏi cho nhau nhận xét về các phép tính trong từng cột:

a) Ngâm giới thiệu “Tính chất giao hoán của phép cộng” thông qua các ví dụ cụ thể.

b) Ngâm giới thiệu quan hệ cộng - trừ.

Chia sẻ trước lớp. GV cũng có thể nêu thêm một vài phép tính khác để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đồ nhau tìm kết quả phép tính.

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10.

E. Củng cố, dặn dò

Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tính cộng, trừ trong phạm vi 10, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học
- Thông qua việc nhận biết các bài toán bởi các tranh ảnh minh họa hoặc tình huống thực tế và sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán. HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

LƯU Ý

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tùy thuộc vào trình độ HS mà GV phân phối thời lượng cho phù hợp. Chẳng hạn tiết 1 có thể kết thúc sau bài 2. trọng tâm của tiết là HS ôn lại phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10. GV có thể đưa thêm các phép tính cho HS thực hành củng cố kĩ năng tính nhẩm. Tiết 2 gồm hai bài 3, 4 trọng tâm là quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

Bài 33. LUYỆN TẬP (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 và vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ số và phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS chia sẻ các tình huống có phép cộng hoặc trừ (trong phạm vi 10) trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1:
 - + Tìm các số phù hợp cho mỗi ô ? .
 - + Cùng cố nhận biết về quan hệ cộng - trừ.
- Đôi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng.
- GV chốt lại cách làm bài; gọi một vài cặp HS chia sẻ cách làm cho cả lớp nghe.

Bài 2

- Cá nhân HS làm bài 2: Dựa vào hình ảnh trực quan để tìm số phù hợp cho mỗi ô dấu ? (HS có thể dựa vào phép đếm hoặc dùng Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10 để tìm số thích hợp trong ô trống)
- HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

GV cũng có thể nêu ra một vài phép tính tương tự để HS củng cố kỹ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính.

Bài 3. HS làm tương tự như bài 2: Quan sát hình vẽ, đếm hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10* để tìm số cúc áo còn thiếu rồi nêu số phù hợp cho mỗi ô ? . GV có thể tổ chức thành trò chơi vẽ thêm, gắn thêm số cúc áo thích hợp cho mỗi người tuyệt.

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ tìm số thích hợp trong ô ? rồi chia sẻ với bạn cách làm của mình. Lí giải cách quan sát để tìm số thích hợp.

Ví dụ: Có tất cả 6 chú voi. Có 2 chú voi đang căng băng rôn. Có bao nhiêu chú voi đứng ở sau băng rôn?

- GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

Bài 5. Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: Có 9 con gà. Có 3 con gà đang đứng ngoài lùm cây. Có bao nhiêu con gà

đang nấp trong bụi cây?

C. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 và làm quen với việc tìm một thành phần chưa biết của phép tính.

D. củng cố, dặn dò

về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tìm thành phần chưa biết của phép tính cộng, trừ trong phạm vi 10, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết các vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc nhận biết các bài toán bởi các tranh ảnh minh họa hoặc tình huống thực tế và sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

Bài 34. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với việc thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ (theo thứ tự từ trái sang phải) và không xét trường hợp có cả dấu phép tính cộng và dấu phép tính trừ.
- Củng cố kĩ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 và vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ số và phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Bài này yêu cầu HS thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng.

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi nêu cách giải quyết vấn đề. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: Với câu a), HS nói: Rổ thứ nhất có 5 quả bí ngô. Rổ thứ hai có 2 quả. Anh Tuấn chờ thêm đến 1 quả bí ngô nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả bí ngô? Ta có $5 + 2 + 1 = ?$

- GV hướng dẫn HS cách tính $5 + 2 + 1 = ?$

HS thực hiện từ trái sang phải $5 + 2 = 7$; $7 + 1 = 8$.

- GV thay đổi tình huống (thay đổi số lượng quả bí ngô hoặc thay tình huống khác) để HS củng cố cách tính, chẳng hạn: $4 + 2 + 1$; $5 + 1 + 1$; $6 + 2 + 1$; $2 + 2 + 1$;...

Lưu ý: Giai đoạn đầu khi HS mới làm quen với thực hiện tính trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng theo thứ tự từ trái sang phải, GV có thể cho phép HS viết kết quả ở bước trung gian. Sau này, khi HS đã biết cách tính, không nên viết kết quả

trung gian nữa mà chỉ viết kết quả cuối cùng.

Với câu b): HS thực hiện và nói với bạn cách tính của mình. GV có thể đưa thêm một vài phép tính khác để HS thực hiện.

Bài 2. Bài này yêu cầu HS thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ.

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi nêu cách giải quyết vấn đề. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: Với câu a), HS nói:

Có 8 quả mướp. Lần thứ nhất chị Lan hái 3 quả. Sau đó, chị Lan hái thêm 1 quả nữa. Hỏi còn lại bao nhiêu quả mướp?

Ta có $8 - 3 - 1 = ?$

- GV hướng dẫn HS cách tính $8 - 3 - 1 = ?$

HS thực hiện từ trái sang phải: $8 - 3 = 5$; $5 - 1 = 4$.

- GV thay đổi tình huống (thay đổi số lượng quả mướp hoặc thay tình huống khác) để HS củng cố cách tính, chẳng hạn: $7 - 3 - 1$; $8 - 1 - 1$; $8 - 3 - 2$; ...

Lưu ý: Giai đoạn đầu khi HS mới làm quen với thực hiện tính trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ theo thứ tự từ trái sang phải, GV có thể cho phép HS viết kết quả ở bước trung gian. Sau này, khi HS đã biết cách tính, không nên viết kết quả trung gian nữa mà chỉ viết kết quả cuối cùng.

Với câu b): HS thực hiện và nói với bạn cách tính của mình. GV có thể đưa thêm một vài phép tính khác để HS thực hiện.

Bài 3

- Trước hết HS làm tính với trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng.
- Sau đó HS làm tính với trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ.
- HS nói cách thực hiện trong từng hợp.
- HS tự nêu thêm ví dụ tương tự để bạn thực hiện.

Bài 4. Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

* Ở bức tranh thứ nhất:

Có 4 con chim ở tổp thứ nhất đang đậu trên cây. Có 3 con chim ở tổp thứ hai bay đến. Tiếp tục có 3 con chim ở tổp thứ ba bay đến. Hỏi có tất cả bao nhiêu con chim?

Ta có $4 + 3 + 3 = 10$. Vậy có tất cả 10 con chim.

* Ở bức tranh thứ hai:

Có 9 con vịt. Đầu tiên có 2 con bơi đi. Tiếp tục có 4 con bơi đi. Còn lại bao nhiêu con vịt đang ở trên bờ?

Ta có $9 - 2 - 4 = 3$. Vậy còn lại 3 con vịt đang ở trên bờ.

C. Hoạt động vận dụng

GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến việc thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ trong phạm vi 10, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc nhận biết các bài toán từ tranh ảnh minh hoạ hoặc tình huống thực tế và sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

LƯU

Ý:

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tùy thuộc vào trình độ HS mà GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù hợp. Chẳng hạn, tiết 1 có thể kết thúc sau bài 2, tiết 2 gồm hai bài 3, 4. Trọng tâm của tiết 1 là HS thực hiện tính toán trong trường hợp phép tính gồm 2 dấu phép tính cộng hoặc hai dấu phép tính trừ. GV có thể đưa thêm các phép tính cho HS thực hành củng cố kĩ năng thực hiện phép tính từ trái qua phải. Ở giai đoạn đầu, GV có thể cho phép HS viết kết quả trung gian của phép tính để dễ dàng tính toán.

Bài 35. LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Các thẻ số và phép tính.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập tính cộng hoặc trừ nhằm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép cộng, trừ trong phạm vi 10.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng hoặc trừ nêu trong bài.
- Đổi vở, chấm chéo và đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả các phép tính tương ứng.

Bài 2

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. Chia sẻ trong nhóm.
- Vấn đề đặt ra là: Tìm hai số để khi cộng lại ta được kết quả là 8. Nghĩa là: Nếu chọn trước một số. Tìm số còn lại sao cho cộng hai số ta được kết quả là 8.

Ví dụ: Nếu chọn số thứ nhất là 3 thì số còn lại là 5; nếu chọn số thứ nhất là 7 thì số còn lại phải là 1.

Bài 3

- HS quan sát, suy nghĩ và lựa chọn số thích hợp cho mỗi ô trống của từng phép tính tương ứng, ví dụ: $6 + ? = 9$ thì $? = 3$

Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.

HS có thể dựa vào *phép đếm* hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10* để tìm

số thích hợp trong mỗi ô trống.

- Từ việc tìm được thành phần chưa biết của các phép tính cộng, trừ nêu trong bài, HS nhận biết sự liên hệ giữa các phép tính cho trong bài (quan hệ cộng - trừ). Ví dụ: $6 + 3 = 9$ thì $9 - 3 = 6$.

- GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 4

- HS thực hiện phép tính, rồi so sánh kết quả phép tính với số đã cho.
- Chia sẻ với bạn cách so sánh của mình, suy nghĩ tìm cách so sánh nhanh chóng, chính xác.

- GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 5

- HS thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc trừ.
- Đổi vở, chữa bài, kiểm tra kết quả các phép tính. Chia sẻ với bạn cách thực hiện tính.

Bài 6

HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. Chia sẻ trong nhóm.

Ví dụ: Bên trái có 6 quả su su. Bên phải có 3 quả su su. Có tất cả bao nhiêu quả su su?

Thành lập các phép tính: $6 + 3 = 9$ hoặc $3 + 6 = 9$; $9 - 6 = 3$ hoặc $9 - 3 = 6$.

D. Hoạt động vận dụng

GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tổng hợp về phép tính cộng, trừ trong phạm vi 10, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc nhận biết các bài toán từ các tranh ảnh minh họa hoặc tình huống thực tế và sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội được

phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

LƯU Ý

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tiết 1 gồm 3 bài 1, 2, 3. Trọng tâm của tiết 1 là thực hiện tính cộng, trừ trong phạm vi 10. Tiết 2 gồm 3 bài 4, 5, 6.

Bài 36. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- củng cố kĩ năng đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10, nhận biết thứ tự của mỗi số trong dãy số từ 0 đến 10.
- củng cố kĩ năng về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh như trong bài học.
- Một số tình huống thực tế.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Đố bạn” ôn tập về các số trong phạm vi 10 phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 10. HS nêu yêu cầu, mời một bạn trả lời. Chẳng hạn: đếm từ 0 đến 7, đếm tiếp từ 6 đến 10,...; $3 + 5 = ?$,...

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS thực hiện các phép tính.
- Đổi vở, kiểm tra kết quả các phép tính đã thực hiện.

Bài 2. Cá nhân HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ. Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.

Bài 3. HS quan sát hình vẽ, chỉ ra các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương. Chia sẻ với bạn.

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát mẫu, liên hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích hợp, ví dụ: $6 + 2 = 8$; $2 + 6 = 8$; $8 - 6 = 2$; $8 - 2 = 6$;... Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.

- GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 5

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

+ Câu a): Có 2 bạn đang chơi bập bênh, có 3 bạn đang chơi xích đu, có 4 bạn đang chơi cầu trượt. Có tất cả bao nhiêu bạn đang chơi?

Thành lập phép tính: $2 + 3 + 4 = 9$.

+ Câu b): Tổ chim có 8 con chim, có 2 con chim bay đi, sau đó có tiếp 3 con chim bay đi. Hỏi còn lại mấy con chim?

Thành lập phép tính: $8 - 2 - 3 = 3$.

- GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, HS có thể nêu tình huống và thiết lập phép tính theo thứ tự khác. Khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

C. Hoạt động vận dụng

GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10.

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các chia sẻ, trao đổi nhóm đặt câu hỏi phản biện, HS có cơ hội phát triển NL giao tiếp toán học.

Bài 37. EM VUI HỌC TOÁN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

- Hát và vận động theo nhịp, chơi trò chơi thông qua đó củng cố kĩ năng cộng, trừ các số trong phạm vi 10.
- Vẽ tranh biểu diễn phép cộng, phép trừ qua đó hiểu ý nghĩa phép cộng, phép trừ.
- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn với các hoạt động tạo hình.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bài hát.
- Bút màu, giấy vẽ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động 1. Cùng hát và giơ ngón tay biểu diễn phép tính

a) Hát và vận động theo nhịp

HS hát và vận động theo nhịp của bài hát. Ví dụ: Khi hát “Một với một là hai” thì HS giơ 2 ngón tay (mỗi tay 1 ngón) để minh họa phép tính theo lời bài hát.

b) Giơ ngón tay biểu diễn phép cộng, phép trừ

HS thực hiện theo cặp: đọc phép tính, giơ ngón tay biểu diễn phép tính vừa đọc và ngược lại.

B. Hoạt động 2. Cùng nhau tạo hình

- HS thực hiện theo nhóm: Cùng nắm tay nhau tạo thành hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác.
- Khuyến khích HS suy nghĩ thay đổi tư thế tìm các cách tạo hình sáng tạo.

C. Hoạt động 3. Vẽ tranh rồi viết phép cộng, phép trừ thích hợp

- HS thực hiện theo nhóm: Vẽ tranh biểu diễn phép cộng, phép trừ rồi viết phép tính thích hợp với mỗi tình huống.
- Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.
- Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.

E. củng cố, dặn dò

- HS nói cảm xúc sau giờ học.
- HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.
- HS nói về hoạt động còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động trải nghiệm: tạo hình, vẽ tranh biểu diễn phép tính cộng, trừ, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

- Thông qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

LƯU Ý: GV có thể chọn lựa một trong các hoạt động trên để triển khai cho phù hợp với đối tượng HS và quỹ thời gian của nhà trường. GV cũng có thể dựa vào các hoạt động đã gợi ý để thiết kế các hoạt động trải nghiệm phù hợp với đối tượng hơn, tạo cơ hội cho HS trải nghiệm để phát triển NL và phẩm chất.

Bài 38. ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- củng cố kỹ năng đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10; kỹ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10.
- củng cố kỹ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, khối hộp chữ nhật, khối lập phương.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Tranh tình huống như trong bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập tính cộng hoặc trừ nhẩm trong phạm vi 10.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Đếm số lượng các con vật, đọc số tương ứng.
- Đem và nói cho bạn nghe về số lượng các con vật vừa đếm được, chẳng hạn: HS chỉ vào hình vẽ thứ nhất đếm và nói: Có bảy con gà, viết số 7.

Bài 2

a) Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và viết kết

quả vào vở. Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.

b) HS lấy các thẻ ghi số 5, 3, 9, 8. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.

Có thể thay bằng các thẻ số khác hoặc lấy ra 4 thẻ số bất kì (trong các số từ 0 đến 10) và thực hiện tương tự như trên.

Bài 3

- Cá nhân HS tự làm: Tìm kết quả các phép cộng hoặc trừ nêu trong bài.
- HS đổi vở, chấm chéo, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả các phép tính tương ứng.

Bài 4. Cá nhân HS quan sát từng hình vẽ, nói cho bạn nghe hình vẽ được tạo thành từ những hình nào đã được học. Có bao nhiêu hình mỗi loại.

a) Hình vẽ gồm: 3 hình vuông, 8 hình tròn, 7 hình tam giác và 2 hình chữ nhật

b) Tương tự, hình vẽ bên trái gồm: 5 khối hộp chữ nhật và 3 khối lập phương; hình vẽ bên phải gồm 6 khối hộp chữ nhật và 2 khối lập phương.

Bài 5. HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. Chia sẻ trong nhóm.

Ví dụ:

a) Có 4 bắp cải, bạn thả mang đi 1 bắp cải. Hỏi còn lại bao nhiêu bắp cải?

Thành lập phép tính: $4 - 1 = 3$.

b) Có 5 bắp cải, bạn thả mang đến thêm 2 bắp cải. Hỏi có tất cả bao nhiêu bắp cải?

Thành lập phép tính: $5 + 2 = 7$.

D. Hoạt động vận dụng

GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10. HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc nhận biết các bài toán từ các tranh ảnh minh họa hoặc tình huống thực tế và sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

LƯU Ý

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. GV có thể căn cứ vào đối tượng HS để đưa ra các bài ôn tập và đánh giá cho phù hợp sao cho có thể xác định được HS có đạt được các yêu cầu quy định trong chương trình hay không, cần hỗ trợ hay bổ sung những gì.

Bài 39. CÁC SỐ 11, 12, 13, 14, 15, 16

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết các số từ 11 đến 16.
- Nhận biết thứ tự các số từ 11 đến 16.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động.
- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rời ghép lại) và khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và các que tính rời để đếm.
- Các thẻ số từ 11 đến 16 và các thẻ chữ: *mười một*, ..., *mười sáu*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS thực hiện các hoạt động sau:

- *Quan sát* tranh khởi động, *đếm số lượng* từng loại quả đựng trong các khay và *nói*, chẳng hạn: “Có 13 quả cam”; “Có 16 quả xoài”; ...
- Chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).

B. Hoạt động hình thành kiến thức

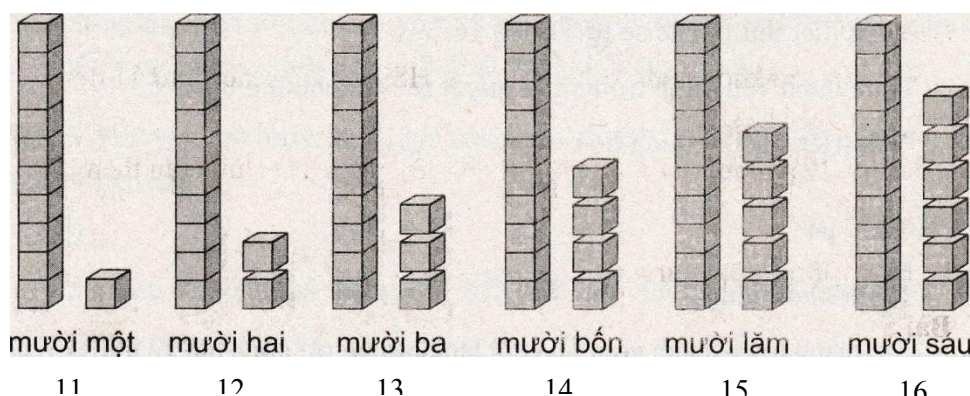
1. Hình thành các số 13 và 16 (như một thao tác mẫu về hình thành số)

- HS đếm số quả cam trong giỏ, nói: “Có 13 quả cam”. HS đếm số khối lập phương, nói: “Có 13 khối lập phương”. GV gắn mô hình tương ứng lên bảng, hướng dẫn HS: Có 13 quả cam ta *lấy* tương ứng 13 khối lập phương (gồm 1 thanh và 3 khối lập phương rời). GV *đọc* “mười ba”, gắn thẻ chữ “mười ba”, viết “13”.

- Tương tự như trên, HS *lấy ra* 16 khối lập phương (gồm 1 thanh và 6 khối lập phương rời). *Đọc* “mười sáu”, *gắn thẻ chữ* “mười sáu”, *viết* “16”.

2. Hình thành các số từ 11 đến 16 (HS thực hành theo mẫu để hình thành số)

a) HS hoạt động theo nhóm bàn (hoặc cặp đôi) hình thành lần lượt các số từ 11 đến 16. Chẳng hạn: HS lấy ra 11 khối lập phương (gồm 1 thanh và 1 khối lập phương rời), đọc “mười một”, lấy thẻ chữ “mười một” và thẻ số “11”. Tiếp tục thực hiện với các số



khác: HS đọc các số từ 11 đến 16, từ 16 về 11.

GV lưu ý HS đọc “mười lăm” không đọc “mười năm”

b) Trò chơi: “Lấy đủ số lượng”

HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính, theo yêu cầu của GV hoặc của bạn.

Chẳng hạn: GV đọc số 11 thì HS lấy ra đủ 11 que tính và lấy thẻ số 11 đặt cạnh những que tính vừa lấy.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

Đếm số lượng các khối lập phương, đặt các thẻ số tương ứng vào ô ? .

- Đọc cho bạn nghe các số từ 10 đến 16.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- Dùng ?ếm số lượng các đối tượng, đặt thẻ số tương ứng vào ô ? .

- Nói cho bạn nghe kết quả, chẳng hạn: Có 11 ngôi sao, đặt thẻ số 11 vào ô ? bên cạnh.

Bài 3. HS đọc rồi viết số tương ứng vào vở, chẳng hạn: đọc “mười lăm”, viết “15”.

GV có thể tổ chức cho HS chơi “Ghép thẻ” theo cặp: HS ghép từng cặp thẻ số và thẻ chữ, chẳng hạn ghép thẻ “13” với thẻ “mười ba”.

Lưu ý: GV hướng dẫn HS xếp các thẻ số theo thứ tự từ 11 đến 16 và đọc các số theo thứ tự.

Bài 4. HS đặt các thẻ số thích hợp vào bông hoa có dấu “?”. HS nói cho bạn nghe cách làm.

Lưu ý:

- Nếu HS gặp khó khăn, GV hướng dẫn HS *đếm tiếp* các số từ 11 đến 16 hoặc *đếm lùi* từ 16 về 11.

- Nếu có thời gian, GV tổ chức cho HS đếm tiếp, đếm lùi, đếm thêm từ một số nào đó.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

- Cà nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và nói cho bạn nghe số lượng mỗi loại bánh trong bức tranh. Chia sẻ trước lớp. HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn
- GV khuyến khích HS quan sát tranh, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp về số lượng của mỗi loại bánh có trong tranh.

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ VỚI bạn về cách đếm, cách đọc viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

LƯU Ý

Ý tưởng chủ đạo của hoạt động hình thành các số 11, 12, 13, 14, 15, 16 là tổ chức cho HS: đếm số lượng; nhận biết số, ghi số lượng; đọc, viết số đó. Chưa yêu cầu đề cập đến khái niệm “chục - đơn vị”.

Bài 40. CÁC SỐ 17, 18, 19, 20

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết các số từ 17 đến 20.
- Nhận biết thứ tự các số từ 17 đến 20.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động.
- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rời ghép lại) và khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và các que tính rời để đếm.

- Các thẻ số từ 10 đến 20 và các thẻ chữ: *mười, hai mươi*.

III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS thực hiện các hoạt động sau:

- *Quan sát* tranh khởi động, *đếm số lượng* từng loại cây trong vườn rau và *nói*, chẳng hạn: “Có 18 cây su hào”, ...
- Chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hình thành các số 17,18,19, 20

- HS đếm số cây xu hào, nói: “Có 18 cây su hào”. HS đếm số khối lập phương, nói: “Có 18 khối lập phương”. GV gắn mô hình tương ứng lên bảng, hướng dẫn HS: Có 18 cây su hào ta *lấy* tương ứng 18 khối lập phương (gồm 1 thanh và 8 khối lập phương rời). GV *đọc* “mười tám”, *gắn* thẻ chữ “mười tám”, *viết* “18”.
- Tương tự như trên, HS hoạt động theo nhóm bàn (hoặc cặp đôi) hình thành lần lượt các số từ 17 đến 20, chẳng hạn: HS *lấy ra* 17 khối lập phương (gồm 1 thanh và 7 khối lập phương rời), *đọc* “mười bảy”, *gắn* thẻ chữ “mười bảy”, *viết* “17”; ...

2. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”

HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính, ... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: GV đọc số 17, HS lấy ra đủ 17 que tính, lấy thẻ số 17 đặt cạnh những que tính vừa lấy.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Đếm số lượng các khối lập phương, đặt các thẻ số tương ứng vào ô ? .
- Đọc cho bạn nghe các số từ 16 đến 20.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- Đếm số lượng các đối tượng, đặt thẻ số tương ứng vào ô ?
- Nói cho bạn nghe kết quả, chẳng hạn: Có 17 quả bóng đá nên đặt thẻ số “17” vào ô ? bên cạnh.

Bài 3. HS đọc rồi viết số tương ứng vào vở. Chẳng hạn: đọc “mười chín”, viết “19”. GV có thể tổ chức cho HS chơi “Ghép thẻ” theo cặp: HS ghép từng cặp thẻ số và thẻ chữ, chẳng hạn ghép thẻ số “19” với thẻ chữ “mười chín”.

Lưu ý: GV hướng dẫn HS xếp các thẻ số theo thứ tự từ 11 đến 20 và đọc các số theo thứ tự.

Bài 4

- HS đặt các thẻ số thích hợp vào bông hoa có dấu “?”.
- HS *đếm tiếp* từ 11 đến 20 và *đếm lùi* từ 20 về 11. GV có thể đánh dấu một số bất kì trong các số từ 11 đến 20, yêu cầu HS đếm từ 1 đến số đó hoặc từ một số bất kì đến số đó; từ số đó đếm thêm 1, thêm 2,..., hoặc từ số đó đếm bớt 1, bớt 2,...

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

- Cá nhân HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe số lượng các bạn nhỏ trong bức tranh. Chia sẻ trước lớp. HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.
- GV khuyến khích HS quan sát tranh, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp về bức tranh. Chẳng hạn: Có bao nhiêu bạn nam? Có bao nhiêu bạn nữ? Có mấy bạn quàng khăn? ...

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Em thích nhất hoạt động nào?

- Để đếm chính xác em nhấn bạn điều gì?
- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số 11 đến 20 được sử dụng vào các tình huống nào.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

LƯU Ý

Ý tưởng chủ đạo của hoạt động hình thành các số 17, 18, 19, 20 là tổ chức cho HS: đếm số lượng, nhận biết số, ghi số lượng, đọc, viết số đó. Chưa yêu cầu đề cập đến khái niệm “chục - đơn vị”.

Bài 41. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- củng cố kỹ năng đếm, đọc, viết các số từ 11 đến 20.
- Nhận biết thứ tự các số từ 11 đến 20.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động.
- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rời ghép lại) và các khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và các que tính rời để đếm.
- Các thẻ số từ 10 đến 20 và các thẻ chữ: *mười, hai mươi*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Đếm tiếp” theo nhóm hoặc cả lớp như sau:

- Đưa ra một số, chẳng hạn số 17 (GV viết hoặc gắn thẻ số đó lên bảng coi đó là số “đích”).
- Một HS đếm tiếp từ 1 (hoặc từ một số cho trước) đến số “đích”. HS khác theo dõi, nhận xét.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Nêu hoặc đặt các thẻ số thích hợp vào mỗi ô ? .
- Đọc cho bạn nghe các số từ 1 đến 20 và từ 20 về 1.

Lưu ý: GV có thể tổ chức hoạt động: Yêu cầu HS lấy thước kẻ thẳng, quan sát và đọc các số ghi dưới mỗi vạch của thước, nhận xét. Hoặc phát cho mỗi nhóm một băng giấy có vạch chia (như thước kẻ 20 trong hình vẽ). HS thảo luận và viết các số thích hợp dưới mỗi vạch để tạo thành một chiếc thước. HS đánh dấu một số để bạn đếm tiếp, đem lùi, đếm thêm từ số đó.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát các số, đếm số theo thứ tự từ trái qua phải, tìm số thích hợp rồi đặt thẻ số đó vào ô trống có dấu
- Đọc kết quả cho bạn kiểm tra và nói cho bạn nghe cách làm.

Bài 3. Cá nhân HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe: số hình ghép thành bức tranh; số hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật trong bức tranh. Chia sẻ trước lớp. Các HS khác lắng nghe và nhận xét.

Bài 4. HS quan sát tranh vẽ, suy nghĩ rồi nêu hoặc gắn thẻ số thích hợp cho mỗi toa tàu. Chia sẻ cách làm với bạn.

C. Hoạt động vận dụng

Bài 5

- Cá nhân HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe số lượng mỗi loại cây trong bức tranh. Chia sẻ trước lớp. Các HS khác lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.
- GV khuyến khích HS quan sát tranh, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp về bức tranh. Chẳng hạn: HS chỉ vào một giá cây rồi hỏi: “Trên giá này, có tất cả bao nhiêu cây?”.

D. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

- Đếm đếm chính xác em nhận bạn điều gì?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

Bài 41. CÁC SỐ 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm số lượng bằng cách tạo mười.
- Đọc, viết các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rời ghép lại) và các khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và các que tính rời để đếm.
- Các thẻ số 10, 20, ..., 90 và các thẻ chữ: *mười, hai mươi, chín mươi*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS thực hiện các hoạt động sau:

- *Quan sát* tranh khởi động.
- Suy nghĩ thảo luận theo cặp hoặc theo bàn: Có cách nào đếm số khối lập phương dễ dàng và ít nhầm lẫn không?
- Chia sẻ trước lớp.

GV nhận xét, hướng dẫn HS cách đếm số khối lập phương theo cách gạt ra từng nhóm 10 khối lập phương rồi đếm.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. GV hướng dẫn HS đếm 10, 20, 30 khối lập phương (như một thao tác mẫu)

- GV lấy 10 khối lập phương (hoặc que tính), HS đếm và nói kết quả: “Có 10 khối lập phương”. GV thực hiện thao tác xếp 10 khối lập phương thành 1 thanh; nói: “mười”; gắn thẻ chữ “mười”, thẻ số “10”.

- GV lấy 20 khối lập phương (hoặc que tính), HS đếm và nói kết quả: “Có 20 khối lập phương”. GV thực hiện thao tác xếp 10 khối lập phương thành 1 thanh, 20 khối lập phương thành 2 thanh, mỗi thanh 10 khối lập phương; chỉ vào từng thanh đếm: “mười, hai mươi”; gắn thẻ chữ “hai mươi”, thẻ số “20”.

- GV giới thiệu: Khi có nhiều khối lập phương, các em có thể đếm từ 1 đến 20 nhưng cũng có thể gộp ra từng nhóm 10 khối lập phương rồi đếm: “mười, hai mươi”. Cách đếm này sẽ giúp chúng ta ít nhầm lẫn hơn.

- Tương tự như vậy, GV lấy 30 khối lập phương xếp thành 3 thanh, mỗi thanh 10 khối lập phương rồi đếm: “mười, hai mươi, ba mươi” và trả lời có 30 khối lập phương; gắn thẻ chữ “ba mươi”, thẻ số “30”.

2. HS thực hành đếm khối lập phương:

- HS thực hiện theo nhóm, sau đó báo cáo kết quả.

GV có thể giao cho mỗi nhóm một số khối lập phương rồi có số lượng khác nhau (chẳng hạn: nhóm 1: 40; nhóm 2: 50; ...; nhóm 6: 90).

HS báo cáo kết quả, nói cách đếm của nhóm.

- GV nhận xét, gắn kết quả lên bảng, HS chỉ vào từng thanh đếm, đọc số Chẳng hạn: chỉ vào 4 thanh; đếm: “mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi”; nói “Có 40 khối lập phương”.

3. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”

HS lấy ra đủ số khối lập phương (hoặc số que tính) theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đủ 70 khối lập phương (7 thanh), lấy thẻ số 70 đặt cạnh những khối lập phương vừa lấy.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Đem số lượng hạt, nói kết quả: “Có ba mươi hạt vòng”, đặt thẻ số 30 bên cạnh các chuỗi vòng.

GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ cách làm và nhận ra để đếm có tất cả bao nhiêu hạt vòng, ta nhận xét 3 chuỗi vòng giống nhau đều có 10 hạt vòng. Ta đếm mười, hai mươi,

ba mươi. Có tất cả ba mươi hạt vòng.

- Đếm số lượng viên kẹo, nói kết quả: “Có bốn mươi viên kẹo”, đặt thẻ số 40 bên cạnh các túi kẹo.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- HS nêu số còn thiếu trên mỗi quả chuông ghi dấu “?”, rồi chia sẻ với bạn cách làm.
- HS đọc các số từ 10, 20,..., 90 và ngược lại: 90, 80,..., 10.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 3. HS thực hiện theo nhóm bàn, mỗi HS chọn một thẻ số trong các thẻ số: 10, 20, ..., 90 rồi lấy đủ số đồ vật tương ứng. Chẳng hạn, HS A chọn thẻ 40 thì HS A sẽ lấy ra đủ 40 que tính, hoặc 40 khối lập phương,...

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

- Khi phải đếm nhiều đồ vật, em nhắc bạn nên đếm thế nào cho dễ dàng và chính xác.

• - về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số 10 đến 90 được sử dụng trong các tình huống nào.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc, viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

LƯU Ý

Ý tưởng chủ đạo của hoạt động hình thành các số 10, 20,..., 90 là tổ chức cho HS: đếm số lượng bằng cách gom thành nhóm 10 rồi đếm các nhóm đó. Bài này chưa dùng thuật ngữ “chục”, “số tròn chục”.

Bài 43. CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (từ 21 đến 40)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết các số từ 21 đến 40.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động.
- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rời ghép lại) và khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và que tính rời để đếm.
- Các thẻ số từ 21 đến 40 và các thẻ chữ: *hai mươi một, hai mươi hai, ..., I bốn mươi*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS thực hiện các hoạt động sau:

- *Quan sát* tranh khởi động, *đếm* số lượng đồ chơi có trong tranh và *nói*, chẳng hạn: “Có 23 búp bê”, ...

- Chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).
- Đại diện HS nói kết quả trước lớp, nói cách đếm để các bạn nhận xét.

GV đặt câu hỏi để HS nói cách đếm: Có thể đếm từ 1 đến 23 và đếm như sau: mười, hai mươi, hai mươi một, hai mươi hai, hai mươi ba. Có hai mươi ba búp bê.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hình thành các số từ 21 đến 40

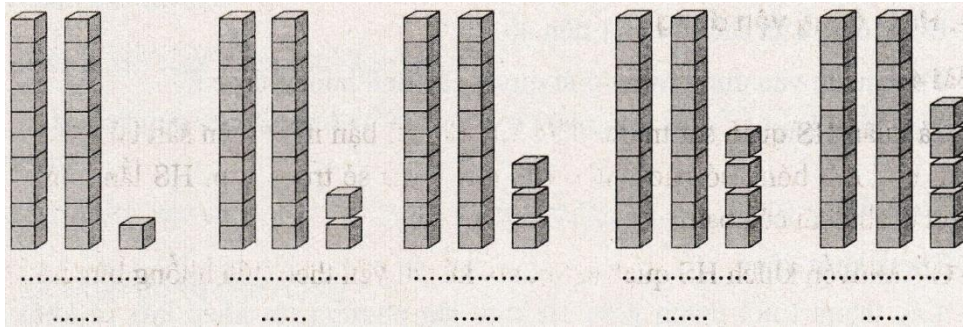
a) GV hướng dẫn HS thao tác mẫu:

- GV lấy 23 khối lập phương rời, HS đếm và nói: “Có 23 khối lập phương”, GV thao tác cứ 10 khối lập phương xếp thành một “thanh mười”. Đem các thanh mười và khối lập phương rời: *mười, hai mươi, hai mươi một, hai mươi hai, hai mươi ba*. Có tất cả *hai mươi ba* khối lập phương; *hai mươi ba* viết là “23 ”.

- Tương tự thực hiện với số 21, 32, 37.

b) HS thao tác, đếm đọc viết các số từ 21 đến 40.

HS thực hiện theo nhóm 4 hoặc theo nhóm bàn. Tương tự như trên, HS đếm số khối lập phương, đọc số, viết số. GV phân công nhiệm vụ cho các nhóm sao cho mỗi nhóm thực hiện với 5 số. Cả lớp thực hiện đủ các số từ 21 đến 40. Chẳng hạn, đếm số khối lập



c) HS báo cáo kết quả theo nhóm. Cả lớp đọc các số từ 21 đến 40.

Lưu ý: GV chú ý rèn và sửa cho HS đọc các số có biến âm như: hai mươi mốt, ba mươi mốt, hai mươi lăm, ba mươi lăm, mười bốn, hai mươi tư, ba mươi tư. Với những HS khó khăn khi đếm các số 29, 30 và 39, 40, GV có thể hỗ trợ và hướng dẫn HS.

2. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”

HS lấy ra đủ số khối lập phương (que tính), ... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đủ 23 khối lập phương (que tính), lấy thẻ số 23 đặt cạnh những khối lập phương vừa lấy.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

phương sau, đọc và viết số thích hợp:

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Đếm số lượng các khối lập phương, đặt các thẻ số tương ứng vào ô ? .
- Đọc cho bạn nghe các số vừa đặt.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- Viết các số vào vở. Đọc các số vừa viết.
- Đổi vở để kiểm tra, tìm lỗi sai và cùng nhau sửa lại nếu có.

Bài 3

- Cá nhân HS đếm, tìm số còn thiếu trong tổ ong rồi nói cho bạn nghe kết quả.
- HS đọc các số từ 1 đến 40. GV có thể đánh dấu một số bất kì trong các số từ 1 đến 40, yêu cầu HS đếm từ 1 đến số đó hoặc từ một số bất kì đến số đó.
- GV có thể che đi một vài số rồi yêu cầu HS chỉ đọc các số đã bị che, chẳng hạn: che các số 10, 20, 30, 40 hoặc 11, 21, 31 hoặc 5, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40 hoặc 4, 14, 24, 34. Từ đó, nhắc HS chú ý cách đọc “mười” hay “mười”; “một” hay “mốt”, “năm” hay “lăm”; “bốn” hay “tư”.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe trên sân có bao nhiêu cầu thủ, mỗi đội bóng có bao nhiêu cầu thủ. Chia sẻ trước lớp. HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.
- GV khuyến khích HS quan sát tranh, kể chuyện theo tình huống bức tranh.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?
- Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?
- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số đã học được sử dụng trong các tình huống nào.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

Bài 44. CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (từ 41 đến 70)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết các số từ 41 đến 70.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương ghép lại) và khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và que tính rời để đếm.
- Các thẻ số và thẻ chữ từ 41 đến 70 và các thẻ chữ: *bốn mươi mốt, bốn mươi hai, ..., bảy mươi*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng” như sau:

- Chia lớp thành nhiều nhóm 4-6 HS, chỉ rõ: “*Nhóm dùng các khối lập phương*”, “*Nhóm dùng các ngón tay*”, “*Nhóm viết số*”.
- GV hoặc chủ trò đọc một số từ 1 đến 40. *Nhóm dùng các khối lập phương* giơ số khối lập phương tương ứng với số GV đã đọc. *Nhóm dùng các ngón tay* phải giơ đủ số ngón tay tương ứng với số GV đã đọc. *Nhóm viết số* dùng các chữ số để viết số đã đọc.

Sau mỗi lần chơi các nhiệm vụ lại đổi luân phiên giữa các nhóm.

Lưu ý: GV chú ý khai thác những sản phẩm của HS, khai thác thể hiện số bằng những cách khác nhau. *Ví dụ:* Với số “hai mươi lăm”, có thể có nhiều cách giơ ngón tay nhưng đơn giản nhất là hai HS giơ cả hai bàn tay và HS thứ ba giơ năm ngón tay. Hoạt động cùng nhau giơ tay biểu thị số 25 tạo ra cơ hội gắn kết hợp tác giữa các thành viên trong nhóm.

2. HS *quan sát* tranh, *đếm* số lượng khối lập phương có trong tranh và *nói*: “Có 46 khối lập phương”, ... Chia sẻ trước lớp kết quả và nói cách đếm.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hình thành các số từ 41 đến 70

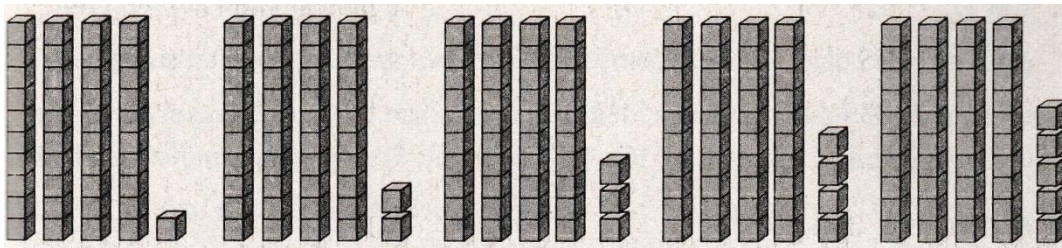
a) GV hướng dẫn HS thao tác mẫu:

- GV lấy 4 thanh và 6 khối lập phương rồi, HS đếm và nói: “Có 46 khối lập phương, bốn mươi sáu viết là 46.”

- Tương tự với các số 51, 54, 65.

b) HS thao tác đếm, đọc, viết các số từ 41 đến 70.

HS thực hiện theo nhóm 4 hoặc theo nhóm bàn. Tương tự như trên, HS đếm số khối lập phương, đọc số, viết số. GV phân công nhiệm vụ cho các nhóm sao cho mỗi nhóm thực hiện với 5 số. Cả lớp thực hiện đủ các số từ 41 đến 70. Chẳng hạn, đếm số khối lập phương sau, đọc và viết số thích hợp:



c) HS báo cáo kết quả theo nhóm. Cả lớp đọc các số từ 41 đến 70. GV nhắc HS cách đọc số chú ý biến âm “mốt”, “tư”, “lăm”. Chẳng hạn:

+ GV gắn các thẻ số 11, 21, 31, 41, 51, 61. HS đọc.

+ GV gắn các thẻ số 14, 24, 34, 44, 54, 64. HS đọc.

+ GV gắn các thẻ số 15, 25, 35, 45, 55, 65. HS đọc.

Lưu ý: Với HS khó khăn khi đếm các số 49, 50 và 59, 60 hay 69, 70, GV có thể hỗ trợ và hướng dẫn HS.

2. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”

HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính,... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đủ 45 que tính, lấy thẻ số 45 đặt cạnh những que tính vừa lấy.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Viết các số vào vở. Đọc các số vừa viết.
- Đổi vở kiểm tra, tìm lỗi sai và cùng nhau sửa lại.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- Đếm, tìm số còn thiếu trong tổ ong rồi nói cho bạn nghe kết quả.
- Đọc các số từ 41 đến 70. GV có thể đánh dấu một số bất kì trong các số từ 41 đến 70 yêu cầu HS đếm từ 1 đến số đó hoặc từ một số bất kì đến số đó.

- GV có thể che đi một vài số rồi yêu cầu HS chỉ đọc các số đã bị che, I chẳng hạn: che các số 50, 60, 70 hoặc 41, 51, 61 hoặc 45, 50, 55, 60, 65, 70 hoặc 44, 54, 64. Từ đó, nhắc HS chú ý cách đọc “mười” hay “mươi”; “một” hay “mốt”, “năm” hay “lăm”; “bốn” hay “tư”. Che các số 39, 40; 49, 50; 59, 60; 69, 70 yêu cầu HS đọc.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 3

- a) Cá nhân HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe: Có bao nhiêu quả dâu tây?
- b) Cá nhân HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe các công chúa có bao nhiêu viên ngọc trai. Chia sẻ trước lớp. HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hàng ngày?
- Đe đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?
- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số đã học được sử dụng trong các tình huống nào.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc, viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.



Bài 45. CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (từ 71 đến 99)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết các số từ 71 đến 99.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rời ghép lại) và khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và que tính rời để đếm.

- Các thẻ số từ 71 đến 99.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng” như sau:

- Chia lớp thành nhiều nhóm 4-6 HS, chỉ rõ: “*Nhóm dùng các khối lập phương*”, “*Nhóm dùng hình vẽ*”, “*Nhóm viết số*”.
- GV hoặc chủ trò đọc một số từ 41 đến 70. *Nhóm dùng các khối lập phương* giơ số khối lập phương tương ứng với số GV đã đọc. *Nhóm dùng hình vẽ*, vẽ đủ số hình tương ứng với số GV đã đọc. *Nhóm viết số* dùng các chữ số để viết số GV đã đọc.

Sau mỗi lần chơi các nhiệm vụ lại đổi luân phiên giữa các nhóm.

Lưu ý: GV chú ý khai thác những sản phẩm của HS, khai thác những cách biểu diễn số khác nhau.

2. HS *quan sát tranh, đếm số lượng* khối lập phương có trong tranh và nói: “Có 73 khối lập phương”, ... Chia sẻ trước lớp kết quả và nói cách đếm.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hình thành các số từ 71 đến 99

a) HS thực hiện theo nhóm 4 hoặc theo nhóm bàn. Tương tự như những bài trước, HS đếm số khối lập phương, đọc số, viết số. GV phân công nhiệm vụ cho các nhóm sao cho mỗi nhóm thực hiện với 5 số. Cả lớp thực hiện đủ các số từ 71 đến 99.

b) HS báo cáo kết quả theo nhóm.

Cả lớp đọc các số từ 71 đến 99.

GV nhắc HS cách đọc số chú ý biến âm “mốt”, “tu”, “lăm”

Chẳng hạn:

- + GV gắn các thẻ số 11, 21, 31, 41, 51, 61, 71, 81, 91. HS đọc.
- + GV gắn các thẻ số 14, 24, 34, 44, 54, 64, 74, 84, 94. HS đọc.
- + GV gắn các thẻ số 15, 25, 35, 45, 55, 65, 75, 85, 95. HS đọc.

2. Trò chơi: “Lấy đủ số lượng”

HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính, ... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn.

Chẳng hạn: Lấy ra đủ 75 que tính, lấy thẻ số 75 đặt cạnh những que tính vừa lấy.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1 HS thực hiện các thao tác:

Viết các số vào vở.

- Đổi vở kiểm tra, tìm lỗi sai và cùng nhau sửa lại.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- Đem, tìm số còn thiếu trong tổ ong rồi nói cho bạn nghe kết quả.
- Đọc các số từ 71 đến 99. GV có thể đánh dấu một số bất kì trong các số từ 71 đến 99, yêu cầu HS đếm từ một số bất kì đến số đó, đếm tiếp, đếm lùi, đếm thêm từ số đó.

GV có thể che đi một vài số rồi yêu cầu HS chỉ đọc các số đã bị che, chẳng hạn: che các số 71, 81, 91 hoặc 74, 84, 94 hoặc 69, 70; 79, 80; 89, 90; ...

D. Hoạt động vận dụng

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe số quả chanh, số chiếc ấm. Chia sẻ trước lớp. HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.

- GV đặt câu hỏi để HS nhận ra khi đếm số lượng có thể đếm bằng nhiều cách khác nhau nhưng trong mỗi tình huống nên lựa chọn cách đếm nào nhanh, ít sai sót để dàng kiểm tra lại.

E. Cùng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?
- Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?
- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số đã học được sử dụng trong

các tình huống nào.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.



Bài 46. ĐẾM CÁC SỐ ĐẾN 100**I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết số 100 dựa trên việc đếm tiếp hoặc đếm theo nhóm mười.
- Đếm, đọc, viết số đến 100; Nhận biết được bảng các số từ 1 đến 100.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động.
- Bảng các số từ 1 đến 100.
- Các phiếu in bảng các số từ 1 đến 100 như bài 1.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**A. Hoạt động khởi động**

- HS *quan sát* tranh khởi động, *đếm tiếp* đến 100 từ một số bất kì, chẳng hạn:

81; 82; ..., 99; 100;

90; 91; ..., 99; 100;

87; 88; ..., 99; 100;

- GV có thể tổ chức thành trò chơi “Đếm tiếp”. GV nêu một số bất kì, nhóm HS đếm tiếp đến 100 thì GV có hiệu lệnh để HS dừng lại. Tiếp tục thực hiện với nhóm HS khác.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. GV gắn băng giấy lên bảng (đã che số 100), HS đếm theo các số trong băng giấy:

81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	

2. HS nhận biết số 100 bằng cách đếm tiếp. GV cầm thẻ số 100 gắn vào ô trống rồi chỉ vào số 100, giới thiệu số 100, cách đọc và cách viết.

3. HS viết “100”, đọc “một trăm” (hoặc gài thẻ số 100).

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Mục tiêu là nhận biết *Bảng các số từ 1 đến 100*

- HS đọc các số còn thiếu ở mỗi ô ? (HS nên điền vào phiếu, tự tạo lập bảng các số từ 1 đến 100 của mình để sử dụng về sau).

GV chữa bài và giới thiệu: “Đây là *Bảng các số từ 1 đến 100*”.

- GV đặt câu hỏi để HS nhận ra một số đặc điểm của *Bảng các số từ 1 đến 100*, chẳng hạn:

+ Bảng này có bao nhiêu số?

+ Nhận xét các số ở hàng ngang. Nhận xét các số ở hàng dọc

+ Nếu che đi một hàng (hoặc một cột), hãy đọc các số ở hàng (cột) đó.

- GV chỉ vào *Bảng các số từ 1 đến 100* giới thiệu các số từ 0 đến 9 là các số có một chữ số; các số từ 10 đến 99 là các số có hai chữ số.

- GV hướng dẫn HS nhận xét một cách trực quan về vị trí “đứng trước”, “đứng sau” của mỗi số trong *Bảng các số từ 1 đến 100*.

- HS tự đặt câu hỏi cho nhau về *Bảng các số từ 1 đến 100*.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- Đọc số hoặc đặt thẻ số thích hợp vào mỗi ô ghi dấu “?”.

- Đọc cho bạn nghe kết quả và chia sẻ cách làm.

Bài 3. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát mẫu: Bạn voi muốn đem xem có tất cả bao nhiêu chiếc chìa khoá, bạn voi có cách đếm thông minh: 10, 20, ..., 90, 100.

- HS cùng đếm 10, 20, ..., 100 rồi trả lời: “Có 100 chiếc chìa khoá”.

- HS thực hiện tương tự với tranh cà rốt và tranh quả trứng rồi chia sẻ với bạn cùng bàn.

D. Hoạt động vận dụng

- HS có cảm nhận về số lượng 100 thông qua hoạt động lấy ra 100 que tính (10 bó que tính 1 chục).

- Trong cuộc sống, em thấy người ta dùng số 100 trong những lĩnh vực nào?

- GV khuyến khích HS biết ước lượng số lượng trong cuộc sống.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em đã biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Các em đã nhìn thấy số 100 ở những đâu?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc, viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

Bài 47. CHỤC VÀ ĐƠN VỊ

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết 1 chục bằng 10 đơn vị.
- Biết đọc, viết các số tròn chục.
- Bước đầu nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- 10 khối lập phương, 10 que tính, 10 hình tròn.
- Các thanh 10 khối lập phương hoặc bó 10 que tính.
- Bảng chục - đơn vị đã kẻ sẵn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS *quan sát tranh nói* cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? Hai bạn trong tranh đang làm gì? Nói gì?

GV nhận xét dẫn dắt vào bài.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Nhận biết 1 chục (qua thao tác trực quan)

a) HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn:

- Ghép 10 khối lập phương thành 1 thanh. Nói: “Có 10 khối lập phương, có 1 *chục* khối lập phương”.
- Bó 10 que tính thành 1 bó. Nói: “Có 10 que tính, có 1 *chục* que tính”.

- Xếp 10 hình tròn thành một cụm. Nói: “Có 10 hình tròn, có 1 *chục* hình tròn”.
- b) HS nêu các ví dụ về “1 chục”. Chẳng hạn: Có 10 quả trứng, có 1 *chục* quả trứng.

2. Nhận biết các số tròn chục

- GV lấy 10 khối lập phương rời, xếp lại thành 1 thanh. HS đếm và nói: Có 10 khối lập phương, có 1 chục khối lập phương. HS đọc: *mười - một chục*.
- GV lấy 20 khối lập phương rời, xếp lại thành 2 thanh. HS đếm và nói: Có 20 khối lập phương, có 2 chục khối lập phương. HS đọc: *hai mươi - hai chục*.
- Thực hiện tương tự với các số 30, ..., 90.
- GV giới thiệu cho HS: Các số 10, 20, ..., 90 là các số tròn chục.

3. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”

HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính, ... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đủ 3 chục que tính, lấy thẻ số 30 đặt cạnh những que tính vừa lấy.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Đem số que tính, đọc kết quả cho bạn nghe. Chẳng hạn: Có 60 que tính, có 6 chục que tính.
- GV có thể đưa thêm một số ví dụ khác để HS thực hành.
- Khi chữa bài, GV đặt câu hỏi để HS nói cách làm của mình. Quan sát và lắng nghe cách đếm của HS. HS đếm từng que tính được tất cả 60 que tính hay đếm theo nhóm mười (mười, hai mươi, ..., sáu mươi) hay đếm theo chục (1 chục, 2 chục, ..., 6 chục): Mỗi bó que tính có 10 que tính, mười que tính là 1 chục que tính, 6 bó que tính là 6 chục que tính. Trên cơ sở đó, GV củng cố cho HS cách đếm theo chục.

Tương tự cách đếm bát: Có 8 chục cái bát.

Bài 2. HS quan sát băng giấy để tìm quy luật của các số ghi trên băng giấy. Đọc các số còn thiếu. Nhấn mạnh: Các số 10, 20, ..., 90 là các số tròn chục.

Bài 3

- HS chơi trò chơi theo nhóm. Mỗi bạn lấy ra vài chục đồ vật và nói số lượng. Chẳng hạn: Có 2 chục khối lập phương, có 1 chục bút màu, có 3 chục que tính, ...
- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác đặt câu hỏi cho nhóm trình bày. Chẳng hạn: 3 chục que tính là bao nhiêu que tính? Bằng cách nào bạn lấy đủ 3 chục que tính?

Bài 4. GV hướng dẫn HS thực hiện mẫu:

- GV lấy 32 khối lập phương (gồm 3 thanh và 2 khối lập phương rời).
- HS đem số khối lập phương. Nói: Có *ba mươi hai* khối lập phương, viết “32”.
- GV đặt câu hỏi để HS trả lời, trong hình có 3 chục khối lập phương và 2 khối lập phương rời.
- GV nhận xét: Như vậy, trong số 32, số 3 cho ta biết có 3 chục khối lập phương, số 2 cho ta biết có 2 khối lập phương rời. Ta có thể viết như sau:

Chục	Đơn vị
3	2

- Nói: Số 32 gồm 3 chục và 2 đơn vị.

Thực hiện tương tự, chẳng hạn câu a):

- Quan sát tranh, nói: Có 24 khối lập phương.
- Viết vào bảng (đã kẻ sẵn ô trên bảng con hoặc bảng lớp).

Chục	Đơn vị
2	4

- Nói: Số 24 gồm 2 chục và 4 đơn vị.

Bài 5

- Cá nhân HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:
 - a) Số 12 gồm 1 chục và 2 đơn vị.
 - b) Số 49 gồm 4 chục và 9 đơn vị.
 - c) Số 80 gồm 8 chục và 0 đơn vị.
 - d) Số 66 gồm 6 chục và 6 đơn vị.
- HS có thể đặt câu hỏi với các số khác để đố bạn, chẳng hạn: số 72 gồm mấy chục và mấy đơn vị?
- Nếu HS gặp khó khăn thì GV hướng dẫn HS tìm câu trả lời bằng cách viết số vào bảng chục - đơn vị:

Chục	Đơn vị

D. Hoạt động vận dụng

Bài 6

- GV yêu cầu HS thử ước lượng và đoán nhanh xem mỗi chuỗi vòng có bao nhiêu hạt?
- HS đoán và giải thích tại sao lại đoán được số đó.
- HS đếm để kiểm tra dự đoán, nói kết quả trước lớp. HS nói các cách đếm khác nhau nếu có.
- GV cho HS thấy rằng trong cuộc sống không phải lúc nào chúng ta cũng đếm chính xác ngay được kết quả, có thể trong một số trường hợp phải ước lượng để có thông tin ban đầu nhanh chóng.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?
- Từ ngữ toán học nào em cần nhớ?
- Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?
- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống mọi người có dùng “chục” không? Sử dụng trong các tình huống nào?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.
- Thông qua việc quan sát, phân tích cấu tạo của số có hai chữ số. xác định được giá trị của mỗi số dựa vào vị trí của số đó, HS có cơ hội phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

LƯU Ý

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Trọng tâm của tiết thứ nhất giúp HS hiểu được chục và số tròn chục, nên kết thúc sau bài 3. Tiết thứ hai nên bắt đầu từ bài 4, giúp HS hiểu được cấu tạo của số có hai chữ số (chẳng hạn: 42 gồm 4 chục và 2 đơn vị).



Bài 48. LUYỆN TẬP**I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hành nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Bảng chục - đơn vị đã kẻ sẵn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**A. Hoạt động khởi động**

HS chơi trò chơi “Bắn tên”, như sau:

- Chủ trò nói: “Bắn tên, bắn tên”.
- Cả lớp hỏi: “Tên gì, tên gì?”
- Chủ trò nói: “Số ba mươi lăm”, mời bạn Lan.
- Bạn Lan nói: “Số 35 gồm 3 chục và 5 đơn vị”.

Quá trình chơi cứ tiếp tục như vậy.

Lưu ý: Trong trò chơi “Bắn tên” ở trên. Tùy vào trình độ HS mà GV có thể đưa ra những câu hỏi khác nhau, hỏi xuôi, hỏi ngược, ví dụ: “Số nào gồm 3 chục và 5 đơn vị?”.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập**Bài 1**

- HS thực hiện các thao tác sau rồi nói cho bạn nghe, chẳng hạn, tranh a):
 - + Quan sát, nói: Có 41 khối lập phương.
 - + Viết vào bảng chục - đơn vị (đã kẻ sẵn ô trên bảng con hoặc bảng lớp).

Chục	Đơn vị
4	1

- + Nói: Số 41 gồm 4 chục và 1 đơn vị.
- Làm tương tự với các câu b), c), d).

Bài 2

- Cá nhân HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:

- a) Số 27 gồm 2 chục và 7 đơn vị.
- b) Số 63 gồm 6 chục và 3 đơn vị.
- c) Số 90 gồm 9 chục và 0 đơn vị.

- HS có thể đặt câu hỏi để đố bạn với các số khác, chẳng hạn: số 82 gồm mấy chục và mấy đơn vị?

- Nếu HS gặp khó khăn, thì GV hướng dẫn HS tìm câu trả lời bằng cách viết số vào bảng chục - đơn vị:

Chục	Đơn vị

Bài 3. HS chơi trò chơi “Tìm số thích hợp” theo cặp hoặc theo nhóm:

- Đặt lên bàn các thẻ ghi số. Quan sát các tấm thẻ ghi.
- Quan sát các thẻ, ngầm chọn ra một số, đặt câu hỏi để bạn tìm đúng thẻ ghi số đó, chẳng hạn: số nào gồm 5 chục và 1 đơn vị.

- HS nhặt thẻ số 51, nói: số 51 gồm 5 chục và 1 đơn vị.

Bài 4. HS thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm:

- Viết số thích hợp vào mỗi ô ? trong bảng rồi đọc số đó.
- Chỉ vào số vừa viết nói cho bạn nghe, chẳng hạn: số có 1 chục và 3 đơn vị là số 13 hoặc số 13 gồm 1 chục và 3 đơn vị.

C. Hoạt động vận dụng

Bài 5. HS thực hiện các thao tác:

- HS dự đoán xem có bao nhiêu quả chuối và đếm kiểm tra. Chia sẻ kết quả với bạn.
- HS thực hiện tương tự với quả xoài, quả thanh long, quả lê.

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

- Từ ngữ toán học nào em cần nhớ?
- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống mọi người có dùng “chục” và “đơn vị” không. Sử dụng trong các tình huống nào.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc quan sát, phân tích cấu tạo của số có hai chữ số, xác định được giá trị

của mỗi số dựa vào vị trí của số đó, HS có cơ hội phát triển NL tư duy và lập luận toán học.



Bài 49. SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- So sánh được các số có hai chữ số.
- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động.
- Bảng các số từ 1 đến 100.
- Các băng giấy đã chia ô vuông và ghi số như ở bài 1, 2, 3.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS *quan sát* tranh khởi động, nhận biết bối cảnh bức tranh. Chia sẻ theo cặp đôi những thông tin quan sát được (Theo em các bạn trong bức tranh đang làm gì? Nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình).

- GV chiếu *Bảng các số từ 1 đến 100* và giới thiệu bài, chẳng hạn: Các em đã được học các số nào? (Từ số 0 đến số 100). Bài hôm nay các em sẽ biết so sánh các số trong phạm vi 100.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. So sánh các số trong phạm vi 30

a) GV hướng dẫn HS cắt hai băng giấy ở *Bảng các số từ 1 đến 100*, ghép thành một băng giấy đặt trước mặt. GV gắn các băng giấy lên bảng như sau:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

b) HS thực hiện lần lượt các thao tác (tô, nhận xét, nói, viết);

+ Tô màu vào hai số trong phạm vi 10. Chẳng hạn: tô màu hai số 3 và 8.

+ Quan sát, nhận xét. 3 đứng trước 8; 8 đứng sau 3.

+ Nói: 3 bé hơn 8; 8 lớn hơn 3.

+ Viết: $3 < 8$; $8 > 3$.

GV chốt: 3 bé hơn 8; $3 < 8$.

8 lớn hơn 3; $8 > 3$.

c) GV hướng dẫn HS tô màu vào hai số 14 và 17 và so sánh tương tự như trên:

14 đứng trước 17; 14 bé hơn 17; $14 < 17$.

17 đứng sau 14; 17 lớn hơn 14; $17 > 14$.

d) GV hướng dẫn HS cắt thêm băng giấy thứ ba, rồi yêu cầu HS tô màu vào hai số 18 và 21 và so sánh tương tự như trên:

18 đứng trước 21; 18 bé hơn 21; $18 < 21$.

21 đứng sau 18; 21 lớn hơn 18; $21 > 18$.

- HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào phiếu học tập.

2. So sánh các số trong phạm vi 60

Thực hiện tương tự như so sánh các số trong phạm vi 30:

- GV hướng dẫn HS cắt tiếp ba băng giấy tiếp theo ở *Bang các số từ 1 đến 100*, ghép thành một băng giấy đặt trước mặt. GV gắn băng giấy lên bảng:

31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

- GV chọn hai số, chẳng hạn 36 và 42, yêu cầu HS so sánh.

- HS nhận xét:

36 đứng trước 42; 36 bé hơn 42; $36 < 42$.

42 đứng sau 36; 42 lớn hơn 36; $42 > 36$.

- HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào phiếu học tập.

3. So sánh các số trong phạm vi 100

Thực hiện tương tự như so sánh các số trong phạm vi 60:

- GV gắn phần còn lại trong bảng các số đến 100 lên bảng (có thể không cần cắt rời)

61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

- GV khoanh tròn vào hai số, chẳng hạn 62 và 67, yêu cầu HS so sánh.

- HS nhận xét:

62 đứng trước 67; 62 bé hơn 67; $62 < 67$.

67 đứng sau 62; 67 lớn hơn 62; $67 > 62$.

- HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào phiếu học tập.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS thực hiện các thao tác:

a) Điền số còn thiếu vào băng giấy.

b) So sánh các số theo các bước sau:

+ Đọc yêu cầu: 11 1

+ Quan sát băng giấy, nhận xét: “11 đứng trước 18”, nói: “11 bé hơn 18”, viết “ $11 < 18$ ”.

- Chia sẻ với bạn cách làm. Tương tự HS làm các phần còn lại.

Bài 2. Làm tương tự như bài 1.

Bài 3. Làm tương tự như bài 1.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4

- Quan sát tranh vẽ, nhận biết bối cảnh bức tranh, đếm số bông hoa mỗi bạn đang cầm, thảo luận với bạn xem ai có nhiều bông hoa nhất, ai có ít bông hoa nhất, giải thích.

GV gợi ý để HS nêu tên các bạn có số bông hoa theo thứ tự từ ít nhất đến nhiều nhất.

- GV chữa bài, khuyến khích HS nêu tình huống so sánh số lượng các đồ vật trong cuộc sống.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống việc so sánh các số trong phạm vi 100 được sử dụng trong các tình huống nào.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau và các kí hiệu ($>$, $<$, $=$), HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

- Thông qua việc sử dụng các thẻ số, thẻ dấu ($>$, $<$, $=$), băng số, băng các số đến 100 để xác định và thể hiện quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau, HS có cơ hội được phát triển NL

sử dụng công cụ và phương tiện học toán.



Bài 50. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- So sánh được các số có hai chữ số.
- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bảng các số từ 1 đến 100.
- Các thẻ số 38, 99, 83 và một số thẻ số khác.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Đố bạn”:

- GV chiếu *Bảng các số từ 1 đến 100*.
- HS chọn hai số bất kì trong bảng rồi đố bạn so sánh hai số đó.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và viết kết quả vào vở.
- Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.

Lưu ý: Nếu HS gặp khó khăn thì GV hướng dẫn HS sử dụng *Bảng các số từ 1 đến 100* để xác định số nào đứng trước, số nào đứng sau.

Bài 2

- HS lấy các thẻ số 38, 99, 83. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.
- Có thể thay bằng các thẻ số khác và thực hiện tương tự như trên.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?
- HS đọc số điểm của mỗi bạn trong trò chơi thi tăng cầu rồi sắp xếp tên các bạn theo

thứ tự số điểm từ lớn đến bé.

- GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huống bức tranh.

C. Hoạt động vận dụng

Bài 4

a) Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?

- HS đọc các số còn thiếu giúp nhà thám hiểm vượt qua chướng ngại vật.
- GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về các thông tin liên quan đến các số trong bức tranh.

b) Trong các số em vừa đọc ở câu a): số lớn nhất là số 50; số bé nhất là số 1; Số tròn chục bé nhất là số 10; số tròn chục lớn nhất là số 50.

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Để có thể so sánh hai số chính xác em nhớ bạn điều gì?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau và các kí hiệu ($>$, $<$, $=$), HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

- Thông qua việc đặt câu hỏi và trả lời liên quan đến các tình huống có quan hệ *lớn hơn*, *bé hơn*, *bằng nhau*, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

Bài 51. DÀI HƠN - NGẮN HƠN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Có biểu tượng về “dài hơn”, “ngắn hơn”, “dài nhất” “ngắn nhất”.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Các băng giấy có độ dài ngắn khác nhau.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

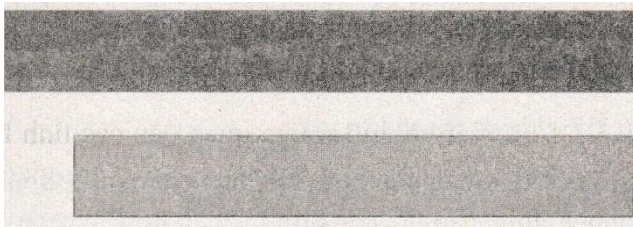
HS thực hiện Các hoạt động sau theo cặp:

- Mỗi HS lấy ra một băng giấy, hai bạn cạnh nhau cùng nhau quan sát các băng giấy, nói cho bạn nghe: băng giấy nào dài hơn, băng giấy nào ngắn hơn.
- Đại diện cặp HS gắn hai băng giấy của mình lên bảng và nói cách nhận biết băng giấy nào dài hơn, băng giấy nào ngắn hơn.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS quan sát tranh, nhận xét bút chì xanh *dài hơn* bút chì đỏ, bút chì đỏ *ngắn hơn* bút chì xanh. HS nói suy nghĩ và cách làm của mình để biết bút chì nào dài hơn, bút chì nào ngắn hơn.

2. GV gắn hai băng giấy lên bảng, chẳng hạn



ing hạn:

HS chỉ vào băng giấy dài hơn, nói: “Băng giấy đỏ dài hơn băng giấy xanh; Băng giấy xanh ngắn hơn băng giấy đỏ”.

3. Thực hiện theo nhóm 4: bốn bạn trong nhóm đặt các băng giấy của mình lên bàn, nhận xét băng giấy nào dài nhất, băng giấy nào ngắn nhất.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát hình, trong từng trường hợp xác định: Đồ vật nào dài hơn? Đồ vật nào ngắn hơn? Chiếc thang nào dài hơn? Chiếc thang nào ngắn hơn?
- Giải thích cho bạn nghe.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “dài hơn”, “ngắn hơn”, “dài nhất”, “ngắn nhất” để nói về các chiếc váy có trong bức tranh.
- Một vài cặp HS chia sẻ trước lớp.

Bài 3. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “cao hơn”, “thấp hơn”, để mô tả các con vật.
- Một vài cặp HS chia sẻ trước lớp.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “cao hơn”, “thấp hơn”, “cao nhất”, “thấp nhất” để mô tả mọi người trong bức tranh.
- Một vài cặp HS chia sẻ trước lớp.

* HS chơi trò chơi “Bạn nào cao hơn, bạn nào cao nhất” theo nhóm: HS trong nhóm đứng cùng nhau, dùng các từ “cao hơn”, “thấp hơn”, “cao nhất”, “thấp nhất” để nói về bản thân, chẳng hạn: Tớ cao hơn Lan; Tớ thấp hơn Nam, ...

- HS so sánh một số đồ dùng như bút chì, tẩy, hộp bút, ... với bạn rồi nói kết quả, chẳng hạn: Bút chì của tớ dài hơn bút chì của bạn, ...

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến so sánh độ dài, chiều cao sử dụng các từ “dài hơn”, “ngắn hơn”, “cao hơn”, “thấp hơn” để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc quan sát tranh tình huống, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến, sử dụng các thuật ngữ “dài hơn”, “ngắn hơn”, “cao hơn”, “thấp hơn” để mô tả, diễn đạt, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

Bài 52. ĐO ĐỘ DÀI

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết đo độ dài bằng nhiều đơn vị đo khác nhau như: gang tay, sải tay, bước chân, que tính, ...
- Thực hành đo chiều dài bảng lớp học, bàn học, lớp học, ...
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Một số đồ dùng để đo như: que tính, kẹp giấy, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS thực hiện các hoạt động sau theo cặp:

- Quan sát tranh và chia sẻ với bạn xem các bạn nhỏ trong bức tranh đang làm gì? (Đo độ dài bằng gang tay, sải tay, bước chân, ...).
- Hãy suy nghĩ xem, ngoài gang tay, sải tay, bước chân chúng ta có thể dùng cái gì để đo?

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. GV hướng dẫn HS đo bằng gang tay, sải tay, bước chân:

GV hướng dẫn mẫu, gọi HS lên bảng thực hành theo mẫu cho các bạn xem, nói kết quả đo, chẳng hạn: Chiếc bàn dài khoảng 10 gang tay.

2. HS thực hành đo theo nhóm, ghi lại kết quả đo, chẳng hạn:

- Đo bàn học bằng gang tay, đo chiều dài lớp học bằng bước chân, đo chiều dài bảng lớp bằng sải tay, đo ghế ngồi của em bằng que tính.
- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả đo trước lớp.
- HS nhận xét, qua thực hành rút ra kinh nghiệm khi đo và ghi kết quả đo.
- GV nhận xét cách đo của các nhóm, nhắc HS các lưu ý khi đo. Đặt câu hỏi giúp HS hiểu có thể dùng gang tay, sải tay, bước chân để đo độ dài nhưng cũng có thể dùng que tính hoặc các vật khác để đo.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát tranh vẽ, nói với bạn về hoạt động của các bạn trong tranh.
- Nói kết quả đo (đã thực hiện ở hoạt động ở phần B).

Bài 2. HS thực hiện các thao tác sau rồi trao đổi với bạn:

- Quan sát hình vẽ, nêu chiều dài của chiếc bút, của chiếc lược.

Nhận xét: Có thể dùng kẹp giấy, kim băng hoặc các đồ vật khác để đo độ dài; cùng một vật đo bằng các đồ vật khác nhau thì có kết quả khác nhau (chiếc bút dài bằng 6 ghim giấy và dài bằng 4 cái tẩy).

D. Hoạt động vận dụng

Bài 3. HS thực hiện các thao tác:

Quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “cao hơn”, “thấp hơn”, “cao nhất”, “thấp nhất”, “bằng nhau” để mô tả các ngôi nhà trong bức tranh.

- Một vài cặp HS chia sẻ trước lớp.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Về nhà, em hãy dùng gang tay, sải tay, bước chân, que tính để đo một số đồ dùng, chẳng hạn đo chiều dài căn phòng em ngủ dài bao nhiêu bước chân bàn học của em dài mấy que tính, ... để hôm sau chia sẻ với các bạn

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc thực hành đo độ dài bằng gang tay, sải tay, bước chân, que tính,

kẹp giấy, ..., HS có cơ hội phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

- Thông qua việc quan sát tranh tình huống, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến, mô tả, diễn đạt nhận xét cách đo với công cụ khác nhau, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

Bài 53. XĂNG-TI-MÉT

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

Biết xăng-ti-mét là đơn vị đo độ dài, viết tắt là cm.

- Cảm nhận được độ dài thực tế 1 cm.
- Biết dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài đoạn thẳng, vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Thước có vạch chia xăng-ti-mét.
- Một số băng giấy với độ dài xăng-ti-mét định trước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- GV tổ chức cho một số HS cùng đo một đồ vật, chẳng hạn đo chiều rộng bàn GV. HS dùng gang tay để đo và đọc kết quả đo (GV gọi đại diện HS mà có gang tay dài, ngắn khác nhau). GV cũng dùng gang tay của mình đo chiều rộng bàn và nói kết quả đo.
- HS nhận xét, cùng đo chiều rộng bàn GV nhưng mỗi người đo lại có kết quả khác nhau. Tại sao? (Có bạn tay to, có bạn tay nhỏ, tay cô giáo to)

Thảo luận nhóm: Làm thế nào để có kết quả đo chính xác, khi đo một vật ai đo cũng có kết quả giống nhau?

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. GV giới thiệu khung công thức trang 117 SGK.

2. HS lấy thước, quan sát thước, trao đổi với bạn các thông tin quan sát được:

- Nhận xét các vạch chia trên thước.
- Các số trên thước, số 0 là điểm bắt đầu.

HS tìm trên thước các độ dài 1 cm (các độ dài từ 0 đến 1; từ 1 đến 2; ...), HS dùng bút chì tô vào một đoạn giữa hai vạch ghi số trên thước kẻ nói: “một xăng-ti-mét”.

- Lấy kéo cắt băng giấy thành các mẫu giấy nhỏ dài 1 cm, cho bạn xem và nói: “Tôi có các mẫu giấy dài 1 cm”.

- Trong bàn tay của em, ngón tay nào có chiều rộng khoảng 1 cm?
- Tìm một số đồ vật, sự vật trong thực tế có độ dài khoảng 1 cm.

3. GV hướng dẫn HS dùng thước đo độ dài theo 3 bước:

- Bước 1: Đặt vạch số 0 của thước trùng với một đầu của vật, để mép thước dọc theo chiều dài của vật.
- Bước 2: Đọc số ghi ở vạch của thước, trùng với đầu còn lại của vật, đọc kèm theo đơn vị đo cm.
- Bước 3: Viết số đo độ dài đoạn thẳng vào chỗ thích hợp.

* Thực hành đo độ dài theo nhóm, mỗi HS dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo chiều dài mỗi băng giấy rồi viết kết quả đo vào băng giấy, đọc kết quả đo và nói cách đo trong nhóm.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện thao tác: Đọc chiều dài của hộp màu.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

- a) HS dùng thước đo độ dài mỗi băng giấy và nêu kết quả đo. HS nhận xét cách đo và nêu những lưu ý để có số đo chính xác.
- b) HS thảo luận tìm băng giấy dài nhất, băng giấy ngắn nhất. Nêu cách xác định băng giấy dài nhất, băng giấy ngắn nhất (so sánh trực tiếp các băng giấy hoặc so sánh gián tiếp qua số đo của chúng).

Bài 3

- HS thực hiện các thao tác: HS chọn câu đúng, lập luận câu nào đúng, câu nào sai, tại sao; Từ đó, HS nêu cách đo đúng và nhắc các bạn tránh lỗi sai khi đo độ dài.
- GV nhắc HS để đo độ dài không máy móc, cần thực hành linh hoạt trong trường hợp không thể đo bắt đầu từ vạch số 0 (thước gãy, thước bị mờ....) thì vẫn có thể đo được nhưng phải đếm số xăng-ti-mét tương ứng với độ dài cần đo.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS chơi trò chơi “Ước lượng độ dài” theo cặp hoặc nhóm:

HS trong nhóm đứng cùng nhau, chỉ vào một số đồng dùng học tập rồi đoán độ dài của đồ dùng đó. Sau đó, kiểm tra lại bằng thước.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Khi dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo em nhận bạn điều gì?
- Về nhà, em hãy tập ước lượng một số đồ dùng, đồ vật sử dụng đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét, em cũng có thể dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để kiểm tra lại xem mình đã ước lượng đúng chưa.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các hoạt động quan sát, đo đạc, so sánh, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến để nắm vững cách đo, đơn vị đo xăng-ti-mét, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán. Kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác; cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

LƯU Ý

Bài này được thiết kế cho 1 tiết học. Khó khăn của HS là việc cảm nhận được độ dài thực tế 1 cm, GV có thể thiết kế những hoạt động phù hợp.

Bài 54. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100.
- Thực hành vận dụng đọc, viết, so sánh các số đã học trong tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bảng các số từ 1 đến 100.
- Một số thẻ số để làm bài 4, 5, 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Bí ẩn mỗi con số” theo nhóm hoặc cả lớp:

- Mỗi HS viết ra 5 số (mỗi số chứa một thông tin bí mật và có ý nghĩa nào đó liên quan đến người viết) rồi đưa cho các bạn trong nhóm xem.
- Các HS khác đọc số, suy nghĩ, dự đoán và đặt câu hỏi để biết những số bạn viết ra có bí ẩn gì. Mỗi số được đoán 3 lần, ai giải mã được nhiều số bí ẩn nhất người đó thắng cuộc.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS viết (ra vở hoặc phiếu) hoặc đặt các thẻ số còn thiếu vào ô ? trong bảng các số từ 1 đến 100 rồi đọc kết quả cho bạn nghe.
- HS đặt câu hỏi cho bạn để cùng nhau nắm vững một số đặc điểm của bảng các số từ 1 đến 100, chẳng hạn:
 - + Bảng này có bao nhiêu số?
 - + Nhận xét các số ở hàng ngang, hàng dọc.
 - + Che đi một hàng (hoặc một cột), đọc các số đã che.
 - + Chọn hai số, so sánh hai số đã chọn.
 - + Chọn 3 hoặc 4 số, so sánh rồi chỉ ra số nào lớn nhất, số nào bé nhất.

Bài 2

- a) HS thực hiện theo cặp: Cùng nhau rút ra hai thẻ số bất kì, so sánh xem số nào lớn hơn, số nào bé hơn. Đọc cho bạn nghe kết quả và chia sẻ cách làm.
- b) HS thực hiện các thao tác:
 - Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và Viết kết quả vào vở.
 - HS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.

Bài 3

- Cá nhân HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:
 - a) Số 28 gồm 2 chục và 8 đơn vị;
 - b) Số 41 gồm 4 chục và 1 đơn vị;
 - c) Số 55 gồm 5 chục và 5 đơn vị;
 - d) Số 70 gồm 7 chục và 0 đơn vị;
 - e) Số 99 gồm 9 chục và 9 đơn vị.
- HS có thể đặt câu hỏi để đố bạn với các số khác, chẳng hạn: số 66 gồm mấy chục và mấy đơn vị?

Bài 4

- HS quan sát các số 49, 68, 34, 55. Suy nghĩ tìm số bé nhất, số lớn nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ lớn đến bé.

- Có thể thay bằng các thẻ số khác và thực hiện tương tự như trên.

Bài 5

- Cá nhân HS quan sát tranh và đếm số lượng đồ vật trong mỗi hình.
- Đặt thẻ số phù hợp vào ô dấu ?.
- HS chia sẻ thông tin thực tiễn về đếm số lượng trong cuộc sống (Hàng ngày, các em có phải đếm không? Kể một vài tình huống, ...)

C. Hoạt động vận dụng

Bài 6

- Cá nhân HS dùng thước có vạch xăng-ti-mét để đo chiều cao của cửa sổ, cửa ra vào, chiều ngang ngôi nhà và chiều dài mái nhà.
- HS dùng các thẻ số gắn vào các ô dấu ? cho phù hợp.

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Để có thể đếm đúng số lượng, so sánh chính xác hai số em nhắn bạn điều gì?

(* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động: Đếm số lượng, nêu số tương ứng, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) để so sánh hai số, đo chiều dài của ngôi nhà, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học.
- Thông qua các chia sẻ, trao đổi nhóm đặt câu hỏi phản biện, HS có cơ hội phát triển NL hợp tác, NL giao tiếp toán học.

Bài 55. EM VUI HỌC TOÁN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS sẽ trải nghiệm các hoạt động:

- Chơi trò chơi, thông qua đó củng cố kĩ năng đọc, viết số có hai chữ số.
- Thực hành lắp ghép, tạo hình bằng các vật liệu khác nhau phát huy trí tưởng tượng sáng tạo của HS.
- Thực hành đo độ dài trong thực tế bằng đơn vị đo không tiêu chuẩn.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Cọc giấy vừa tay cầm HS, có thể lồng được vào nhau (đủ cọc cho mỗi HS).
- Đất nặn và que để tạo hình (mỗi HS một bộ).

- Một số đồ vật thật có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương.
- Mỗi nhóm có một sợi dây dài, một thanh gỗ hoặc thanh nhựa để đo khoảng cách giữa hai vị trí.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động 1: Trò chơi “Đọc số”

- HS thao tác trên cốc giấy theo hướng dẫn như trong bài 1 trang 122 SGK.



- HS đồ nhau đọc các số theo mẫu: 54 gồm 5 chục và 4 đơn vị.
- HS tiếp tục xoay cốc đọc các số.

B. Hoạt động 2: Tạo hình bằng que và đất nặn

HS hoạt động theo nhóm:

- Tạo hình theo mẫu GV hướng dẫn hoặc gợi ý trong SGK.
- Tạo hình theo trí tưởng tượng của cá nhân.
- Nói cho bạn nghe hình vừa ghép của mình.

GV có thể hỏi thêm để HS trả lời: Hình đó được tạo bởi các hình nào?

C. Hoạt động 3: Tạo hình bằng cách vẽ đường viền quanh đồ vật

HS hoạt động theo nhóm:

- Đưa cho bạn xem các đồ vật mang theo như hộp sữa tươi TH hoặc sữa tươi

Vinamilk, cốc uống nước,...

- Nói cho bạn nghe về hình dạng các đồ vật nói trên, chẳng hạn: hộp sữa TH hoặc

Vinamilk có dạng hình hộp chữ nhật.

- Vẽ đường viền quanh đáy các đồ vật để tạo hình phẳng.
- Nói cho bạn nghe hình dạng của hình vừa tạo được.

D. Hoạt động 4: Đo khoảng cách giữa hai vị trí

- GV chia HS theo nhóm và giao cho mỗi nhóm một nhiệm vụ (ghi rõ trong phiếu giao việc) đo khoảng cách giữa hai vị trí đã xác định từ trước (khoảng cách giữa hai cái cây, hai cột, chiều dài sân khấu của trường, ...).

HS thực hiện theo nhóm lần lượt các hoạt động sau:

- Phân công nhiệm vụ.
- Đo khoảng cách giữa hai vị trí bằng một sợi dây.
- Dùng thanh gỗ đo xem sợi dây dài bao nhiêu thanh gỗ.
- Ghi lại kết quả và báo cáo.
- Cử đại diện nhóm trình bày.

E. Củng cố, dặn dò

- HS nói cảm xúc sau giờ học.
- HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.
- HS nói về hoạt động còn lúng túng và dự kiến nếu làm lại sẽ làm gì.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động trải nghiệm: tạo thành các số có hai chữ số từ hai chiếc côc, lắp ghép tạo hình mới bằng nhiều vật liệu khác nhau, đo đạc trong thực tế và giải quyết các vấn đề phát sinh, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.
- Thông qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua hoạt động nhóm, HS có cơ hội phát triển NL hợp tác.

LƯU Ý

GV có thể chọn lựa một trong các hoạt động trên để triển khai cho phù hợp với đối tượng HS và quỹ thời gian của nhà trường. GV cũng có thể dựa vào các hoạt động đã gợi ý để thiết kế các hoạt động trải nghiệm phù hợp với đối tượng hơn nhằm tạo cơ hội cho HS trải nghiệm để phát triển NL, phẩm chất.

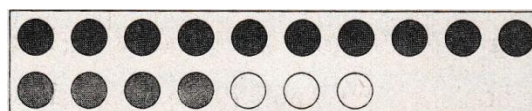
Bài 56. PHÉP CỘNG DẠNG $14 + 3$ **I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả các phép cộng dạng $14 + 3$.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- 20 chấm tròn đỏ, 10 chấm tròn xanh (trong bộ đồ dùng Toán 1).
- Bảng giấy đã kẻ 20 ô vuông có kích thước phù hợp với chấm tròn trong bộ đồ dùng để HS có thể đặt được chấm tròn vào mỗi ô:



III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” ôn lại phép cộng trong phạm vi 10.
2. HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:
 - HS *quan sát* bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).
 - HS thảo luận nhóm bàn:
 - + Bức tranh vẽ gì?
 - + Viết phép tính thích hợp vào bảng con.
 - + Nói với bạn về phép tính vừa viết. Chẳng hạn: “Tớ nhìn thấy có 14 chong chóng đỏ, 3 chong chóng xanh, tất cả có 17 chong chóng, tớ viết phép cộng: $14 + 3 = 17$ ”.
 - GV hỏi thêm: Em làm thế nào để tìm được kết quả phép tính $14 + 3 = 17$?

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS tính $14 + 3 = 17$
 - Thảo luận nhóm về các cách tìm kết quả phép tính $14 + 3 = ?$
 - Đại diện nhóm trình bày.
 - HS lắng nghe và nhận xét các cách tính các bạn nêu ra.
 - GV phân tích cho HS thấy có thể dùng nhiều cách khác nhau để tìm kết quả phép tính.
2. HS lắng nghe GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép tính cộng $14 + 3$ và cùng thao tác với GV:
 - Tay lấy 14 chấm tròn đỏ (xếp vào các ô trong băng giấy).
 - Miệng nói: Có 14 chấm tròn. Tay lấy 3 chấm tròn xanh, xếp lần lượt từng chấm tròn xanh vào các ô tiếp theo trong băng giấy.
 - Đếm: 15, 16, 17.
 - Nói kết quả phép cộng $14 + 3 = 17$.
3. HS thực hiện một số phép tính khác, viết kết quả vào bảng con. Chẳng hạn: $13 + 1 = 14$; $12 + 3 = 15$; ...
 - Chia sẻ cách làm.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1; Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính).
- Đòi hỏi, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm bài, có thể làm mẫu 1 phép tính.

Bài 2

HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở.

- Đòi hỏi kiểm tra chéo.
- HS đứng tại chỗ nêu cách làm.
- GV chốt lại cách thực hiện phép tính dạng $14 + 3$ bằng cách đếm thêm 3 kể từ 14: 15, 16, 17

Bài 3

Cá nhân HS tự làm bài 3: Chọn kết quả đúng với mỗi phép cộng.

Thảo luận với bạn về chọn phép tính nào thích hợp. Chia sẻ trước lớp.

Lưu ý: ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau, có thể nhẩm, có thể dùng chấm tròn, que tính,... GV nên quan sát cách HS tính hơn là chỉ chú ý đến kết quả của phép tính.

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và kể cho bạn nghe tình huống trong mỗi bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: Đoàn tàu có 15 toa tàu, nối thêm 3 toa tàu nữa.

Phép tính tìm tất cả số toa tàu là $15 + 3 = 18$.

- GV chốt lại cách làm. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách các em. GV khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

D. Hoạt động vận dụng

HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng dạng $14 + 3$.

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng dạng $14 + 3$ để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng dạng $14 + 3$, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

LƯU Ý

- Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS, GV có thể ngắt tiết cho phù hợp. Chẳng hạn tiết 1 có thể kết thúc khi hết hoạt động hình thành kiến thức, cũng có thể kết thúc khi hết bài 1.

- Nếu còn thời gian, GV có thể đưa thêm các ví dụ về phép cộng dạng $14 + 3$ để HS tính. Hoặc tổ chức thành trò chơi để HS rèn kĩ năng cộng dạng $14 + 3$ được nhiều hơn.

Bài 57. PHÉP TRỪ DẠNG 17-2

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả các phép trừ dạng 17-2.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- 20 chấm tròn đỏ, 20 chấm tròn xanh.
- Bảng giấy đã kẻ 20 ô vuông (kích thước phù hợp với chấm tròn trong bộ đồ dùng để HS có thể đặt được chấm tròn vào mỗi ô).
- Một số tình huống đơn giản có phép trừ dạng 17-2.
- Trò chơi, tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” ôn lại phép trừ trong phạm vi 10.
2. HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:
 - HS *quan sát* bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).
 - HS thảo luận nhóm bàn:
 - + Bức tranh vẽ gì?
 - + Viết phép tính thích hợp (bảng con).
 - + Nói với bạn về phép tính vừa viết. Chẳng hạn: “Tớ nhìn thấy tất cả có 17 chong chóng, 2 chong chóng bạn trai cầm đi, còn lại 15 chong chóng. Tớ viết phép trừ: $17-2=15$ ”.

HS *chia sẻ* trước lớp (tổ chức cho HS trong 1 hoặc 2 bàn phát biểu ý kiến).

- GV hỏi thêm: Em làm thế nào để tìm được kết quả phép tính $17-2=15$?

B. Hoạt động hình thành kiến thức

HS tính $17-2=15$.

- Thảo luận nhóm về các cách tìm kết quả phép tính $17-2=?$
- Đại diện nhóm trình bày.

- HS lắng nghe và nhận xét các cách tính bạn nêu ra.
- GV phân tích cho HS thấy có thể dùng nhiều cách khác nhau để tìm kết quả phép tính.

2. HS lắng nghe GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép trừ $17 - 2$ và cùng thao tác với GV:

- Tay lấy 17 chấm tròn đỏ (xếp vào các ô trong băng giấy).
- Miệng nói: Có 17 chấm tròn. Tay bớt đi 2 chấm tròn (làm thao tác gạch bớt)
- Đếm: 16, **15**.
- Nói kết quả phép trừ $17 - 2 = 15$.

3. HS thực hiện một số phép tính khác, viết kết quả vào bảng con, chẳng hạn: $14 - 1 = 13$; $18 - 3 = 15$; ...

- HS chia sẻ cách làm.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính).
- Đôi vờ, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng; Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính.

Bài 2

- HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở.
- Đôi vờ kiểm tra chéo.
- HS đứng tại chỗ nêu cách làm.
- GV chốt lại cách thực hiện phép tính dạng $17 - 2$. Ngoài cách dùng chấm tròn và thao tác đếm, ta có thể tính bằng cách đếm bớt 2 kể từ 17: 16, **15**.

Bài 3

- Cá nhân HS tự làm bài 3: Chọn kết quả đúng với mỗi phép trừ.
- Thảo luận với bạn về chọn phép tính nào thích hợp với kết quả nào. Chia sẻ trước lớp.

Lưu ý: Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau: có

thể nhẩm, có thể dùng chấm tròn, que tính,... GV nên quan sát cách HS tính hơn là chỉ chú ý đến kết quả của phép tính.

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và kể cho bạn nghe tình huống trong mỗi bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ câu b): Có tất cả 18 cây nến, có 6 cây nến đã bị tắt.

Phép tính tìm số cây nến còn lại là: $18 - 6 = 12$.

- GV chốt lại cách làm. GV nên yêu cầu HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. GV khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

D. Hoạt động vận dụng

HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ dạng 17-2.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ dạng 17 - 2 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép trừ dạng 17 - 2, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính trừ hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

LƯU Ý:

- Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS của lớp mình. GV có thể ngắt tiết cho phù hợp. Chẳng hạn tiết 1 có thể kết thúc khi hết hoạt động hình thành kiến thức, cũng có thể kết thúc khi hết bài 1.
- Nếu còn thời gian, GV có thể đưa thêm các ví dụ về phép trừ dạng 17 - 2 để HS tính. Hoặc tổ chức thành trò chơi để HS rèn kỹ năng trừ dạng 17-2 được nhiều hơn.

Bài 58. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hiện được cộng, trừ các phép tính dạng $14 + 3$ và dạng $17 - 2$.
- Nhận biết bài toán có lời văn gồm các số (điều đã biết) và câu hỏi (điều cần tìm).

Nắm bắt được thông tin toán học hữu ích trong mỗi bài toán và lựa chọn đúng phép tính để giải quyết vấn đề.

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Chuẩn bị một số bài toán gần với thực tế sử dụng các phép tính cộng, trừ đã học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS chia sẻ các tình huống có phép cộng hoặc phép trừ trong thực tế gần với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” cộng hoặc trừ nhằm trong phạm vi 10 hoặc dạng $14 + 3$, $17 - 2$ đã học.
- GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng hoặc trừ nêu trong bài.
- HS đôi vờ, chấm chéo, đặt câu hỏi và nói cho nhau về kết quả các phép tính tương ứng.

Lưu ý: GV có thể đặt câu hỏi để HS nói cách tính nhanh với các phép cộng dạng $10 + 6$, các phép trừ dạng $17 - 7$. GV nêu một số phép tính khác dạng trên để HS thực hành. HS có thể tự nêu phép tính dạng $10 + 6$, $17 - 7$ để bạn trả lời.

Bài 2

- Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe tranh vẽ gì?
- HS chỉ vào tranh nói tình huống tranh, mô tả điều gì đã biết, điều gì phải tìm.
- HS đọc bài toán (HS nêu số hoặc đặt thẻ số thích hợp vào ô dấu ?).
- GV hỏi: Bài toán cho ta biết điều gì? Bài toán hỏi gì? Hãy nói cho bạn nghe suy nghĩ của em.

- GV giới thiệu bài toán có lời văn. Bài toán gồm hai phần: phần thông tin cho biết, phần thông tin cần tìm (thường ở dạng câu hỏi bắt đầu từ chữ “Hỏi...”).
- HS tự đưa ra một số ví dụ về bài toán có lời văn, chia sẻ trong nhóm và cử đại diện trình bày.

Bài 3

- HS đọc bài toán, suy nghĩ xem bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn để tìm cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao).

- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:

a) Phép tính: $6 + 3 = 9$.

Trả lời: Tổ em có tất cả 9 bạn.

b) Phép tính: $5 - 1 = 4$.

Trả lời: Trên sân còn lại 4 bạn.

- HS kiểm tra lại các thông tin đã biết, phép tính và câu trả lời chính xác.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 4

- HS đọc bài toán, suy nghĩ xem bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn để tìm cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao).

- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:

Phép tính: $18 - 4 = 14$.

Trả lời: Trên xe còn lại 14 người.

- HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

D. Hoạt động vận dụng

GV khuyến khích HS liên hệ đặt ra một số bài toán thực tế gắn với trường lớp, gia đình, cộng đồng sử dụng phép cộng hoặc phép trừ đã học.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Theo em khi giải quyết một bài

toán có lời văn cần chú ý điều gì?

- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20 và đặt bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc giải các bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả bài toán, cách giải quyết bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

Bài 59. CỘNG, TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tính nhẩm tìm kết quả phép cộng, phép trừ các số tròn chục.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số thẻ thanh mười (mỗi thẻ gồm 10 khối lập phương rời).
- Một số tình huống đơn giản có phép cộng, phép trừ các số tròn chục.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” ôn lại các số tròn chục.
2. HS hoạt động theo nhóm (bàn) thực hiện lần lượt các hoạt động sau:
 - *Quan sát* bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).
 - Thảo luận nhóm bàn:
 - + Bức tranh vẽ gì?
 - + Nói với bạn về các thông tin quan sát được từ bức tranh, chẳng hạn: “Có 3 chục quả trứng”, “Có 5 chục quả cà chua”.
 - Đặt một bài toán liên quan đến thông tin trong bức tranh.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS tính $20 + 10 = 30$, $50 - 20 = 30$.
 - Thảo luận nhóm về các cách tìm kết quả phép tính $20 + 10 = ?$, $50 - 20 = ?$
 - Đại diện nhóm trình bày.
 - HS lắng nghe và nhận xét các cách tính các bạn nêu ra.
2. GV chốt lại cách tính nhẩm:

Chẳng hạn: $20 + 10 = ?$
Ta nhẩm: 2 chục + 1 chục = 3 chục.
Vậy $20 + 10 = 30$.
3. HS thực hiện một số phép tính khác. HS tự lấy ví dụ về phép cộng, phép trừ

các số tròn chục.



C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS tính nhẩm nêu kết quả các phép cộng rồi ghi phép tính vào vở.
- HS đổi vở kiểm tra chéo.
- HS đứng tại chỗ nêu cách làm.

Bài 2

- HS tính nhẩm nêu kết quả các phép trừ rồi ghi phép tính vào vở.
- HS đổi vở kiểm tra chéo.
- HS đứng tại chỗ nêu cách làm.

Bài 3

- Cá nhân HS tự làm bài 3: Tìm số thích hợp trong mỗi ô ? để có được phép tính đúng.

- HS đổi vở kiểm tra chéo. Chia sẻ với bạn cách làm.

Bài 4

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao).

- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:

Phép tính: $50 + 40 = 90$ (hoặc $5 \text{ chục} + 4 \text{ chục} = 9 \text{ chục} = 90$). Trả lời: Cả hai lớp ủng hộ được 90 quyển vở.

- HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Lưu ý: GV đặt câu hỏi để HS nhận ra trước khi viết phép tính cần đổi: $5 \text{ chục} = 50$; $4 \text{ chục} = 40$. Để biết cả hai lớp đã ủng hộ được bao nhiêu quyển vở mới ta dùng phép tính cộng.

D. Hoạt động vận dụng

- HS có thể xem lại bức tranh khởi động trong sách (hoặc trên bảng) nêu bài toán và phép cộng, phép trừ tương ứng.
- HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ các

số tròn chục.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ các số tròn chục, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách nhằm tìm kết quả phép cộng, phép trừ các số tròn chục, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc chuyển đổi giữa cách đọc, cách viết số tròn chục, vận dụng vào tính nhẩm và giải quyết bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

Bài 60. PHÉP CỘNG DẠNG 25+14

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính cộng trong phạm vi 100 (cộng không nhớ dạng $25 + 14$).
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK, các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.
- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 100.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kĩ năng cộng nhẩm trong phạm vi 10, cộng dạng $14 + 3$.
2. HS hoạt động theo nhóm (bàn) thực hiện lần lượt các hoạt động sau:
 - HS *quan sát* bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).
 - HS thảo luận nhóm bàn:

+ Bức tranh vẽ gì?

+ Nói với bạn về các thông tin quan sát được từ bức tranh. Bạn nhỏ trong bức tranh đang thực hiện phép tính $25 + 14 = ?$ bằng cách gộp 25 khối lập phương và 14 khối lập phương.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS tính $25 + 14 = ?$

- Thảo luận nhóm về cách tìm kết quả phép tính $25 + 14 = ?$ (HS có thể dùng que tính, có thể dùng các khối lập phương, có thể tính nhẩm, ...)

- Đại diện nhóm nêu cách làm.

2. GV hướng dẫn cách đặt tính và tính phép cộng dạng $25 + 14 = ?$

- HS đọc yêu cầu: $25 + 14 = ?$

- HS quan sát GV làm mẫu:

+ Đặt tính thẳng cột: hàng đơn vị thẳng hàng đơn vị, hàng chục thẳng hàng chục.

+ Thực hiện tính từ phải sang trái:

- Cộng đơn vị với đơn vị.

- Cộng chục với chục.

- GV chốt lại cách thực hiện, đề nghị một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại cách tính.

3. GV viết một phép tính khác lên bảng, chẳng hạn $24 + 12 = ?$

- HS lấy bảng con cùng làm với GV từng thao tác: đặt tính, cộng từ phải sang trái, đọc kết quả.

- HS đổi bảng con nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình.

- GV lấy một số bảng con đặt tính chưa thẳng hoặc tính sai để nhấn mạnh lại cách đặt tính rồi viết kết quả phép tính cho HS nắm chắc.

4. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện phép tính dạng $25 + 14$.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- GV hướng dẫn HS cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính.

- HS tính rồi viết kết quả phép tính.

- HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.

- HS chốt lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 2

- HS đặt tính rồi tính.
- HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.

Lưu ý: GV quan sát kĩ các thao tác của HS, nếu có HS cộng từ trái sang phải GV nêu trước lớp để nhắc nhở và khắc sâu cho HS.

Bài 3

- GV hướng dẫn HS cách làm, hướng dẫn HS tính ra nháp tìm kết quả mỗi phép tính.
- Đối chiếu, tìm đúng hộp thư ghi kết quả phép tính.

Lưu ý: GV có thể tổ chức thành trò chơi “Ghép thẻ”. Để hoàn thành bài này, HS có thể có những cách khác để tìm đúng kết quả. GV nên khuyến khích HS chia sẻ cách làm.

Bài 4

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra.
- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:
Phép tính: $24 + 21 = 45$.
Trả lời: Cả hai lớp trồng được 45 cây.
- HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, lưu ý HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.

D. Hoạt động vận dụng

HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng dạng $25 + 14$ đã học. Chẳng hạn: Mai có 12 cái kẹo, Nam có 23 cái kẹo. Hỏi cả hai bạn có tất cả bao nhiêu cái kẹo?

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, vận dụng phép cộng để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

LƯU Ý

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS của lớp mình, GV có thể phân bổ thời gian cho phù hợp. Chẳng hạn tiết 1 có thể kết thúc khi hết hoạt động hình thành kiến thức, cũng có thể kết thúc khi hết bài 1. Nếu còn thời gian, GV có thể khuyến khích HS lấy ví dụ về phép cộng dạng $25 + 14$ để thực hành tính.

Bài 61. PHÉP CỘNG DẠNG $25 + 4$, $25 + 40$ **I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép cộng trong phạm vi 100 (cộng không nhớ dạng $25 + 4$, $25 + 40$).
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK hoặc các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.
- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 100.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**A. Hoạt động khởi động**

1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kĩ năng cộng nhẩm hai số tròn chục, cộng dạng $14 + 3$.
2. HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:
 - HS *quan sát* bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).
 - HS thảo luận nhóm bàn:

- + Bức tranh vẽ gì?
- + Nói với bạn về các thông tin quan sát được từ bức tranh. Bạn nhỏ trong bức tranh đang thực hiện phép tính $25 + 4 = ?$ bằng cách gộp 25 khối lập phương và 4 khối lập phương.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS tính $25 + 4 = ?$

- Thảo luận nhóm về cách tìm kết quả phép tính $25 + 4 = ?$ (HS có thể dùng que tính, có thể dùng các khối lập phương, có thể tính nhẩm, ...)

- Đại diện nhóm nêu cách làm.
- GV nhận xét các cách tính của HS.

2. GV hướng dẫn cách đặt tính và tính phép cộng dạng $25 + 4 = ?$

- HS đọc yêu cầu: $25 + 4 = ?$
- HS quan sát GV làm mẫu:

+ Đặt tính.

+ Thực hiện tính từ phải sang trái: ừ

- 5 cộng 4 bằng 9, viết 9.
- Hạ 2, viết 2.

+ Đọc kết quả: Vậy $25 + 4 = 29$.

- GV chốt lại cách thực hiện, đề nghị một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại *cách tính*.

3. GV viết một phép tính khác lên bảng, chẳng hạn $53 + 5 = ?$

- HS lấy bảng con cùng làm với GV từng thao tác: đặt tính, cộng từ phải sang trái, đọc kết quả.

- HS đổi bảng con nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình.

- GV lấy một số bảng con đặt tính chưa thẳng hoặc tính sai để nhấn mạnh lại cách đặt tính rồi viết kết quả phép tính cho HS nắm chắc.

Lưu ý: GV có thể đưa ra một số phép tính đặt tính sai hoặc đặt tính đúng nhưng tính sai để nhắc nhở HS tránh những lỗi sai đó.

4. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện phép tính dạng $25 + 4$.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- GV hướng dẫn HS cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính.
- HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở.
- HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- GV chốt lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 2

- HS đặt tính rồi tính và ghi kết quả vào vở.
- HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.

Lưu ý: GV quan sát kĩ các thao tác của HS, nếu có HS cộng từ trái sang phải GV nêu trước lớp để nhắc nhở và khắc sâu cho HS.

Bài 3

- HS quan sát mẫu, nói cách thực hiện phép tính dạng $25 + 40$.
- GV hướng dẫn HS theo trình tự như mẫu bài 3 trang 137 SGK:
 - + Đọc yêu cầu: $25 + 40 = ?$
 - + Đặt tính (thẳng cột).
- + Thực hiện tính từ phải sang trái:
 - 5 cộng 0 bằng 5, viết 5.
 - 2 cộng 4 bằng 6, viết 6.
- + Đọc kết quả: Vậy $25 + 40 = 65$.
- GV chốt lại cách thực hiện, đề nghị một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại cách tính.
- HS thực hiện các phép tính khác rồi đọc kết quả.
- HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- GV chốt lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 4

- HS đặt tính rồi tính.
- HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.

Lưu ý: GV quan sát kĩ các thao tác của HS, nếu có HS cộng từ trái sang phải GV nêu trước lớp để nhắc nhở và khắc sâu cho HS.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao).
- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:
Phép tính: $25 + 20 = 45$.
Trả lời: Mẹ làm được tất cả 45 chiếc bánh.
- HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, lưu ý HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.
- HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng đã học. Chẳng hạn: Huyền có 23 quyển truyện, mẹ mua thêm cho Huyền 3 quyển truyện nữa. Hỏi Huyền có tất cả bao nhiêu quyển truyện?

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?
- GV đưa ra các phép tính, chẳng hạn: $24 + 1$; $75 + 1$; ... HS nêu các cách tính. GV nhắc HS với những phép tính đơn giản có thể nhắm ngay được kết quả, không nhất thiết lúc nào cũng phải đặt tính rồi tính.
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản vận dụng phép cộng để giải quyết vấn đề. HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

LƯU Ý

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS, GV có thể phân bổ thời gian cho phù hợp. Chẳng hạn tiết 1 có thể kết thúc khi hết hoạt động hình thành kiến

thức, cũng có thể kết thúc khi hết bài 1. Nếu còn thời gian, GV có thể khuyến khích HS lấy ví dụ về phép cộng dạng $25 + 4$, $25 + 40$ để thực hành tính.

Bài 62. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết tính nhẩm phép cộng (không nhớ) các số trong phạm vi 100 ở một số trường hợp đơn giản.
- Thực hành viết phép tính cộng phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính đúng kết quả.
- Thực hành vận dụng tính nhẩm trong tình huống thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số phép tính đơn giản để HS tính nhẩm.
- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến cộng nhẩm (không nhớ) các số trong phạm vi 100.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

HS thực hiện các hoạt động sau:

- Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập cộng nhẩm trong phạm vi 10.
- HS chia sẻ: + Cách cộng nhẩm của mình.

+ Đe có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì?

GV dẫn vào: Các em đã biết cộng nhẩm các số trong phạm vi 10, bài hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau cộng nhẩm các số trong phạm vi 100.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài

- Cá nhân HS thực hiện các phép tính: $5 + 2 = ?$; $65 + 2 = ?$
- HS thảo luận nhóm tìm cách tính kết quả phép tính $65 + 2 = ?$ mà không cần đặt tính, rồi nêu kết quả ($5 + 2 = 7$ nên $65 + 2 = 67$).
- Chia sẻ trước lớp.
- HS nhận xét, bình luận đặt câu hỏi về cách tính của bạn.
- GV chốt cách nhẩm, lấy thêm các ví dụ khác để HS tính nhẩm và trả lời miệng kết quả

phép tính (chẳng hạn: $37 + 1$; $43 + 2$; $71 + 4$; ...).

- HS lấy ví dụ tương tự để bạn tính nhẩm, trả lời miệng.
- HS hoàn thành bài 1.
- HS kiểm tra lẫn nhau, nói cho bạn nghe cách làm.

Lưu ý: Tùy vào trình độ HS, GV có thể hướng dẫn HS tính nhẩm bằng cách đếm thêm, trong đó sử dụng *Bảng các số từ 1 đến 100* như sau:

$$65 + 2 = 67$$



Bài 2

HS thực hiện các thao tác:

- Tính nhẩm các phép tính.
- Chỉ cho bạn xem phép tính tương ứng với kết quả đúng.

Lưu ý: GV có thể tổ chức thành trò chơi để tăng hứng thú cho HS, GV có thể thay thế bằng các phép tính khác để HS thực hành tính nhẩm.

Bài 3

a) HS thực hiện các thao tác:

- Tính nhẩm rồi nêu kết quả.
- Kiểm tra lẫn nhau, nói cho bạn nghe cách làm.

Lưu ý: GV khuyến khích HS tính nhẩm tìm kết quả phép tính, nếu HS gặp khó khăn có thể cho phép HS viết kết quả trung gian.

b) HS thực hiện theo cặp:

- Quan sát tranh, nói cho bạn nghe tranh vẽ gì.
- Hỏi nhau về số điểm của hai bạn (cả hai bạn đều đạt 55 điểm).
- Tính số điểm của mỗi bạn rồi nói cho bạn nghe cách tính.

Lưu ý: HS có thể có những cách tính điểm khác nhau, GV khuyến khích HS chia sẻ cách tính điểm của mình. Khi một HS hoặc một cặp HS chia sẻ, các HS khác có thể nhận xét, hoặc đặt câu hỏi cho bạn.

C. Hoạt động vận dụng

Bài 4

- Quan sát tranh vẽ, nhận biết bối cảnh bức tranh, có thể chia sẻ suy nghĩ, chẳng hạn: Tranh vẽ các bạn học sinh đang biểu diễn văn nghệ.

- HS đọc bài toán, nhận biết bài toán cho gì, hỏi gì.
- Thảo luận tìm phép tính để giải quyết bài toán, nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình.

- Viết phép tính và nêu câu trả lời.

Phép tính: $31 + 8 = 39$.

Trả lời: Tiết mục văn nghệ đó có tất cả 39 bạn.

- HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.

- GV gợi ý cho HS liên hệ tình huống bức tranh với thực tế trường, lớp mình.



D. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

- Em thích nhất bài nào? Vì sao?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, vận dụng phép trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

Bài 63. PHÉP TRỪ DẠNG 39 - 15

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép trừ trong phạm vi 100 (trừ không nhớ dạng 39 - 15).

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK hoặc các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 100.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kỹ năng trừ nhẩm trong phạm vi 10, trừ dạng 17-2.

2. HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

- HS *quan sát* bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).

- HS thảo luận nhóm bàn:

+ Bức tranh vẽ gì?

- + Nói với bạn về các thông tin quan sát được từ bức tranh. Bạn nhỏ trong bức tranh đang thực hiện phép tính $39 - 15 = ?$ bằng cách thao tác trên các khối lập phương.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS tính $39 - 15 = ?$

- Thảo luận nhóm về cách tìm kết quả phép tính $39 - 15 = ?$ (HS có thể dùng que tính, có thể dùng các khối lập phương, có thể tính nhẩm, ...).

- Đại diện nhóm nêu cách làm.

2. GV hướng dẫn cách đặt tính và thực hiện phép cộng dạng $39 - 15 = ?$

- HS đọc yêu cầu: $39 - 15 = ?$

- HS quan sát GV làm mẫu:

+ Đặt tính thẳng cột, hàng đơn vị thẳng hàng đơn vị, hàng chục thẳng hàng chục.

+ Thực hiện tính từ phải sang trái:

- Trừ đơn vị cho đơn vị.
- Trừ chục cho chục.

- GV chốt lại cách thực hiện, đề nghị một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại cách tính.

3. GV viết một phép tính khác lên bảng. Chẳng hạn: $63 - 32 = ?$

- HS lấy bảng con cùng làm với GV từng thao tác: đặt tính, trừ từ phải sang trái, đọc kết quả.

- HS đổi bảng con nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình.

- GV lấy một số bảng con đặt tính chưa thẳng hoặc tính sai để nhấn mạnh lại cách đặt tính rồi viết kết quả phép tính cho HS nắm chắc.

4. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện phép tính dạng $39 - 15 = ?$

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- GV hướng dẫn HS cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính.
- HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở.
- HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- HS nhắc lại cách đặt tính dọc, quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 2

- HS đặt tính rồi tính và viết kết quả vào vở.
- Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.

Lưu ý: GV quan sát kỹ các thao tác của HS, nếu có HS trừ từ trái sang phải GV nêu trước lớp để nhắc nhở và khắc sâu cho HS.

Bài 3

- GV hướng dẫn HS tính ra nháp tìm kết quả phép tính ghi trên mỗi chiếc khoá.
- Đối chiếu tìm đúng chìa khoá kết quả phép tính.

-Lưu ý: GV có thể tổ chức thành trò chơi ghép thẻ, GV nhắc HS thực hiện đặt tính và tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả để tránh nhầm lẫn. Khi hoàn thành bài này, HS có thể có những cách khác để tìm đúng kết quả. GV nên khuyến khích HS chia sẻ cách làm.

Bài 4

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao).

- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:

Phép tính: $68 - 15 = 53$.

Trả lời: Tủ sách lớp 1A còn lại 53 quyển sách.

- HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, lưu ý HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.

D. Hoạt động vận dụng

HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ đã học. Chẳng hạn: Tuấn có 37 viên bi, Tuấn cho Nam 12 viên bi. Hỏi Tuấn còn lại bao nhiêu viên bi?

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Khi đặt tính và tính em nhắn hạn cần lưu ý những gì?
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học, đặt ra bài

toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, vận dụng phép trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL, giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.





Bài 64. PHÉP TRỪ DẠNG 27 - 4, 63 - 40

I. MỤC TIÊU:

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính trừ trong phạm vi 100 (trừ không nhớ dạng 27 - 4, 63 - 40).
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK hoặc các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.
- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 100.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kỹ năng trừ nhẩm hai số tròn chục, phép trừ dạng 39 - 15.
2. HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:
 - *Quan sát* bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).
 - Thảo luận theo nhóm, bàn:
 - + Bức tranh vẽ gì?
 - + Nói với bạn về các thông tin quan sát được từ bức tranh. Bạn nhỏ trong bức tranh đang thực hiện phép tính $27 - 4 = ?$ bằng cách thao tác trên các khối lập phương.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. HS tính $27 - 4 = ?$
 - Thảo luận nhóm về cách tìm kết quả phép tính $27 - 4 = ?$ (HS có thể dùng que tính, có thể dùng các khối lập phương, có thể tính nhẩm, ...)
 - Đại diện nhóm nêu cách làm.
 - GV nhận xét các cách tính của HS.



2. GV hướng dẫn HS cách đặt tính và thực hiện phép trừ dạng $27 - 4 = ?$

- HS đọc yêu cầu: $27 - 4 = ?$

- HS quan sát GV làm mẫu:

+ Đặt tính (thẳng cột).

+ Thực hiện tính từ trái sang phải:

• 7 trừ 4 bằng 3, viết 3.

• Hạ 2, viết 2.

+ Đọc kết quả: Vậy $27 - 4 = 23$.

- GV chốt lại cách thực hiện, đề nghị một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại cách tính.

3. GV viết một phép tính khác lên bảng. Chẳng hạn: $56 - 3 = ?$

- HS lấy bảng con cùng làm với GV từng thao tác: đặt tính; trừ từ phải sang trái, đọc kết quả.

- HS đổi bảng con, nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình.

- GV lấy một số bảng con đặt tính chưa thẳng hoặc tính sai để nhấn mạnh lại cách đặt tính rồi viết kết quả phép tính cho HS nắm chắc.

Lưu ý: GV có thể đưa ra một số phép tính đặt tính sai hoặc đặt tính đúng nhưng tính sai để nhắc nhở HS tránh những lỗi sai đó.

4. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện phép tính dạng $27 - 4$.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- GV hướng dẫn HS cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính.

- HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở.

- HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.

- GV nhắc lại quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 2

- HS đặt tính rồi tính và viết kết quả vào vở.

- Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.



- GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.

Bài 3

- HS quan sát mẫu, nói cách thực hiện phép tính dạng $63 - 40$.

- GV hướng dẫn HS:

+ Đọc yêu cầu: $63 - 40 = ?$

+ Đặt tính (thẳng cột).

+ Thực hiện tính từ phải sang trái:

- 3 trừ 0 bằng 3, viết 3.

- 6 trừ 4 bằng 2, viết 2.

+ Đọc kết quả: Vậy $63 - 40 = 23$.

- GV chốt lại cách thực hiện, một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại cách tính.
- HS thực hiện các phép tính khác rồi đọc kết quả.
- Đối vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- GV nhắc lại cách đặt tính dọc, quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 4

- HS đặt tính rồi tính và viết kết quả vào vở.
- Đối vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.

Lưu ý: GV quan sát kĩ các thao tác của HS, nếu có HS trừ từ trái sang phải, GV nêu trước lớp để nhắc nhở và khắc sâu cho HS.

D. Hoạt động vận dụng**Bài 5**

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao).
- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:
Phép tính: $36 - 6 = 30$.
Trả lời: Trang còn lại 30 tờ giấy màu.
- HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.



- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, lưu ý HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?

- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó để hôm sau chia sẻ với các bạn.



**(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, vận dụng phép trừ được học để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

Bài 65. LUYỆN TẬP**I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết tính nhẩm phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100 trong một số trường hợp đơn giản.
- Thực hành viết phép tính trừ phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính đúng kết quả.
- Thực hành vận dụng tính nhẩm trong tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến trừ nhẩm (không nhớ) các số trong phạm vi 100.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**A. Hoạt động khởi động**

HS thực hiện các hoạt động sau:

- Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập trừ nhẩm trong phạm vi 10, phép trừ dạng $27-4$, $63-40$.
- HS chia sẻ về cách trừ nhẩm của mình và trả lời câu hỏi: Để có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì?

GV đặt vấn đề: Các em đã biết trừ nhẩm các số trong phạm vi 10, bài hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau trừ nhẩm các số trong phạm vi 100.



B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS thực hiện các phép tính $6-4 = ?$; $76-4 = ?$
- HS thảo luận nhóm tìm cách thực hiện phép tính $76 - 4 = ?$ mà không cần đặt tính (chẳng hạn: $6-4 = 2$ nên $76 - 4 = 72$), rồi nêu kết quả. Chia sẻ trước lớp.
- HS nhận xét, bình luận đặt câu hỏi về cách tính của bạn.
- GV chốt các cách nhẩm, lấy thêm các ví dụ khác để HS tính nhẩm và trả lời kết quả phép tính (chẳng hạn: $37 - 1$; $43 - 2$; $74 - 4$; ...).
- HS lấy ví dụ tương tự để bạn tính nhẩm, trả lời miệng.
- HS hoàn thành bài 1. Kiểm tra lẫn nhau, nói cho bạn nghe cách làm.

Lưu ý: Tùy vào trình độ HS, GV có thể hướng dẫn HS tính nhẩm bằng cách đếm bớt, trong đó sử dụng *Bảng số từ 1 đến 100* như sau:

71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
$76 - 4 = 72$									

Bài 2. HS thực hiện các phép tính nêu trong bài (HS có thể đặt tính ra nháp hoặc tính nhẩm với những phép tính đơn giản) rồi chọn kết quả đúng, nói cho bạn nghe quả táo treo phép tính ứng với chậu nào.

Lưu ý: GV có thể tổ chức thành trò chơi để tăng hứng thú cho HS, GV có thể thay thế bằng các phép tính khác để HS thực hành tính nhẩm.

Bài 3

- a) HS thực hiện mỗi phép tính theo thứ tự từ trái sang phải:

$$50 - 10 - 30 = 40 - 30 = 10$$

$$67 - 7 - 20 = 60 - 20 = 40$$

- HS cùng nhau kiểm tra lại kết quả.

- b) HS thực hiện mỗi phép tính theo thứ tự lần lượt từ trái qua phải. Lưu ý kết quả của phép tính phía trên là gợi ý cho kết quả của phép tính phía dưới:

$$2 + 4 - 3 = 3$$

$$20 + 40 - 30 = 30$$

Lưu ý: Ở bài này, HS lần đầu tiên được tiếp xúc với dạng bài yêu cầu thực hiện liên tiếp hai phép tính, trong đó có cả phép tính cộng và phép tính trừ, theo thứ tự hiện liên tiếp hai phép tính, nhưng hoặc chỉ có một phép tính cộng hoặc một phép tính trừ (cũng theo thứ tự lần lượt từ trái qua phải). Vì vậy, GV cần nhấn mạnh thứ tự thực hiện phép tính cho HS.

Bài 4. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát màu để biết cách thực hiện phép tính có số đo độ dài là xăng-ti-mét.
- Thực hiện phép tính có số đo độ dài xăng-ti-mét (theo mẫu).
- Kiểm tra lẫn nhau, nói cho bạn nghe cách làm.

Lưu ý: GV khuyến khích HS tính nhẩm tìm kết quả phép tính, nếu HS gặp khó khăn có thể cho phép HS viết kết quả trung gian.

C. Hoạt động vận dụng

Bài 5

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, giải thích tại sao).

- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:

Phép tính: $38 - 5 = 33$.

Trả lời: Vườn nhà chú Doanh còn lại 33 buồng chuối.

- HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

D. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?
- Em thích nhất bài nào? Vì sao?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, vận dụng phép trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

Bài 66. LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng cộng, trừ các số có hai chữ số không nhớ; nhận biết bước đầu về quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ phép tính như ở bài 1, các thẻ dấu ($<$, $>$, $=$).
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS chia sẻ các tình huống có phép cộng, phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập cộng, trừ trong phạm vi 100 để

tìm kết quả của các phép tính trong phạm vi 100 đã học.

HS chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được.

- GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính).

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị sẵn các thẻ ghép tính, một bạn lấy ra một thẻ phép tính đó bạn khác nêu kết quả và ngược lại. Hoặc cũng có thể chuẩn bị các thẻ trắng để HS tự viết phép tính với chú ý là phép tính không nhớ, rồi đó bạn viết kết quả thích hợp.

Bài 2

- Cá nhân HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (HS có thể đặt tính ra nháp để tìm kết quả hoặc tính nhẩm với những phép tính đơn giản).

- Nói cho bạn nghe quả bóng nào tương ứng với rổ nào.

Bài 3. HS thực hiện thao tác: Tính nhẩm cộng, trừ các số tròn chục ở vế trái, so sánh với số ở vế phải rồi chọn thẻ dấu “>, <, =” phù hợp đặt vào ô ?

C. Hoạt động vận dụng

Bài 4

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.

- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, giải thích tại sao).

- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:

Phép tính: $30 + 15 = 45$.

Trả lời: Trong phòng có tất cả 45 chiếc ghế.

- HS kiểm tra lại phép tính và câu trả lời.

- GV khuyến khích HS quan sát tranh, đặt bài toán có dùng phép trừ.

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

- Em thích nhất bài nào? Vì sao?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, vận dụng phép cộng, phép trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học .

- Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

Bài 67. CÁC NGÀY TRONG TUẦN LỄ

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết tuần lễ có 7 ngày, biết tên các ngày trong tuần.
- Biết đọc thứ, ngày, tháng trên tờ lịch bóc hàng ngày.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Mỗi nhóm HS chuẩn bị một vài tờ lịch bóc trong đó có tờ lịch ngày hôm nay.
- GV chuẩn bị 1 quyển lịch bóc hàng ngày.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS quan sát quyển lịch hàng ngày theo nhóm, chia sẻ hiểu biết về quyển lịch, tờ lịch. Đọc các thông tin ghi trong tờ lịch và thảo luận về những thông tin đó.
- Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Nhận biết ngày trong tuần lễ, một tuần lễ có 7 ngày

- HS chia sẻ theo cặp: “Kể tên các ngày trong một tuần lễ”.
- Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.
- HS trả lời câu hỏi: “Một tuần lễ có mấy ngày? Đó là những ngày nào?”.
- GV nhận xét và chốt thông tin: “Một tuần lễ có 7 ngày là: thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật”.

2. Tìm hiểu tờ lịch, cách xem lịch

a) HS quan sát quyển lịch bóc hàng ngày treo trên bảng.

- GV chỉ vào tờ lịch ngày hôm nay và hỏi: “Hôm nay là thứ mấy?”.
- HS trả lời, ví dụ: “Hôm nay là thứ hai”.
- Gọi vài HS nhắc lại: “Hôm nay là thứ hai”. GV chỉ vào tờ lịch của ngày hôm nay, giúp HS nhận biết được tên gọi của ngày trong tuần lễ ghi trên tờ lịch.
- HS chỉ vào tờ lịch của ngày hôm nay, đọc số chỉ ngày trên tờ lịch, chẳng hạn chỉ vào số 12 trên tờ lịch và nói: “Hôm nay là ngày 12”.

- HS quan sát phía trên cùng của tờ lịch (ghi tháng), chẳng hạn: “Tháng tư”.
HS chỉ vào chữ “Tháng tư” và đọc: “Tháng tư”.

- HS chỉ vào tờ lịch nói: “Hôm nay là thứ hai, ngày 12 tháng tư”.

b) Thực hành xem lịch

HS lấy một vài tờ lịch, thực hành đọc các thông tin trên tờ lịch cho bạn nghe, chẳng hạn: Thứ năm, ngày 15 tháng tư.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp:

a) Ke tên các ngày trong tuần lễ.

b) Hôm nay là thứ năm. Hỏi: Ngày mai là thứ mấy? Hôm qua là thứ mấy?

- Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.

Bài 2

- HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp.

- Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.

Bài 3

- HS quan sát các tờ lịch, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp.

+ Ngày 26 tháng 3 là thứ sáu;

+ Ngày 1 tháng 6 là thứ ba;

+ Ngày 19 tháng 8 là thứ năm;

+ Ngày 20 tháng 11 là thứ bảy.

- GV đặt câu hỏi liên hệ với các sự kiện liên quan đến các ngày trong các tờ lịch trên.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát tranh, đọc tình huống trong bức tranh, thảo luận và trả lời câu hỏi

(Hôm nay là thứ bảy, ngày 15 tháng năm).

- Khuyến khích HS đặt thêm các câu hỏi liên quan đến tình huống trong bức tranh.

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho cuộc sống?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các hoạt động quan sát, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến về cách xem lịch, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán. Kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác và cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

Bài 68. ĐỒNG HỒ - THỜI GIAN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với mặt đồng hồ, biết xem giờ đúng, có nhận biết ban đầu về thời gian.
- Biết xác định và quay kim đồng hồ đúng vị trí tương ứng với giờ; bước đầu nhận biết các thời điểm trong sinh hoạt hằng ngày.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- GV chuẩn bị một đồng hồ giấy có thể quay được kim dài và kim ngắn. Mỗi nhóm HS mang đến một đồng hồ có kim dài và kim ngắn.
- Phiếu bài tập, tranh tình huống như trong SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS quan sát mặt đồng hồ theo nhóm, chia sẻ hiểu biết về các thông tin trên đồng hồ, chẳng hạn: kim ngắn, kim dài, mặt đồng hồ có những số nào, những vạch chia trên mặt đồng hồ ra sao?,...

Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Nhận biết mặt đồng hồ và cách đọc giờ đúng

“Mặt đồng hồ có 12 số, có kim ngắn và kim dài. Kim ngắn và kim dài đều quay

được và quay theo chiều từ số 1 đến số 12 rồi tiếp tục từ số 12 sang số 1. Kim ngắn chỉ giờ, kim dài chỉ phút”.

GV gắn đồng hồ chỉ giờ đúng lên bảng, hướng dẫn HS đọc giờ đúng trên đồng hồ, chẳng hạn: “Kim dài chỉ vào số 12, kim ngắn chỉ đúng vào số 9, ta nói: Đồng hồ chỉ 9 giờ”.

- GV gắn một số đồng hồ chỉ giờ đúng khác lên bảng, HS đọc giờ đúng rồi chia sẻ với bạn.

- GV gọi một vài HS trả lời, đặt câu hỏi để HS giải thích tại sao các em lại đọc được giờ như vậy.

Lưu ý: Khi quay kim đồng hồ, GV quay kim dài trên đồng hồ để HS thấy được việc di chuyển của kim dài kéo theo việc di chuyển của kim ngắn.

2. Thực hành xem đồng hồ

Thực hành theo nhóm, phân biệt kim ngắn, kim dài, quay kim trên mặt đồng hồ của nhóm, rồi đọc kết quả.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp/nhóm bàn: Mỗi đồng hồ chỉ mấy giờ?
- Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.
- GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ: Làm thế nào em đọc được giờ đúng trên đồng hồ?

Bài 2. HS thực hiện các thao tác sau:

- Đọc giờ đúng trên đồng hồ.
- Đọc thông tin dưới bức tranh để chọn đồng hồ thích hợp với mỗi tình huống trong tranh.
- Nói cho bạn nghe kết quả.

GV khuyến khích HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp:

- Sắp xếp lại thứ tự hoạt động theo thời gian cho hợp lí.
- Nói về hoạt động của bản thân tại thời gian trên mỗi đồng hồ đó.
- Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.

Bài 3

- HS quan sát các bức tranh, thảo luận và đặt thêm kim ngắn vào đồng hồ để đồng hồ chỉ thời gian tương ứng với hoạt động trong tranh.
- Kể chuyện theo các bức tranh.

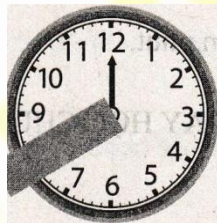
D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát tranh, đọc tình huống trong bức tranh.
- HS thêm kim ngắn vào mặt đồng hồ chỉ thời điểm thích hợp khi bạn Châu đi từ thành phố về quê và thời điểm về đến nơi. Nói cho bạn nghe suy nghĩ của em khi xác định thời gian đi từ thành phố về quê như vậy.
- HS liên hệ với bản thân rồi chia sẻ với các bạn trong nhóm.

E. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho em trong cuộc sống?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Để xem đồng hồ chính xác, em nhận bạn điều gì?



- Em hãy đoán xem đồng hồ sau chỉ mấy giờ.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các hoạt động thực hành quan sát, trao đổi, chia sẻ ý kiến về xem đồng hồ tại các thời điểm gắn với sinh hoạt hằng ngày, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán. Kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác và cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

LƯU Ý

- Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS của lớp mình, GV có thể phân bổ thời gian cho phù hợp. Chẳng hạn tiết 1 có thể kết thúc khi hết hoạt động hình thành kiến thức, cũng có thể kết thúc khi hết bài 1.

- GV cần tổ chức hoạt động giúp HS cảm nhận được sự kết nối giữa toán học và cuộc sống, qua đó học sinh cảm nhận sự quý giá của thời gian.
- Hiểu biết về giờ giấc sinh hoạt của mỗi HS là rất khác nhau. Có những HS đã biết đọc giờ trên đồng hồ nhưng cũng có những em chưa biết. Một số HS gặp khó khăn do nhầm lẫn kim giờ và kim phút.

Bài 69. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- củng cố kĩ năng thực hành tính cộng, trừ các số trong phạm vi 100.
- củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
- Thực hiện được phép tính với số đo độ dài xăng-ti-mét.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Đồng hồ giấy có kim giờ, kim phút.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập phép cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 100 để tìm kết quả của các phép tính trong phạm vi 100 đã học.
- HS chia sẻ trước lớp: Đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng, phép trừ mà mình quan sát được.
- GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS thực hiện tính nhẩm để tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài.
- GV nên giúp HS nhận biết sự liên hệ giữa các phép tính cho trong bài để thực hiện tính nhẩm một cách hợp lí.

Bài 2

a) Đặt tính rồi tính:

- HS đặt tính rồi tính ra vở hoặc ra nháp.
- Đối vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- HS nhận xét khó khăn, sai lầm (nếu có) khi đặt tính và tính kết quả các phép tính cộng, trừ các số có hai chữ số nêu trong bài và nêu cách khắc phục.

b) Tính: GV hướng dẫn HS thực hiện mỗi phép tính theo thứ tự lần lượt từ trái qua phải.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh được tạo thành từ những hình nào. Có bao nhiêu hình mỗi loại? (HS đếm từng loại hình trong tranh vẽ rồi ghi. kết quả vào vở: Có 7 hình vuông, 9 hình tròn, 7 hình tam giác, 3 hình chữ nhật)
- HS chỉ vào tranh vẽ diễn đạt theo ngôn ngữ cá nhân, chẳng hạn: Trong bức tranh này có 9 hình tròn.

Bài 4

- HS thực hiện các hoạt động sau:

a) Quan sát rồi tìm và nêu ra đồng hồ chỉ đúng 3 giờ.

Lưu ý: HS phân biệt kim phút và kim giờ. Để chọn được giờ theo đúng yêu cầu cần giữ nguyên kim phút ở vị trí số 12.

b) Quay các kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ đúng 2 giờ; 11 giờ.

c) HS thực hiện các thao tác sau:

+ Đọc tình huống “Ngày sách Việt Nam”.

+ Xem tờ lịch, đối chiếu với số chỉ ngày, nhìn vào dòng chữ chỉ tháng, sau đó đọc thứ rồi trả lời câu hỏi.

- HS thực hiện các thao tác sau:

+ Đọc tình huống “Tuần lễ văn hoá đọc”; “Khai mạc ngày 21 tháng tư”; “Kết thúc vào thứ mấy?”.

+ Suy luận: 1 tuần lễ có 7 ngày; từ thứ tư này đến thứ ba tuần sau là tròn 7

+ Trả lời câu hỏi: Nếu khai mạc ngày 21 tháng tư (thứ tư) thì kết thúc vào ngày thứ ba tuần sau.

- Chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra và nói kết quả.

Bài 5

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, giải thích tại sao).

- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:

Phép tính: $85 - 35 = 50$.

Trả lời: Thanh gò còn lại dài 50 em.

- HS kiểm tra phép tính và kết quả. Nêu câu trả lời.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, lưu ý HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.

C. Hoạt động vận dụng**Bài 6**

- Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.
- HS chọn con vật cao nhất và lí giải theo cách suy nghĩ của cá nhân mình.
- Khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về chiều cao của các con vật trong bức tranh.
- HS nhận xét các câu trả lời của bạn.

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhấn bạn điều gì?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động: đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100; giải quyết bài toán gắn với tình huống thực tiễn và số đo độ dài, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua các chia sẻ, trao đổi nhóm đặt câu hỏi phản biện HS có cơ hội phát triển NL hợp tác, NL giao tiếp toán học.

LƯU Ý

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tùy thuộc trình độ HS, GV phân bổ thời gian

và tổ chức các hoạt động cho phù hợp. Chẳng hạn: Tiết 1 gồm các bài 1, 2, 3; Tiết 2 gồm các bài 4, 5, 6.

Bài 70. EM VUI HỌC TOÁN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

- Đọc và vận động theo nhịp bài thơ, thông qua đó củng cố kĩ năng xem đồng hồ và hiểu được ý nghĩa của thời gian. Trải nghiệm các động tác tạo hình đồng hồ chỉ giờ đúng.
- Thực hành lắp ghép, tạo hình phát huy trí tưởng tượng sáng tạo của HS.
- Thực hành thiết kế, trang trí đồng hồ; gấp máy bay và trang trí máy bay; phi máy bay và đo khoảng cách bằng bước chân.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số mặt đồng hồ vẽ trên giấy to, hoặc trên máy chiếu, hoặc đồng hồ thật.
- Mỗi nhóm có đủ đĩa giấy, các số, kim đồng hồ, kéo, băng dính hai mặt, bút màu để làm đồng hồ bằng đĩa giấy.
- Các hình bằng giấy màu để ghép như bài 3.
- Mỗi HS chuẩn bị một tờ giấy (nửa tờ A4) để gấp máy bay, bút màu để trang trí máy bay.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động 1

a) Đọc bài thơ và vận động theo nhịp

HS thực hiện theo hướng dẫn GV:

- HS đọc bài thơ và vận động theo nhịp.
- HS nói cho bạn nghe qua bài thơ em biết thêm điều gì.

Chẳng hạn:

- + Bài thơ nhắc chúng mình nhớ kim ngắn chỉ giờ, kim dài chỉ phút.
- + Bài thơ còn nhắc chúng mình: Thời gian trôi nhanh nên em phải chăm chỉ học.

GV khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em. Nhấn mạnh:

kim ngắn chỉ giờ, kim dài chỉ phút và gọi cho HS về quý trọng thời gian. Nhắc HS về nhà đọc bài thơ cho người thân nghe.

b) Chơi trò chơi vận động theo kim đồng hồ

GV hướng dẫn HS chơi trò chơi tạo hình theo kim đồng hồ.

- GV làm mẫu (có thể gọi 1 HS lên bảng làm theo mẫu).
- GV và HS cùng làm: Chơi cả lớp: GV nêu hiệu lệnh (3 giờ). HS thực hiện.
- HS thực hiện trong nhóm.

Lưu ý: Sau khi chơi, GV có thể hỏi HS chơi có thích không? Có khó không? Khó thế nào?

B. Hoạt động 2. Thiết kế đồng hồ bằng đĩa giấy

GV hướng dẫn HS làm đồng hồ bằng đĩa giấy.

Mỗi nhóm làm đồng hồ của nhóm mình; trang trí đồng hồ bằng bút màu; trình bày sản phẩm.

- Khuyến khích HS sáng tạo trong các hoạt động:
 - + Trang trí đồng hồ cho đẹp.
 - + Trình bày, giới thiệu về sản phẩm đồng hồ của nhóm.
- Tổ chức các nhóm đi xung quanh lớp quan sát và bình chọn sản phẩm của nhóm bạn.

c. Hoạt động 3. Lắp ghép, tạo hình

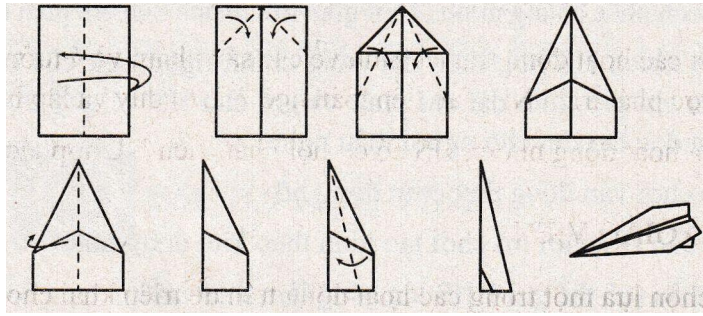
Hoạt động theo nhóm

- HS ghép các hình như trong SGK hoặc ghép hình theo ý thích và giới thiệu về hình mới ghép.
- HS nói cho bạn nghe hình vừa ghép được là hình gì, hình đó được tạo bởi các hình nào.

D. Hoạt động 4. Trò chơi: “Phi máy bay”

a) Gấp máy bay

Hoạt động theo nhóm



- GV hướng dẫn HS gấp máy bay theo từng thao tác:

Lưu ý: GV có thể hướng dẫn gấp máy bay theo cách khác đơn giản hơn.

- Hướng dẫn HS dùng bút màu trang trí máy bay, đặt tên cho máy bay của mình (có thể viết tên của em hoặc tên khác).

b) Thi máy bay nào bay xa hơn

- GV hướng dẫn các nhóm HS phi máy bay ngoài sân trường (hướng dẫn 1 nhóm làm mẫu):

- + Kẻ một vạch xuất phát,
- + Từng bạn trong nhóm phi máy bay,
- + Một bạn đo bằng bước chân,
- + Một bạn ghi lại kết quả đo,
- + Chọn máy bay bay xa nhất trong nhóm,
- + So sánh với các nhóm khác,
- + Chọn ra máy bay bay xa nhất của lớp.

- GV đặt câu hỏi HS suy nghĩ xem tại sao máy bay của bạn lại bay xa hơn (Bạn gấp đầu nhọn hơn, bạn phi mạnh hơn, ...).

· E. Củng cố, dặn dò

- HS nói cảm xúc sau giờ học.
- HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.
- HS nói về hoạt động còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động trải nghiệm: đọc thơ, vận động theo nhịp, tạo hình đồng hồ bằng động tác cơ thể, lắp ghép tạo hình mới bằng các hình đã học, đo đạc trong thực tế và giải quyết các vấn đề phát sinh, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

- Thông qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua hoạt động nhóm, HS có cơ hội phát triển NL hợp tác.

LƯU Ý

GV có thể chọn lựa một trong các hoạt động trên để triển khai cho phù hợp với đối tượng HS và quỹ thời gian của nhà trường. GV cũng có thể dựa vào các hoạt động đã gợi ý để thiết kế các hoạt động trải nghiệm phù hợp với đối tượng hơn. Tạo cơ hội cho HS trải nghiệm để phát triển NL, phẩm chất.

Bài 71. ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ số từ 0 đến 10, các thẻ chữ từ “không” đến “mười”, các thẻ hình như trong SGK trang 158.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Bài 1. Chơi trò chơi “Ghép thẻ”

- Mỗi nhóm HS nhận được các bộ thẻ như ương SGK.
- HS chọn ra các bộ thẻ biểu diễn cùng số lượng, đọc các số.

Nếu còn thời gian, GV có thể cho HS xếp các thẻ số theo thứ tự từ bé đến lớn, đặt ra các yêu cầu cho HS thao tác, chẳng hạn: Bắt đầu từ 6 đếm thêm 3; chọn ra những số bé hơn 6, chọn ra những số lớn hơn 8, ...

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 2

- Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và viết kết quả vào vở.
- Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.

Bài 3

- HS lấy các thẻ số 3, 9, 6, 7. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.
- Có thể thay bằng các thẻ số khác hoặc lấy ra 4 thẻ số bất kì (trong các số từ 0 đến 10) và thực hiện tương tự như trên.

Bài 4

- HS dựa vào việc đếm để tìm các số trong các ô rồi đọc các số đó.
- HS đếm các số theo thứ tự (xuôi, hoặc ngược lại) từ các dãy số vừa thiết lập.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 5

- HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì. Em đã nhìn thấy những đồ vật nào trong tranh, chúng dùng để làm gì?
- HS đặt câu hỏi cho bạn về số lượng các đồ vật, sự vật trong bức tranh. HS đếm và nói số lượng, chẳng hạn: Có 3 cái búa, có 2 cái cưa, có 5 cái kìm,...
- HS có thể đặt câu hỏi cho bạn về so sánh số lượng liên quan số lượng các đồ vật trong tranh.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em ôn lại được những gì?
- Để có thể làm tốt các bài trên, em nhắn bạn điều gì?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động: đếm số lượng, nêu số tương ứng, so sánh số lượng sử dụng các kí hiệu ($>$, $<$, $=$), HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
- Thông qua việc đặt câu hỏi và trả lời liên quan đến các kiến thức toán học gắn với vấn đề thực tiễn cuộc sống, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

Bài 71. ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này. HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Các thẻ số và phép tính để HS thực hành tính nhẩm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS chia sẻ các tình huống có phép cộng, phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em hoặc cho: trò chơi "Truyền điện", "Đố bạn" ôn tập tính cộng hoặc trừ nhâm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép cộng, trừ trong phạm vi 10.
- HS chia sẻ trước lớp Đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng, phép trừ mà mình quan sát được.

- GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp, khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm câu a); Tìm kết quả các phép cộng hoặc trừ nêu trong bài rồi ghi phép tính vào vở.
- Đổi vở, chấm chéo, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả các phép tính tương ứng.
- HS nêu cách thực hiện phép tính ở câu b): Ta cần thực hiện mỗi phép tính lần lượt từ trái qua phải

Bài 2

Cá nhân HS quan sát tranh vẽ, nhận biết và nêu phép cộng thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân; Chia sẻ trước lớp.

Bài 3

Cá nhân HS quan sát tranh, nhận biết và nêu phép trừ thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân; Chia sẻ trước lớp.

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh ở câu a), nêu hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích hợp, ví dụ: $6 + 4 = 10$; $10 - 4 = 6$; ...
- HS quan sát tranh ở câu b) và tham khảo câu a), suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. Chia sẻ trong nhóm

Ví dụ: Có 7 ngôi sao màu vàng và 3 ngôi sao màu đỏ. Có tất cả 10 ngôi sao. Thành lập các phép tính: $7 + 3 = 10$; $3 + 7 = 10$; $10 - 7 = 3$; $10 - 3 = 7$.

- GV chốt lại cách làm. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

C. Hoạt động vận dụng

Bài 5

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời bài toán đặt ra, giải thích

tại sao).



- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:

Phép tính: $7 - 2 = 5$.

Trả lời: Trong ổ còn lại 5 quả trứng chưa nở.

- HS kiểm tra.

- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, lưu ý HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.

GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua luyện tập thực hành tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc nhận biết các bài toán từ các tranh ảnh minh họa hoặc tình huống thực tế và sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển

NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

Bài 73. ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

Học xong bài này, HS sẽ đạt được các yêu cầu sau:

- Ôn tập tổng hợp về đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100.
- Thực hành vận dụng đọc, viết, so sánh các số đã học trong tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Một số thẻ số (như bài 2 trang 162 SGK, bài 3 trang 163 SGK).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Bí ẩn mỗi con số” theo nhóm hoặc cả lớp:

- Một HS viết ra 5 số (mỗi số chứa một thông tin bí mật và có ý nghĩa nào đó liên quan đến người viết) rồi đưa cho các bạn trong nhóm xem.
- Các HS khác đọc số, suy nghĩ, dự đoán và đặt câu hỏi để biết những số bạn viết ra có bí ẩn gì. Mỗi số được đoán 3 lần, ai giải mã được nhiều số bí ẩn nhất người đó thắng cuộc.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập**Bài 1:**

- HS quan sát tranh đếm số lượng mỗi loại quả rồi đọc kết quả cho bạn nghe.
- HS nhận xét cách đếm của bạn và chia sẻ cách đếm khác nếu có.

Bài 2

a) HS thực hiện theo cặp: Cùng nhau rút ra một thẻ số bất kì, rồi đọc mỗi số đó.

b) HS thực hiện tìm số thích hợp trong ô ? rồi ghi kết quả vào vở:

25 gồm 2 chục và 5 đơn vị, ta viết $25 = 20 + 5$;

64 gồm 6 chục và 4 đơn vị, ta viết $64 = 60 + 4$;

80 gồm 8 chục và 0 đơn vị, ta viết $80 = 80 + 0$. HS đổi vở kiểm tra lẫn nhau, nói kết quả.

Bài 3

- Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và viết kết quả vào vở.
- Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.

Bài 4

- HS quan sát các số 67, 49, 85, 38 để tìm số bé nhất, số lớn nhất rồi sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé.
- Có thể thay bằng các thẻ số khác và thực hiện tương tự như trên.

C. Hoạt động vận dụng**Bài 5**

- HS quan sát hình và dự đoán trong hình có bao nhiêu chiếc cốc. Sau đó, đếm để kiểm tra lại dự đoán của mình.
- GV nhận xét: Trong cuộc sống không phải lúc nào người ta cũng đếm chính xác được mọi thứ mà dùng nhiều kĩ năng ước lượng. Em đã bao giờ ước lượng số lượng chưa? Kể cho bạn nghe những tình huống em thấy người ta dùng ước lượng trong cuộc sống.

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Để có thể đếm đúng số lượng, so sánh chính xác hai số em nhắn bạn điều gì?

(*) **Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

Thông qua các hoạt động: đếm số lượng, nêu số tương ứng, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) để so sánh hai số, ước lượng số lượng đồ vật H.S có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

Bài 74. ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

TRONG PHẠM VI 100

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- củng cố kĩ năng cộng, trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

- HS chia sẻ các tình huống có phép cộng, phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em.

Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” để ôn tập các phép tính cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 đã học.

- HS chia sẻ trước lớp: Đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng, phép trừ mà mình quan sát được.
- GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp, khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (HS có thể đặt tính ra nháp để tìm kết quả hoặc tính theo cách riêng nhanh hơn của mình).
- Đổi chéo vở, kiểm tra bài và cùng nhau chữa lỗi sai nếu có.
- HS nêu lại cách thực hiện phép tính mỗi dạng có trong bài 1. Đặc biệt, ở câu b): Ta cần thực hiện mỗi phép tính lần lượt trừ trái qua phải.

Bài 2

- HS đặt tính vào vở hoặc bảng con rồi tính.
- Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
- GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.
- HS nhắc lại cách đặt tính thẳng cột và tính từ phải sang trái, những lưu ý khi thực hiện tính từng dạng bài.

Bài 3

- HS thảo luận tìm lỗi sai trong mỗi phép tính, cùng nhau sửa lại cho đúng
- Liên hệ bản thân trong quá trình tính toán có gặp những lỗi sai kể trên không. Còn những lỗi sai nào nữa?
- GV hỏi HS: Để tránh những lỗi sai trong tính toán chúng ta phải làm gì? Đề kiểm tra lại kết quả phép tính em làm như thế nào?

Bài 4

- HS quan sát hình vẽ, suy nghĩ tìm số bị vết mực che đi.
 - HS chia sẻ với bạn cách suy nghĩ để tìm số bị che khuất. Ghi lại kết quả.
 - Liên hệ, nhắc bạn sắp xếp đồ dùng gọn gàng để tránh xảy ra nhữm i đáng tiếc.

C. Hoạt động vận dụng**Bài 5**

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao).
- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:
Phép tính: $32 + 47 = 79$.
Trả lời: Cả hai anh chị bé được 79 bắp ngô.
- HS kiểm tra lại phép tính và kết quả.

D. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?
- Em thích nhất bài nào? Vì sao?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh



- Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, biết vận dụng phép cộng, phép trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.



vndoc

Bài 75. ÔN TẬP VỀ THỜI GIAN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng xem lịch, xem đồng hồ chỉ giờ đúng, nhận biết các thời điểm trong sinh hoạt hàng ngày.

- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Mặt đồng hồ có thể quay được kim dài và kim ngắn.

- Phiếu bài tập, tranh tình huống như trong SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Đố bạn”. HS quay kim đồng hồ và đố bạn đọc giờ.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp/nhóm bàn: Đồng hồ chỉ mấy giờ?
- Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.
- GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ: Làm thế nào em đọc được giờ trên đồng hồ?

Bài 2. HS thực hiện các thao tác sau:

- Đọc giờ đúng trên mỗi đồng hồ.
- Đọc thông tin dưới bức tranh để chọn đồng hồ thích hợp với mỗi tranh vẽ.
- Nói cho bạn nghe kết quả.
- GV khuyến khích HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp:
 - + Sắp xếp lại thứ tự hoạt động theo thời gian cho hợp lí.
 - + Nói về hoạt động của bản thân tại thời điểm trên mỗi đồng hồ đó.
- Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.

Bài 3

a) HS quan sát tranh, quay kim ngắn trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ thời gian tương ứng với hoạt động trong tranh, chẳng hạn: Buổi chiều, Mai giúp mẹ nấu cơm lúc 6 giờ nên quay kim

ngắn chỉ số 6.

b) Chia sẻ với bạn: Buổi chiều, em thường làm gì lúc 6 giờ?

Nếu có thời gian, HS có thể nêu tình huống đó bạn quay kim đồng hồ chỉ giờ tương ứng, chẳng hạn: Buổi tối, tớ đi ngủ lúc 9 giờ.

Bài 4

- HS chỉ vào từng tờ lịch đọc cho bạn nghe.
- HS quan sát các tờ lịch trong bài, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp:
 - + Ngày 2 tháng 9 là thứ năm;
 - + Ngày 8 tháng 3 là thứ hai;
 - + Ngày 19 tháng 5 là thứ tư;
 - + Ngày 10 tháng 10 là chủ nhật.
- Nói với bạn về những sự kiện em biết gắn với những ngày nói trên.

C. Hoạt động vận dụng

HS có thể liên hệ với bản thân và trả lời một trong những câu hỏi sau: Nếu không có lịch và không có đồng hồ thì cuộc sống của chúng ta sẽ ra sao? Em biết những loại lịch nào? Những loại đồng hồ nào? Ngày xưa khi chưa có lịch và đồng hồ, người ta làm gì để nhận biết thời gian?

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Điều đó giúp ích gì trong cuộc sống?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các hoạt động thực hành quan sát, trao đổi, chia sẻ ý kiến về xem lịch, xem đồng hồ vào các thời điểm gắn với sinh hoạt hằng ngày, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán; kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác, giao tiếp với người khác, cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

Bài 76. ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này. HS đạt các yêu cầu sau:

- Cũng có kĩ năng đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100.
- Cũng có kĩ năng cộng, trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100 và vận dụng để giải quyết vấn đề thực tế.
- Cũng có kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, khối lập phương, khối hộp chữ nhật.
- Biết sử dụng đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét để đo độ dài.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Phiếu học tập.

Mặt đồng hồ có thể quay được kim ngắn, kim dài.

- Trò chơi, tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học, giữa giờ học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Đố bạn” cả lớp hoặc theo nhóm. HS nêu yêu cầu và mời bạn đếm theo yêu cầu, chẳng hạn: Đếm từ 10 đến 18; Đếm các số tròn chục; Đếm tiếp 5; đếm lùi từ 20 về 10; ...

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

a) HS quan sát đoàn tàu, tìm số còn thiếu. Đọc các số và ghi vào phiếu học tập các số còn thiếu trên các toa tàu.

b) Nêu số lớn nhất, số bé nhất trong các số trên.

Bài 2

a) Cá nhân HS làm bài: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài. Đổi chéo vở, kiểm tra bài và cùng nhau chữa lỗi sai nếu có.

b) HS đặt tính rồi tính. Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.

Bài 3

- Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh được ghép thành từ những loại hình nào. Có bao nhiêu hình mỗi loại? (HS đếm từng loại hình trong tranh vẽ rồi ghi kết quả vào vở)
- HS chỉ vào tranh vẽ diễn đạt theo ngôn ngữ cá nhân, chẳng hạn: Để lắp ghép được ô tô cần có 2 hình tròn, 2 hình chữ nhật, 2 hình tam giác và 1 hình vuông.

Bài 4

- HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
- HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao).
- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:
 - a) Phép tính: $30 + 35 = 65$.
Trả lời: Cả hai bạn sưu tầm được 65 bức ảnh.
 - b) Phép tính: $65 - 13 = 52$.
Trả lời: Cả hai bạn sưu tầm được 52 bức ảnh màu.
- HS kiểm tra phép tính và kết quả. Nêu câu trả lời.
- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, lưu ý HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.

C. Hoạt động vận dụng**Bài 5**

- a) HS quan sát tranh, nêu độ dài của mỗi vật.
- b) HS quan sát mỗi đồng hồ, đọc giờ đúng trên mỗi đồng hồ.

HS quay kim đồng hồ chỉ giờ đúng theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: 3 giờ, 12 giờ.

Khuyến khích HS tìm một bài toán thực tế liên quan đến độ dài hoặc liên quan đến thời gian.

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì?

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động: đọc, viết các số trong phạm vi 100; giải quyết bài toán gắn với tình huống thực tiễn và đo độ dài, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua các chia sẻ, trao đổi nhóm đặt câu hỏi phản biện, HS có cơ hội phát triển NL hợp tác, NL giao tiếp toán học.

LƯU Ý

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học, GV có thể căn cứ vào đối tượng HS để đúc ra các bài ôn tập và đánh giá cho phù hợp sao cho đánh giá được các yêu cầu quy định hay không.

Tham khảo: <https://vndoc.com/giao-an-sach-canh-dieu>

